

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM



PETROVIETNAM
PETROCONS

TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2026

DANH MỤC TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2026 CỦA PETROCONS
(Ngày 28/5/2026)

STT	Nội dung	Trang
1	Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	3
2	Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	5
3	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026.	11
4	Báo cáo của Thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT	27
5	Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.	30
6	Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026.	42
7	Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025 và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025.	65
8	Báo cáo tài chính Công ty mẹ đã kiểm toán năm 2025	
9	Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2025 của PETROCONS	
10	Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026	66
11	Tờ trình về việc quyết toán tiền lương, thù lao năm 2025 và phương án lương, thù lao năm 2026 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.	67
12	Tờ trình về việc Thông qua kế hoạch SXKD 5 năm giai đoạn 2026-2030 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	69
14	Tờ trình về việc Bổ sung ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	75
15	Tờ trình về việc Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	77
16	Tờ trình về việc Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	142
17	Tờ trình về việc Sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	199
18	Tờ trình về việc Bầu Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam nhiệm kỳ 2026-2031.	213

STT	Nội dung	Trang
19	Quy chế bầu cử thành viên HĐQT và thành viên BKS nhiệm kỳ 2026-2031.	215
20	Báo cáo về tình hình quản trị Công ty năm 2025 (Bản rút gọn số số 08/BC-XLDK ngày 15/01/2026, báo cáo để cổ đông biết, nắm được)	
21	Dự thảo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	221
22	Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	240

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
(Ngày 28/5/2026)

TT	Thời gian	Nội dung
1	7:30 - 8:30	- Tiếp đón Đại biểu và kiểm tra tư cách cổ đông
2	8:30 - 8:50	- Chào cờ, giới thiệu đại biểu; - Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông đọc biên bản kiểm tra, tuyên bố tính hợp pháp, hợp lệ của Đại hội; - Khai mạc ĐHĐCĐ; - Giới thiệu Đoàn Chủ tịch Đại hội;
3	8:50 - 9:00	- Giới thiệu và thông qua Ban Thư ký đại hội; - Giới thiệu và thông qua Ban Kiểm phiếu đại hội; - Thông qua chương trình và Quy chế Tổ chức của Đại hội.
4	9:00 - 11:30	- Nội dung 1: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026; Báo cáo của Thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT. - Nội dung 2: Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026. - Nội dung 3: Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025 và Kế hoạch năm 2026. - Nội dung 4: Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025 và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 - Nội dung 5: Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026. - Nội dung 6: Tờ trình về việc quyết toán tiền lương, thù lao năm 2025 và phương án lương, thù lao năm 2026 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. - Nội dung 7: Tờ trình về việc thông qua kế hoạch SXKD giai đoạn 2026-2030. - Nội dung 8: Tờ trình về việc bổ sung ngành nghề SXKD - Nội dung 9: Tờ trình về việc Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam - Nội dung 10: Tờ trình về việc Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam - Nội dung 11: Tờ trình về việc Sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

TT	Thời gian	Nội dung
		<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung 12: Tờ trình về việc Bầu Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam nhiệm kỳ 2026-2031.
		<ul style="list-style-type: none"> - Biểu quyết thông qua các nội dung từ số 1 đến số 11 - Ban Kiểm phiếu thực hiện kiểm phiếu biểu quyết - Đại hội nghỉ giải lao - Công bố kết quả biểu quyết
		<ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành bầu cử thành viên HĐQT, thành viên BKS - nội dung 12 - Ban Kiểm phiếu thực hiện kiểm phiếu bầu cử
		<ul style="list-style-type: none"> - Cổ đông thảo luận và trả lời câu hỏi
5	11:30 - 11:50	<ul style="list-style-type: none"> - Công bố kết quả bầu cử - Ra mắt thành viên HĐQT, BKS được bầu - Đại diện Cổ đông - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam phát biểu
6	11:50 – 12:05	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội
7	12:10	<ul style="list-style-type: none"> - Bế mạc Đại hội

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế Tổ chức Đại hội đồng cổ đông sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (sau đây gọi là Đại hội) của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi là Tổng công ty).

Điều 2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thủ tục tiến hành Đại hội.

Điều 3. Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

CHƯƠNG II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông

4.1. Điều kiện tham dự

Cổ đông là đại diện pháp nhân, thể nhân hoặc đại diện cổ đông, một nhóm cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 28/4/2026) được quyền tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

4.2. Quyền của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội

- Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ Tổng công ty.
- Được uỷ quyền bằng văn bản cho người đại diện thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.
- Ban Tổ chức Đại hội sẽ thông báo công khai: toàn bộ nội dung chương trình Đại hội. Tất cả cổ đông đủ điều kiện được tham gia ý kiến trực tiếp hoặc thông qua đại diện uỷ quyền của mình. Tất cả các ý kiến tham gia đều được thảo luận tại Đại hội đồng cổ đông.
- Tại Đại hội, cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền (đại diện cổ đông) đến Đại

hội cần mang theo các giấy tờ sau:

- Thông báo mời họp/Thư mời họp;
- Thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu (bản gốc);
- Giấy ủy quyền bản gốc có các nội dung chính theo mẫu do Tổng công ty ban hành (trường hợp nhận ủy quyền tham dự Đại hội);

(Trường hợp cổ đông là cá nhân thì Giấy ủy quyền phải được ký bởi cổ đông đó. Trường hợp cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì Giấy ủy quyền phải được đóng dấu và ký bởi người đại diện theo pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

Cổ đông, đại diện cổ đông xuất trình các giấy tờ trên cho Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và được nhận một (01) Thẻ biểu quyết, một (01) Phiếu biểu quyết, một (01) Phiếu bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, một (01) Phiếu bầu cử thành viên Ban Kiểm soát (trên các phiếu có ghi mã số cổ đông, nội dung biểu quyết và số cổ phần có quyền biểu quyết của mình). Giá trị biểu quyết mà cổ đông, đại diện cổ đông đó nắm giữ tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông/đại diện cổ đông tham dự tại Đại hội.

- e. Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua từng phần bằng biểu quyết.
- f. Cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.

4.3. Nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông khi tham dự Đại hội:

- a. Tham gia hoặc ủy quyền tham gia cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo Điều lệ của Tổng công ty.
- b. Cổ đông, đại diện cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội đã được thông qua. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông tham dự Đại hội cũng có thể ghi các nội dung vào Phiếu câu hỏi rồi chuyển cho Ban Thư ký Đại hội.
- c. Các cổ đông hay đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban Tổ chức Đại hội.
- d. Nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông do Tổng công ty thành lập. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội nhận giấy tờ cổ đông đến họp; Phát các tài liệu và Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết; Phiếu bầu cử; Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa, Đoàn Chủ tịch

- 6.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT) là chủ tọa cuộc họp.
- 6.2. Chủ tọa cuộc họp đề cử Ban Tổ chức (gồm: Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký Đại hội, Ban Kiểm phiếu) để Đại hội thông qua.
- 6.3. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao.
- 6.4. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông cũng có thể trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:
 - a. Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp;
 - b. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.
- 6.5. Đoàn Chủ tịch được bầu ra tại Đại hội, có nhiệm vụ:
 - a. Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội thông qua; Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự, phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;
 - b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận;
 - c. Trình dự thảo và những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại hội

- a. Chủ tọa giới thiệu Ban Thư ký Đại hội và tổ chức lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.
- b. Ban Thư ký Đại hội thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Đoàn chủ tịch, bao gồm:
 - Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung Đại hội;
 - Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo Biên bản và Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tịch đến các cổ đông khi được yêu cầu;
 - Tiếp nhận phiếu câu hỏi của cổ đông thông qua Tổ giúp việc Đoàn Chủ tịch.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

- 8.1. Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa Đại hội đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên Ban Kiểm phiếu có thể là các cổ đông của Tổng Công ty.
- 8.2. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:
 - Giới thiệu nội dung, cách ghi phiếu biểu quyết; phiếu bầu cử;
 - Giám sát việc biểu quyết, bầu cử của các cổ đông tại Đại hội;

- Thực hiện kiểm Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết khi thông qua các vấn đề được đưa ra Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua;
- Thực hiện thủ tục kiểm phiếu bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
- Thông báo kết quả cho Chủ tọa, Ban Thư ký Đại hội và công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội;
- Chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của kết quả kiểm phiếu.

CHƯƠNG III

TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội

- 9.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam chốt ngày 28/4/2026.
- 9.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 9.1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên theo danh sách cổ đông do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam chốt ngày 28/4/2026.
- 9.3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 9.2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 10. Trật tự của Đại hội

- Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội ăn mặc chỉnh tề.
- Cổ đông khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban Tổ chức Đại hội quy định; Tuân thủ việc điều hành của Chủ tọa và Ban Tổ chức Đại hội.
- Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.
- Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong khi Đại hội diễn ra. Điện thoại di động phải tắt hoặc không để chuông.

Điều 11. Cách thức tiến hành đại hội

- 11.1. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung (theo nội dung đã gửi các cổ đông).
- 11.2. Biểu quyết tại Đại hội
 - Ngoài phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị (Màu xanh), Ban Kiểm soát (Màu hồng), mỗi cổ đông tham dự Đại hội được phát 01 Thẻ biểu quyết (Màu trắng) và

01 Phiếu biểu quyết (Màu vàng), trên đó có ghi mã số cổ đông cùng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó nắm giữ. Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự Đại hội bằng Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết.

- **Thẻ biểu quyết:** được in trên giấy **màu trắng**, dùng để biểu quyết thông qua các nội dung:

- ✓ Thông qua Đoàn Chủ tịch;
- ✓ Thông qua thành phần Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu;
- ✓ Thông qua Chương trình của Đại hội;
- ✓ Thông qua Quy chế Tổ chức Đại hội;
- ✓ Thông qua Quy chế bầu cử;
- ✓ Thông qua nội dung Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và thông qua các vấn đề khác theo yêu cầu của Chủ tọa.

Cổ đông chỉ được sử dụng Thẻ biểu quyết để thông qua một lần cho một nội dung cụ thể. Cổ đông giơ Thẻ biểu quyết mỗi khi Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến cho mỗi vấn đề cần xin ý kiến. Thẻ biểu quyết này được sử dụng khi cổ đông muốn phát biểu ý kiến và khi Chủ tọa đề nghị biểu quyết thông qua các vấn đề nêu trên.

- **Phiếu biểu quyết:** được in trên giấy **màu vàng**, dùng để biểu quyết thông qua các nội dung chính sau:

- ✓ Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và kế hoạch năm 2026; Báo cáo của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị;
- ✓ Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026;
- ✓ Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026;
- ✓ Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025 và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025;
- ✓ Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026;
- ✓ Tờ trình về việc quyết toán tiền lương, thù lao năm 2025 và phương án lương, thù lao năm 2026 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
- ✓ Tờ trình về việc thông qua kế hoạch SXKD 5 năm giai đoạn 2026-2030 của PETROCONS;
- ✓ Tờ trình về việc thông qua phương án tái cơ cấu giai đoạn 2026-2030 của PETROCONS;
- ✓ Tờ trình về việc Bổ sung ngành nghề kinh doanh của PETROCONS;
- ✓ Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của PETROCONS;
- ✓ Tờ trình về việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị PETROCONS;
- ✓ Tờ trình về việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát PETROCONS.

Đối với Phiếu biểu quyết, mỗi vấn đề trên Phiếu biểu quyết có 3 ô trống thể hiện nội dung Tán thành, Không tán thành và Không có ý kiến. Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung không có hoặc có nhiều hơn một tình trạng biểu quyết. Khi đó, các nội dung biểu quyết còn lại vẫn hợp lệ và vẫn được tính vào kết quả kiểm phiếu.

Điều 12. Thông qua Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông về việc: Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty; Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; được thông qua nếu số cổ đông đại diện từ 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề khác (trừ nội dung bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát) trong chương trình Đại hội được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

CHƯƠNG IV

KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 13. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào thành Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty. Biên bản, Nghị quyết cuộc họp được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ tại hệ thống văn thư của Tổng công ty.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Quy chế này gồm 5 Chương 14 Điều, được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT, PC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nghiêm Quang Huy

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
(PETROCONS/Tổng công ty)

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2025, ngành xây dựng có bước chuyển mình nhiều tích cực, đánh dấu giai đoạn phục hồi mạnh mẽ và bước vào chu kỳ tăng trưởng mới sau thời kỳ khó khăn. Giá trị gia tăng của ngành xây dựng trong 6 tháng đầu năm 2025 đã đạt mức tăng trưởng cao (khoảng 9,62%), là mức cao nhất trong 5 năm gần đây, cho thấy ngành đã vượt qua giai đoạn khó khăn nhất. Trong năm 2025, Chính phủ đẩy mạnh vốn đầu tư công, tập trung nguồn lực để hoàn thiện thủ tục và triển khai thi công các dự án lớn. Bên cạnh đó, việc tháo gỡ các vướng mắc về pháp lý các dự án và mặt bằng lãi suất huy động và cho vay duy trì ở mức thấp đã khiến thị trường bất động sản dần phục hồi.

Tuy nhiên, các doanh nghiệp xây dựng cũng đối diện với một số thách thức như: i) Giá nguyên vật liệu chủ chốt duy trì ở mức cao, đặc biệt là thép, xi măng và thiết bị cơ khí, gây sức ép lớn lên chi phí đầu vào của các doanh nghiệp xây lắp; ii) Tiến độ giải ngân vốn đầu tư công tuy có cải thiện so với năm 2024 nhưng vẫn chưa đạt kỳ vọng, dẫn tới nhiều dự án hạ tầng trọng điểm chậm được khởi công hoặc điều chỉnh kế hoạch triển khai; iii) Sự cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các nhà thầu trong và ngoài nước, đặc biệt trong lĩnh vực EPC, đã làm gia tăng áp lực về năng lực tài chính, tiến độ và chất lượng công trình.

Trong bối cảnh đó, hoạt động sản xuất – kinh doanh của PETROCONS chịu ảnh hưởng đáng kể. Một số dự án Tổng công ty dự kiến tiếp thị đấu thầu bị giãn tiến độ, công tác quyết toán gặp nhiều vướng mắc; các khoản công nợ tồn đọng chậm được xử lý, gây ảnh hưởng đến dòng tiền và khả năng thanh toán. Bên cạnh đó, việc tái cấu trúc các đơn vị thành viên, xử lý tài chính các dự án dở dang và áp lực hoàn trả các khoản vay ủy thác cũng ảnh hưởng đến kế hoạch nguồn lực của Tổng công ty. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị và nỗ lực của Ban điều hành, PETROCONS vẫn duy trì được sự ổn định tương đối trong hoạt động, tập trung tháo gỡ các vướng mắc

tồn đọng, nâng cao năng lực quản trị và chuẩn bị nền tảng cho giai đoạn phát triển tiếp theo..

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

1. Kết quả thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

Tình hình thực hiện SXKD năm 2025:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Năm 2025		Tỷ lệ hoàn thành KH năm 2025 (%)	Tỷ lệ 2025/2024 (%)
				Kế hoạch ĐHĐCĐ chấp thuận	Thực hiện		
1	Giá trị SXKD	Tỷ đồng	982,88	1.345,00	1.555,50	116%	158%
	Công ty mẹ	Tỷ đồng	261,84	332,00	160,02	48%	61%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.317,87	1.707,00	2.274,02	133%	173%
	Công ty mẹ	Tỷ đồng	609,04	796,00	1.040,63	131%	171%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4,81	4,56	7,51	165%	156%
	Công ty mẹ	Tỷ đồng	4,12	3,72	10,53	283%	255%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2,61	4,56	0,77	17%	29%
	Công ty mẹ	Tỷ đồng	4,12	3,72	10,53	283%	255%
5	Số phải nộp NSNN	Tỷ đồng	49,14	58,00	50,95	88%	104%
	Công ty mẹ	Tỷ đồng	3,81	9,00	17,82	198%	468%
6	Thu nhập bình quân (*)	Tr.đ/ tháng	11,42	14,50	16,67	115%	146%
	Công ty mẹ		13,25	19,60	22,54	115%	170%

Giá trị SXKD toàn tổ hợp thực hiện 1.555,50 tỷ đồng, đạt 116% kế hoạch năm 2025 và bằng 158% so với năm 2024; Riêng Công ty mẹ thực hiện 160,02 tỷ đồng, đạt 48% kế hoạch năm 2025 và bằng 61% so với năm 2024. Chỉ tiêu Giá trị SXKD của Công ty mẹ không hoàn thành kế hoạch nguyên nhân chủ yếu do thiếu hụt sản lượng dự kiến từ dự án Khu nhà ở CBCNV Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 (kế hoạch 108 tỷ đồng) và dự án NMSX Oxy già (kế hoạch 70 tỷ đồng) do đến nay 02 dự án này lùi thời hạn đấu thầu.

Doanh thu toàn tổ hợp thực hiện 2.274,02 tỷ đồng, đạt 133% kế hoạch năm 2025 và bằng 173% so với năm 2024; Riêng Công ty mẹ thực hiện 1.040,63 tỷ đồng, đạt 131% kế hoạch năm 2025 và bằng 171% so với năm 2024.

Lợi nhuận trước thuế toàn tổ hợp lãi 7,51 tỷ đồng đạt 165% so với kế hoạch năm 2025, bằng 156% so với năm 2024; Lợi nhuận sau thuế toàn tổ hợp lãi 0,77 tỷ đồng. Công ty mẹ lãi 10,53 tỷ đồng đạt 283% kế hoạch năm 2025 và bằng 255% so với năm 2024.

Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ PETROCONS tại thời điểm 31/12/2025 là 296,70 tỷ đồng. Lũy kế Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2025 là 3.780,76 tỷ đồng

(Chi tiết được thể hiện trong báo cáo kết quả SXKD năm 2025 và báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán)

2. Các hoạt động của Hội đồng quản trị (HDQT) năm 2025

2.1. Tổng kết các cuộc họp của HDQT và các quyết định của HDQT

Đến thời điểm hiện tại HDQT PETROCONS bao gồm 05 thành viên, đủ số lượng theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của PETROCONS.

Trong năm 2025, HDQT họp 07 phiên họp thường kỳ và 133 lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, thông qua 33 Nghị quyết, 34 Quyết định và các văn bản chỉ đạo khác liên quan đến các hoạt động của PETROCONS. Các Nghị quyết/Quyết định ban hành năm 2025 được thể hiện chi tiết tại Báo cáo tình hình quản trị công ty số 08/BC-XLDK ngày 15/01/2026 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Bên cạnh đó để tăng cường công tác giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HDQT trong hoạt động sản xuất kinh doanh, HDQT đã cử các Thành viên HDQT tham gia các cuộc họp giao ban và chuyên đề cùng Ban Tổng giám đốc theo đúng trách nhiệm được phân công theo dõi.

2.2. Hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị

Thông tin về các Thành viên Hội đồng quản trị (HDQT) tại thời điểm 31/12/2025:

STT	Thành viên HDQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HDQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Nghiêm Quang Huy	Chủ tịch HDQT	29/05/2025	
2	Ông Phạm Văn Khánh	Thành viên độc lập HDQT	29/05/2025	
3	Ông Chu Thanh Hải	Thành viên HDQT	30/6/2021	
4	Ông Trần Hải Bằng	Thành viên HDQT	30/6/2021	
5	Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên HDQT	20/01/2022	

Các thành viên HDQT đã hoạt động thực hiện nhiệm vụ theo đúng vai trò và quyền hạn được quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của PETROCONS, Quy chế hoạt

động của HĐQT và các quy định pháp luật khác có liên quan trong việc quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của PETROCONS cũng như giám sát nhiệm vụ quản lý, điều hành của Ban Tổng giám đốc thông qua việc:

- Tham gia đầy đủ các hoạt động của HĐQT;
- Có ý kiến tại các phiếu lấy ý kiến để HĐQT ban hành các Nghị quyết, Quyết định, Văn bản của HĐQT;
- Trực tiếp phụ trách theo dõi các lĩnh vực cụ thể trong hoạt động sản xuất kinh doanh của PETROCONS và các đơn vị thành viên theo phân công của HĐQT PETROCONS;
- Thực hiện tốt công tác phối hợp chỉ đạo, quản lý doanh nghiệp với Đảng ủy, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc.

2.3. Báo cáo tiền lương/thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT trong năm 2025

Tiền lương/thù lao của HĐQT năm 2025 là **2.372.864.453 đồng**. Cụ thể:

TT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương/thù lao thực hiện năm 2025
	Tổng cộng		2.372.864.453
1	Nghiêm Quang Huy	Chủ tịch HĐQT	603.957.162
2	Trần Hải Bằng	Thành viên HĐQT	523.024.593
3	Nguyễn Hoài Nam	Thành viên HĐQT	500.152.172
4	Chu Thanh Hải	Thành viên HĐQT	497.690.524
5	Phạm Văn Khánh	Thành viên độc lập HĐQT	248.040.000

- Chi phí hoạt động của HĐQT trong năm 2025 là: 510.027.759 đồng. Sử dụng tuân thủ theo quy chế chi tiêu nội bộ của PETROCONS và các quy định hiện hành.

2.4. Kế hoạch tiền lương/thù lao và chi phí của HĐQT năm 2026

- Tiền lương và thù lao của Thành viên HĐQT chuyên trách: Thực hiện theo Quy chế tiền lương của PETROCONS và thực tế kết quả SXKD của PETROCONS.

- Tiền lương, thù lao của Thành viên độc lập HĐQT: i) Trường hợp thành viên làm việc theo chế độ thường xuyên tại Cơ quan PETROCONS theo quy định của PETROCONS thì được chi trả tiền lương và các chế độ khác theo chế độ áp dụng đối với Thành viên HĐQT chuyên trách; ii) Trường hợp thành viên làm việc không thường xuyên tại Cơ quan PETROCONS (không chuyên trách) được hưởng mức thù lao bằng 70% mức lương chức danh của Thành viên HĐQT chuyên trách.

- Thù lao kiêm nhiệm của Thành viên HĐQT không chuyên trách tối đa bằng 20% mức tiền lương chức danh của Thành viên HĐQT chuyên trách.

2.5. Báo cáo về các giao dịch của Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó

Trong năm 2025, giao dịch giữa các thành viên HĐQT và những người có liên quan với PETROCONS, Công ty con, các Công ty thành viên do PETROCONS nắm giữ quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ được thể hiện tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán của PETROCONS. Các giao dịch này tuân thủ đúng quy định của Pháp luật hiện hành và Điều lệ của PETROCONS.

Trong năm 2025, PETROCONS không có giao dịch với các Công ty mà Thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

2.6. Hoạt động của Thành viên độc lập HĐQT và kết quả đánh giá của Thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT

- Thành viên độc lập HĐQT làm việc theo chế độ không thường xuyên;
- Thành viên độc lập HĐQT tham gia đầy đủ các buổi họp của HĐQT và có đầy đủ ý kiến tại các phiếu xin ý kiến của HĐQT;
- Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ của PETROCONS, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quyết định phân công nhiệm vụ của các Thành viên HĐQT.

2.7. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và các Thành viên trong Ban Tổng giám đốc

HĐQT thường xuyên thực hiện công tác giám sát đối với Tổng giám đốc và các thành viên trong ban Tổng giám đốc trong quá trình triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết HĐQT đã đề ra. Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Tổng giám đốc. Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ, năng lực, phẩm chất và kinh nghiệm, am hiểu đối với lĩnh vực, nhiệm vụ được phân công.

Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động SXKD của đơn vị phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ Điều lệ của PETROCONS, quy định của pháp luật.

Ban Tổng giám đốc làm việc, tổ chức họp giao ban định kỳ thường xuyên với các đơn vị thành viên để kịp thời quản trị các hoạt động SXKD tại các đơn vị theo đúng định hướng chung, giải quyết các khó khăn vướng mắc trong quá trình hoạt động của từng đơn vị.

Ban Tổng giám đốc đã tăng cường thực hiện các biện pháp tiết giảm, kiểm soát chặt chẽ chi phí, dòng tiền nhằm duy trì hoạt động SXKD; thực hiện các giải pháp cùng cố nội lực và tiếp tục đẩy mạnh công tác tiếp thị, đấu thầu, tìm kiếm việc làm mở rộng

thị trường; tích cực triển khai tìm kiếm các nhà đầu tư quan tâm nhận chuyển nhượng vốn tại các đơn vị cũng như xúc tiến các công tác liên quan đến tái cơ cấu PETROCONS.

Thực hiện việc trả lương cho CBCNV Cơ quan PETROCONS và Ban DH dự án thuộc PETROCONS được thực hiện trên nguyên tắc gắn tiền lương với vị trí công việc được định biên, chất lượng và hiệu quả công việc, đảm bảo đời sống của CBCNV làm việc tại Công ty mẹ PETROCONS có thu nhập ổn định.

Ban Tổng giám đốc đã rà soát thực hiện xây dựng điều chỉnh các quy chế/quy định nội bộ của PETROCONS nhằm phù hợp với tình hình SXKD thực tế của PETROCONS và trình Hội đồng quản trị PETROCONS xem xét, phê duyệt.

2.8. Đánh giá chung

a. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của PETROCONS vào ngày 29/5/2025.

- Thẩm tra tài liệu, hỗ trợ các đơn vị thành viên tổ chức đại hội cổ đông thường niên, đại hội cổ đông bất thường.

- Về kết quả sản xuất kinh doanh: Trên cơ sở kế hoạch SXKD năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 58/NQ-ĐHĐCĐ-XLDK ngày 29/05/2025, toàn tổ hợp PETROCONS đã nỗ lực thực hiện hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ SXKD, với lợi nhuận trước thuế toàn tổ hợp lãi 7,51 tỷ đồng đạt 165% so với kế hoạch năm 2025; Lợi nhuận sau thuế toàn tổ hợp lãi 0,77 tỷ đồng. Công ty mẹ lãi 10,53 tỷ đồng bằng 283% kế hoạch năm 2025. Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ PETROCONS tại thời điểm 31/12/2025 là 296,7 tỷ đồng.

- Công tác thi công tại các công trình/dự án:

- + Đối với công trình trọng điểm Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2: Trong năm 2025, PETROCONS đã phối hợp với Ban QLDA dự án ĐLDK Thái Bình 2 thực hiện công tác quyết toán giá trị Hợp đồng EPC; đã giải trình và được Chủ đầu tư/Ban QLDA bổ sung chi phí quản lý mua sắm thiết bị nhập khẩu, hai Bên đã tiến hành ký Phụ lục bổ sung số 60 bổ sung giá trị trước thuế là 161.610.093.708 đồng.

- + Dự án NMNĐ Sông Hậu 1:

- * PETROCONS đang thực hiện công tác quyết toán 02 Hợp đồng số C11/SH1-LLM-PVC&GEOVN về việc Thi công xử lý nền và số C15/SH1-LLM-PVC về việc Thi công các hạng mục xây dựng với Tổng thầu Lilama.

- * Cung cấp vật tư, dịch vụ sửa chữa trong Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1: Trong năm 2025, PETROCONS đã trúng và ký kết một số hợp đồng như Hợp đồng cung cấp bi nghiền số 261/HĐ/2025/PVPGB.NMNĐSH1-PETROCONS/HH, Hợp đồng cung cấp vật tư C&I cho hệ thống DCS 12/HĐ/2025/PVPGB.TITAN-PETROCONS/SH1.

+ Dự án Văn phòng Viện Dầu khí phía Nam: Trong năm 2025, PETROCONS đã hoàn thành hồ sơ quyết toán và thanh lý hợp đồng với Chủ đầu tư. Đến thời điểm báo cáo, Chủ đầu tư đã ký quyết toán và thanh lý hợp đồng.

+ Công trình nâng cấp hệ thống DCS tổ máy S7- NMNĐ Uông Bi: Trong năm 2025, PETROCONS đã hoàn thành công tác quyết toán với Chủ đầu tư.

+ Dự án cung cấp, lắp đặt biển tần cho quạt khói tổ máy S2 NMNĐ Vĩnh Tân 2: Trong năm 2025, PETROCONS đã hoàn thành công tác quyết toán với Chủ đầu tư.

+ Công trình thi công xây dựng bãi thải xỉ, tháp thu nước, tuyến ống nước hồi NMNĐ Quảng Trạch 1: Trong năm 2025, PETROCONS hoàn thành công tác thi công trên công trường, hiện đang thực hiện các công tác thanh quyết toán thu hồi vốn.

+ Cung cấp Bơm cấp 1A cho NMNĐ Cao Ngạn: Trong năm 2025, PETROCONS đã hoàn thành công tác cung cấp, lắp đặt Bơm cấp 1A theo hợp đồng, hiện đang làm công tác thanh, quyết toán thu hồi vốn.

- Công tác tiếp thị đấu thầu ký kết các hợp đồng kinh tế:

+ Tại Công ty mẹ: Trong năm 2025, Công ty mẹ PETROCONS đã tham gia dự thầu và trúng thầu các gói: Hợp đồng cung cấp bi nghiền số 261/HĐ/2025/PVPGB.NMND SH1-PETROCONS/HH; Hợp đồng cung cấp vật tư C&I cho hệ thống DCS 12/HĐ/2025/PVPGB.TITAN-PETROCONS/SH1; Hợp đồng số 265/HĐ/2025/PVPGB.NMĐTB2-PETROCONS/HH về việc thực hiện Gói thầu Nâng cấp hệ thống PLC – Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2; Hợp đồng 15/2025/LP1/T23 về việc Thi công hệ thống thải xỉ cho NMNĐ Long Phú 1; Hợp đồng 14/2025/LP1/T37 về việc Thi công hệ thống EPS và FGD cho NMNĐ Long Phú 1; Hợp đồng số 178/HĐ/2025/PVPGB.NMĐTB2-PETROCONS/HH về việc cung cấp bi nghiền cho NMNĐ Thái Bình 2; HĐ số 108/HĐ.2025.PVPGB.NMNDTB2.PETROCONS.HH về việc cung cấp vật tư C&I cho NMNĐ Thái Bình 2; Hợp đồng số: 167/HĐ/2025/PVPGB.NMĐTB2-PVC/HH về việc Mua sắm vật tư và thuê dịch vụ lắp đặt hệ thống giám sát thông số áp suất các vòi thổi bụi tổ máy S1, S2.

- Công tác xử lý, thu hồi công nợ: Đến thời điểm hiện tại, Công ty mẹ đã xử lý/thu hồi 12,995 tỷ đồng, cụ thể: PVC-ME (0,119 tỷ đồng); PVNC (4,574 tỷ đồng thông qua bù trừ thu tiền chuyển nhượng CP Xi măng 12/9 của PVNC bằng việc mua xi măng Vissai tại dự án Thái Bình 2); CNPB (0,278 tỷ đồng); PETROCONS – Đông Đô (2,093 tỷ đồng); PVC – Bình Sơn (1,106 tỷ đồng, tiền dư ứng CT Sông Hậu 1); DOBC (4,821 tỷ đồng, tiền dư ứng DA Thái Bình 2). Hiện PETROCONS vẫn đang tiếp tục rà soát các khoản nợ chéo, giải quyết các vướng mắc tại các dự án tồn đọng để xây dựng các giải pháp nhằm xử lý/ thu hồi các khoản công nợ.

b. Một số hạn chế, tồn tại:

Năm 2025 được đánh giá là một năm khá thành công của PETROCONS trong việc thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch đã đề ra với sự hỗ trợ của cổ đông lớn Tập đoàn cũng như nỗ lực tìm kiếm thực hiện các giải pháp thúc đẩy SXKD của tập thể lãnh đạo, CBCNV toàn Tổng công ty. Bên cạnh các kết quả đã đạt được nêu trên, PETROCONS vẫn còn phải đối diện với nhiều khó khăn đến từ cả nguyên nhân chủ quan lẫn khách quan, như:

- Công tác thanh quyết toán các gói thầu C11, C15 thuộc dự án NMNĐ Sông Hậu 1 còn chậm, do kéo dài thời gian trong việc thống nhất giá trị quyết toán với Tổng thầu/ Chủ đầu tư.

- Việc chậm trễ quyết toán đối với các dự án chuyển tiếp kéo dài nhiều năm của cả Công ty mẹ lẫn các đơn vị thành viên gây tiềm ẩn nhiều rủi ro trong việc thu hồi vốn, phát sinh các tranh chấp, lãng phí nguồn lực.

- Tại các đơn vị thành viên, công tác tìm kiếm nguồn việc, ký kết hợp đồng mới còn hạn chế dẫn đến thiếu hụt sản lượng so với kế hoạch. Công tác hoàn thành hồ sơ nghiệm thu, thanh/ quyết toán còn tương đối chậm.

- Công tác xử lý nợ, thu hồi các khoản công nợ đến hạn/ quá hạn của PETROCONS và các đơn vị còn tồn tại nhiều khoản công nợ khó đòi, đặc biệt là các khoản nợ chéo giữa các đơn vị tại các dự án. Hầu hết các đơn vị thành viên của PETROCONS hiện nay đều đang gặp khó khăn trong hoạt động SXKD và tài chính, tài sản của các đơn vị hoặc không có hoặc đã cầm cố/thế chấp do đó đơn vị không thể thu xếp được nguồn để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho PETROCONS.

- Công tác thoái vốn đầu tư tại một số đơn vị còn chậm. Trong quá trình thực hiện, do đặc thù phần lớn các đơn vị nằm trong kế hoạch thoái vốn của PETROCONS đều thua lỗ/có giá trị lỗ lũy kế lớn nên việc tìm kiếm các đối tác nhận chuyển nhượng gặp rất nhiều khó khăn.

III. BÁO CÁO VỀ VIỆC THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM ỦY QUYỀN KÝ KẾT VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG EPC DỰ ÁN NMNĐ THÁI BÌNH 2

Thực hiện nội dung được Đại hội đồng cổ đông PETROCONS đã ủy quyền cho HĐQT tại các Nghị quyết: số 543/NQ-ĐHĐCĐ-XLDK ngày 07/6/2014, số 1104/NQ-ĐHĐCĐ-XLDK ngày 15/12/2017, từ năm 2018 đến 2025, HĐQT PetroCons luôn thực hiện trách nhiệm báo cáo các nội dung liên quan đến công tác ký kết và triển khai thực hiện Hợp đồng EPC Dự án NMNĐ Thái Bình 2 và tất cả nội dung đều đã được ĐHĐCĐ thông qua. HĐQT xin báo cáo tóm tắt như sau:

1. Năm 2018:

1.1. ĐHĐCĐ thường niên:

- Tại Báo cáo số 368/XLDK-HĐQT ngày 21/6/2018, HĐQT đã báo cáo ĐHĐCĐ về việc Tổng công ty đã ký Phụ lục bổ sung số 28 điều chỉnh 02 nội dung chính của Hợp

đồng: i) Không áp dụng khấu trừ 0,5% giá trị phần xây dựng cho hoạt động điều phối của Ban điều hành chung trên công trường Dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2; ii) Bổ sung điều khoản thanh toán khoản thuế Thu nhập doanh nghiệp (CIT) của Nhà thầu tư vấn nước ngoài (Worley Parsons) do Tổng công ty nộp thay.

- Nội dung báo cáo được ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 thông qua tại Nghị quyết số 375/NQ-ĐHĐCĐ-XLĐK ngày 22/06/2018.

1.2. ĐHĐCĐ bất thường:

- Tại Báo cáo số 599/BC-XLĐK ngày 29/10/2018, HĐQT đã báo cáo ĐHĐCĐ về việc Tổng Công ty đã ký Phụ lục bổ sung số 29 ngày 19/9/2018 (quy định phương pháp điều chỉnh giá, thuế nhập khẩu, cơ chế tạm thanh toán/thanh toán) và Phụ lục bổ sung số 30 ngày 20/9/2018 (điều chỉnh tỷ lệ giữ lại (phần nội tệ VNĐ) từ 5% xuống còn 3% giá trị hợp đồng EPC).

- Nội dung báo cáo được ĐHĐCĐ bất thường năm 2018 thông qua tại Nghị quyết số 604/NQ-ĐHĐCĐ-XLĐK ngày 29/10/2018.

2. Năm 2019:

- Tại Báo cáo số 195/BC-XLĐK ngày 23/5/2019, HĐQT đã báo cáo ĐHĐCĐ về việc Tổng Công ty đã ký Phụ lục bổ sung số 31 ngày 05/11/2018 (điều chỉnh mức thanh toán một số hạng mục) và Phụ lục bổ sung số 32 ngày 23/11/2018 (điều chỉnh tỷ lệ bảo lãnh thực hiện hợp đồng của nhà thầu phụ các thiết bị chính từ 10% xuống còn 2%; điều chỉnh phạm vi công việc hợp đồng EPC).

- Nội dung báo cáo được ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 thông qua tại Nghị quyết số 201/NQ-ĐHĐCĐ-XLĐK ngày 25/5/2019.

3. Năm 2020:

- Tại Báo cáo số 207/BC-XLĐK ngày 23/6/2020, HĐQT đã báo cáo ĐHĐCĐ về việc Tổng Công ty đã ký Phụ lục bổ sung số 33 ngày 20/02/2020 (bổ sung quy trình phối hợp trong việc lựa chọn nhà thầu thực hiện phần công việc trong nước có giá điều chỉnh).

- Nội dung báo cáo được ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 thông qua tại Nghị quyết số 216/NQ-ĐHĐCĐ-XLĐK ngày 24/6/2020.

4. Năm 2021:

- Tại Báo cáo số 134/BC-XLĐK ngày 25/6/2021, HĐQT đã báo cáo ĐHĐCĐ về việc Tổng Công ty đã ký Phụ lục bổ sung số 34 ngày 08/04/2021 (Điều chỉnh mức thanh toán hợp đồng EPC), Phụ lục bổ sung số 35 ngày 05/05/2021 (Cắt giảm phạm vi công việc hợp đồng EPC), Phụ lục bổ sung số 36 ngày 18/05/2021 (Điều chỉnh tỷ lệ thanh toán phần vật tư trong nước).

- Nội dung báo cáo được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua tại Nghị quyết số 148/NQ-ĐHĐCĐ-XLĐK ngày 30/06/2021.

5. Năm 2022:

- Tại Báo cáo số 152/BC-XLĐK ngày 13/5/2022, HĐQT đã báo cáo ĐHĐCĐ về việc Tổng Công ty đã ký Phụ lục bổ sung số 37 ngày 28/09/2021 (Điều chỉnh phạm vi

công việc hợp đồng EPC), Phụ lục bổ sung số 38 ngày 23/11/2021 (Điều chỉnh phạm vi công việc hợp đồng EPC), Phụ lục bổ sung số 39 ngày 20/12/2021 (Điều chỉnh cơ cấu giá), Phụ lục bổ sung số 40 ngày 14/01/2022 (Điều chỉnh mốc thanh toán hợp đồng EPC).

- Nội dung báo cáo được ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 thông qua tại Nghị quyết số 163/NQ-ĐHĐCĐ-XLĐK ngày 16/05/2022.

6. Năm 2023:

- Tại Báo cáo số 142/BC-XLĐK ngày 05/6/2023, HĐQT đã báo cáo ĐHĐCĐ về việc Tổng Công ty đã ký Phụ lục bổ sung số 41 ngày 10/06/2022 (Điều chỉnh cơ cấu giá hợp đồng EPC), Phụ lục bổ sung số 42 ngày 14/11/2022 (Điều chỉnh tỷ lệ giữ lại của phần tiền USD từ 5% xuống 3%), Phụ lục bổ sung từ số 43 đến 49 nhằm thống nhất/tháo gỡ một số vướng mắc tại dự án.

- Nội dung báo cáo được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua tại Nghị quyết số 146/NQ-ĐHĐCĐ-XLĐK ngày 06/06/2023.

7. Năm 2024:

- Tại Báo cáo số 65/BC-XLĐK ngày 20/5/2024, HĐQT đã báo cáo ĐHĐCĐ về việc Tổng Công ty đã ký Phụ lục bổ sung Hợp đồng EPC từ số 50 đến 53 nhằm thống nhất/tháo gỡ một số vướng mắc tại dự án.

- Nội dung báo cáo được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua tại Nghị quyết số 70/NQ-ĐHĐCĐ-XLĐK ngày 23/05/2024.

8. Năm 2025:

- Tại Báo cáo số 50/BC-XLĐK ngày 27/5/2025, HĐQT đã báo cáo ĐHĐCĐ về việc Tổng Công ty đã ký Phụ lục bổ sung Hợp đồng EPC số 54 và số 55 nhằm thống nhất/tháo gỡ một số vướng mắc tại dự án.

- Nội dung báo cáo được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua tại Nghị quyết số 58/NQ-ĐHĐCĐ-XLĐK ngày 29/05/2025.

9. Năm 2026:

a. Hợp đồng EPC số 9256/HĐ-DKVN

Trong năm 2025, PETROCONS đã ký kết một số Phụ lục bổ sung hợp đồng EPC như sau:

- Ngày 11/04/2025, PETROCONS đã ký kết Phụ lục bổ sung số 57 với Chủ đầu tư/Ban QLDA về Phương án xác định giá Hợp đồng đối với phần giá điều chỉnh của Hợp đồng EPC.

- Ngày 15/04/2025, PETROCONS đã ký kết Phụ lục bổ sung số 58 với Chủ đầu tư/Ban QLDA về việc tách phạm vi công việc liên quan đến thuế khai thác tài nguyên nước ra khỏi phạm vi công việc của Hợp đồng EPC.

- Ngày 16/06/2025, PETROCONS đã ký kết Phụ lục bổ sung số 59 với Chủ đầu tư/Ban QLDA về việc xác định giá hợp đồng của Hợp đồng EPC.

- Ngày 10/11/2025, PETROCONS đã ký kết Phụ lục bổ sung số 59 với Chủ đầu tư/Ban QLDA về việc xác định chi phí quản lý mua sắm thiết bị nhập khẩu của Tổng thầu và bổ sung, cập nhật giá trị hợp đồng của Hợp đồng Tổng thầu EPC.

- PETROCONS đã hoàn thành công tác lập hồ sơ quyết toán hợp đồng và được Chủ đầu tư/Ban QLDA thực hiện rà soát, thẩm định, thống nhất với giá trị quyết toán chưa bao gồm thuế GTGT là 921.354.597 USD và 9.844.348.837.348 VND. Kính báo cáo ĐHCĐ xem xét thông qua giá trị quyết toán hợp đồng nêu trên để PETROCONS có cơ sở triển khai các công việc tiếp theo.

Trong giai đoạn thực hiện, nếu có các nội dung cần bổ sung sửa đổi liên quan đến hợp đồng EPC, HĐQT sẽ cập nhật và báo cáo tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất.

b. Hợp đồng số 30/HDKT/2012/PVC-SDC về việc cung cấp thiết bị chính của NMND Thái Bình 2 giữa PETROCONS với Liên danh nhà thầu SDC (gọi tắt là Hợp đồng EPS)

Trong năm 2024, PETROCONS không phát sinh ký phụ lục bổ sung hợp đồng với Liên danh Nhà thầu SDC. Các trong giai đoạn tiếp theo nếu có phát sinh các nội dung sửa đổi Hợp đồng EPS, HĐQT sẽ kịp thời cập nhật và báo cáo tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất.

Trong năm 2025, PETROCONS không phát sinh ký phụ lục bổ sung hợp đồng với Liên danh Nhà thầu SDC. Các trong giai đoạn tiếp theo nếu có phát sinh các nội dung sửa đổi Hợp đồng EPS, HĐQT sẽ kịp thời cập nhật và báo cáo tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất.

Diễn biến việc tranh chấp hợp đồng với Nhà thầu Daelim E&C (DL E&C) thuộc liên danh SDC:

+ Ngày 25/01/2024, Liên danh SDC đã có công văn số TB2-SDC-PEB-L-5433 gửi cho PETROCONS thông báo: Nhà thầu DL E&C gửi Đơn khởi kiện (“RFA”) PETROCONS tới Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (“VIAC”) liên quan đến Hợp đồng EPS.

+ Ngày 01/3/2024, PETROCONS nhận được Thư thông báo số 478/VIAC ký ngày 26/02/2024 của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (“VIAC”) về việc VIAC đã nhận Đơn Khởi Kiện (“RFA”) của DL E&C.

+ Từ ngày 31/05/2024 đến ngày 02/12/2024, PETROCONS đã nộp cho Hội đồng trọng tài Bản Tự Bảo Vệ (Statement of Defence - “SOD”), Đơn kiện lại (Statement of Counterclaims - “SOCC”) nhà thầu DL E&C và các chứng cứ kèm theo. Đồng thời DL E&C đã gửi các phản hồi về Bản SOD của PETROCONS;

+ Ngày 12/12/2024, Phiên họp trực tuyến về các vấn đề thẩm quyền được tiến hành theo đúng chỉ thị của Hội Đồng Trọng Tài (HĐTT);

+ HĐTT có văn bản số 338/VIAC thông báo ban hành Quyết định về vấn đề thẩm quyền ngày 30/01/2025. Đối với vấn đề thẩm quyền trọng tài, PETROCONS nhận thấy không thỏa đáng với Quyết định của Hội đồng trọng tài về vấn đề thẩm quyền ban hành ngày 30/01/2025. Do vậy, ngày 10/02/2025, PETROCONS nộp đơn khiếu nại kèm theo các tài liệu chứng cứ lên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội (Tòa án) về việc Khiếu nại đối với Quyết định của HĐTT về thẩm quyền của HĐTT. Ngày 06/03/2025, Tòa án ra Thông báo về việc thụ lý vụ án gửi Viện kiểm sát nhân dân TP. Hà Nội và gửi các đương sự.

+ Ngày 14/04/2025, HĐTT có văn bản số 1241/VIAC đã đưa ra các hướng dẫn đối với cách nộp tài liệu cho Bước 12 (Phản đối yêu cầu cung cấp tài liệu), Bước 13 (Tự nguyện cung cấp tài liệu) và Bước 14 (Phản hồi đối với các Phản đối yêu cầu cung cấp tài liệu) được HĐTT quy định tại Lịch biểu Tổ tụng. Thực hiện theo hướng dẫn của HĐTT, PETROCONS đã tổng hợp tài liệu và gửi phản hồi và phản đối đối với các yêu cầu cung cấp chứng cứ của DL E&C vào ngày 07/05/2025, gửi các tài liệu PETROCONS đồng ý cung cấp mà không phản đối vào ngày 04/06/2025, gửi phản hồi về các phản đối của DL E&C đối với các yêu cầu cung cấp tài liệu của PETROCONS ngày 11/06/2025.

+ Ngày 25/6/2025, HĐTT đã ra văn bản số 2250/VIAC quyết định về các yêu cầu cung cấp tài liệu của PETROCONS và DL E&C.

+ Ngày 15/07/2025, PETROCONS đã gửi tới HĐTT và DL E&C các tài liệu mà HĐTT chỉ thị cung cấp.

+ Theo Lịch biểu Tổ tụng của Chi thị Tổ Tụng số 01, PETROCONS sẽ phải nộp các Báo cáo chuyên gia đến Hội đồng Trọng tài. PETROCONS đã lựa chọn chuyên gia Lê Văn Long và Trần Văn Nam thực hiện báo cáo chuyên gia cho chủ đề “Pháp luật Việt Nam về xây dựng áp dụng đối với Hợp Đồng EPS”.

+ Ngày 19/09/2025, PETROCONS đã gửi bản mềm bộ tài liệu lời khai người làm chứng tới Hội đồng Trọng tài qua email và bản cứng đã được nộp sau đó 7 ngày.

+ Ngày, 27/11/2025, các bên đã tiến hành nộp các báo cáo chuyên gia tới HĐTT.

+ Ngày 05/12/2025 và ngày 08/12/2025, VIAC đã gửi văn bản số 4822/VIAC và văn bản số 4852/VIAC về Lịch biểu tổ tụng sửa đổi. Hiện tại, PETROCONS đang tiếp tục bổ sung tài liệu chứng cứ vụ án gửi Tòa án và thực hiện theo Lịch biểu tổ tụng của HĐTT.

Song song với quá trình tổ tụng, hiện PETROCONS vẫn đang làm việc với Nhà thầu Daelim để đàm phán ngoài tổ tụng để tiến tới thương lượng hòa giải. Hiện hai bên vẫn đang xem xét các đề xuất của mỗi bên đưa ra.

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2026

Trên cơ sở đánh giá các nguồn lực hiện có và dự kiến nhu cầu của thị trường, HĐQT xây dựng kế hoạch SXKD năm 2026 với các chỉ tiêu kinh tế chính như sau:

1. Kế hoạch các chỉ tiêu kinh tế năm 2026:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2025			Kế hoạch năm 2026	Tỷ lệ % KH 2026/ TH 2025
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ HTKH		
1	Giá trị SXKD	1.345,00	1.555,50	116%	3.884,00	250%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>332,00</i>	<i>160,02</i>	<i>48%</i>	<i>890,00</i>	<i>556%</i>
2	Tổng doanh thu	1.707,00	2.274,02	133%	3.859,00	170%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>796,00</i>	<i>1.040,63</i>	<i>131%</i>	<i>864,00</i>	<i>83%</i>
3	Lợi nhuận trước thuế	4,56	7,51	165%	28,56	380%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>3,72</i>	<i>10,53</i>	<i>283%</i>	<i>7,99</i>	<i>76%</i>
4	Lợi nhuận sau thuế	4,56	0,77	17%	28,31	3685%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>3,72</i>	<i>10,53</i>	<i>283%</i>	<i>7,99</i>	<i>76%</i>
5	Nộp NSNN	58,00	50,95	88%	35,00	69%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>9,00</i>	<i>17,82</i>	<i>198%</i>	<i>11,00</i>	<i>62%</i>
6	Thu nhập bình quân (trđ/ người/ tháng)	14,50	16,67	115%	16,00	96%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>19,60</i>	<i>22,54</i>	<i>115%</i>	<i>19,58</i>	<i>87%</i>

2. Các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp:

Để phần đầu hoàn thành kế hoạch đề ra, PETROCONS đã đề ra các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm để thực hiện trong năm 2026, cụ thể:

2.1. Công tác tái cấu trúc

- Trên cơ sở phương án tái cấu trúc của PETROCONS giai đoạn 2026-2030 sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xây dựng chi tiết kế hoạch tái cấu trúc năm 2026 để triển khai thực hiện.
- Tiếp tục đôn đốc các đơn vị thành viên đẩy mạnh và chú trọng triển khai công tác cơ cấu lại lĩnh vực hoạt động SXKD của đơn vị. Nghiên cứu, tăng cường phát triển các sản phẩm dịch vụ mới tại đơn vị thành viên: Dịch vụ vận hành và sửa chữa, bảo hành các NMNĐ, Dịch vụ kinh doanh và thương mại các sản phẩm phục vụ công tác thi công xây lắp như xi măng, clinker, tro xi, bê tông....
- Thúc đẩy tiến độ thoái vốn góp tại các đơn vị thông qua việc đăng thông tin kế hoạch thoái vốn trên phương tiện truyền thông (báo điện tử/báo giấy,...) để quảng bá và thu hút Nhà đầu tư quan tâm.

- Xây dựng đề án thí điểm phá sản/giải thể: Rà soát danh mục các công ty con, lựa chọn 1-2 đơn vị hoạt động kém hiệu quả nhất, đủ điều kiện pháp lý và xây dựng lộ trình thực hiện thủ tục phá sản/giải thể.

2.2. Công tác triển khai tại các công trình/ dự án

- Tập trung mọi nguồn lực triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác điều hành thi công và triển khai các dự án. Đảm bảo tiến độ và các tiêu chuẩn về chất lượng trong quá trình thi công.

- Đối với các dự án mới, xây dựng cơ chế kiểm soát chi phí nghiêm ngặt và chặt chẽ, đặc biệt là biến động giá nguyên vật liệu, để đảm bảo biên lợi nhuận dương của từng dự án.

- Tăng cường công tác quản lý, điều hành, giám sát thi công trên các công trường, thường xuyên kiểm điểm tình hình thực hiện dự án, kịp thời giải quyết vướng mắc trong quá trình thi công. Tổ chức thi công khoa học, quản lý, theo dõi chặt chẽ các đơn vị thi công để đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình trọng điểm của PETROCONS.

- Tối ưu hóa chi phí và quy trình thông qua việc đổi mới, áp dụng mô hình thông tin công trình - BIM, sử dụng các phần mềm tiên tiến về quản lý dự án, thiết kế... để cải thiện tính chính xác, giảm thời gian, chi phí thi công và nâng cao hiệu quả.

- Tìm kiếm các nguồn cung cấp nguyên vật liệu với giá cả cạnh tranh mà vẫn đảm bảo chất lượng. Sử dụng các vật liệu và công nghệ tiên tiến để gia tăng độ bền, tính thẩm mỹ và thân thiện với môi trường.

- Xây dựng mối quan hệ với khách hàng thông qua việc cung cấp dịch vụ hậu mãi tốt, giải quyết nhanh chóng các vấn đề phát sinh sau khi bàn giao công trình; Tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng trong việc thanh toán/quyết toán.

2.3. Công tác tiếp thị đầu thầu

- Nâng cao năng lực và chất lượng bộ máy làm công tác đầu thầu. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống nguồn dữ liệu, trong đó bao gồm dữ liệu và hồ sơ năng lực kinh nghiệm thực hiện các công trình tương tự, Hồ sơ năng lực nhân sự, hồ sơ máy móc thiết bị, dữ liệu về nhà cung cấp, định mức, đơn giá nội bộ của Tổng công ty,...

- Bám sát kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư của Petrovietnam và các đơn vị trực thuộc Petrovietnam, đẩy mạnh thực hiện công tác tìm kiếm thông tin, tiếp cận thông tin các gói thầu trong và ngoài ngành Dầu khí.

- Xây dựng Đề án cải thiện năng lực đầu thầu chi tiết, trong đó phân tích các gói thầu đã thất bại để rút kinh nghiệm; chủ động tìm kiếm và thành lập liên danh với các đối tác mạnh trong và ngoài ngành để bù đắp phần năng lực còn yếu; tập trung nguồn lực marketing, bám sát các dự án trọng điểm trong ngành như dự án Lô B, NMNĐ Long Phú 1, NMLD Dung Quất...

- Mở rộng thị trường, tăng cường hợp tác và liên kết thông qua việc khai thác các thị trường tiềm năng, đặc biệt ở các khu vực mới và chưa phát triển, liên kết với các đối tác tại các địa phương để tăng khả năng tiếp cận khách hàng; Hợp tác với các công ty lớn, có uy tín trong nước và quốc tế để tiếp cận, tham gia được các dự án lớn.

2.4. Công tác tài chính kế toán

- Lập kế hoạch, chủ động thực hiện thu xếp, huy động các nguồn vốn đảm bảo phục vụ kịp thời cho các công trình/dự án đang thi công cũng như hoạt động SXKD của PETROCONS trong năm 2026.
- Xây dựng kế hoạch dòng tiền cho toàn bộ hoạt động SXKD năm 2026, tăng cường công tác kiểm soát dòng tiền đảm bảo sử dụng đúng mục đích.
- Tính toán hiệu quả kinh tế, tiết giảm tối đa chi phí quản lý, tối đa hóa lợi nhuận tại các dự án, kiểm soát chặt chẽ kế hoạch chi phí nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát công tác hạch toán kế toán tại các Ban điều hành, các đơn vị thành viên từ đó có những chỉ đạo cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác hạch toán kế toán. Kiện toàn bộ máy làm công tác tài chính kế toán từ công ty mẹ tới các Công ty con và các Ban điều hành trực thuộc Tổng công ty.
- Tiếp tục rà soát các khoản công nợ phải thu, giá trị khối lượng dờ đang tại các công trình/dự án, các đơn vị. Trên cơ sở đó, xây dựng kế hoạch chi tiết thu hồi/ xử lý nợ trong năm 2026 và quyết liệt trong công tác nghiệm thu, thanh quyết toán, thu hồi công nợ, xử lý/bù trừ các khoản công nợ chéo nhằm đảm bảo thu hồi vốn phục vụ hoạt động SXKD của Tổng công ty.
- Rà soát, xây dựng lộ trình cụ thể để làm việc với Petrovietnam và các tổ chức tín dụng nhằm xử lý các khoản vay ủy thác và các khoản bảo lãnh vay vốn, giảm gánh nặng chi phí tài chính.

2.5. Công tác tổ chức quản lý, nhân sự, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

- Nghiêm túc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị của Tổng công ty trong công tác tổ chức, cán bộ, quy hoạch luân chuyển, điều động và bổ nhiệm cán bộ.
- Tiến hành rà soát, đánh giá phân loại cán bộ để thực hiện kiện toàn công tác tổ chức, điều động, luân chuyển cán bộ tại Công ty mẹ Tổng công ty và các đơn vị thành viên phù hợp với tình hình thực tế nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và công tác tái cơ cấu Tổng công ty/ các đơn vị thành viên.
- Tiếp tục xây dựng phương án đề xuất kiện toàn Người đại diện phần vốn và tiến hành kiện toàn Người đại diện tại các Đơn vị; Tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý và giám sát quá trình điều hành và thực hiện nhiệm vụ của Người đại diện phần vốn của PETROCONS tại các Đơn vị.
- Thực hiện công tác quản lý, giám sát tình hình thực hiện về lao động, tiền lương, thu nhập và chế độ chính sách của công ty mẹ và các đơn vị thành viên theo quy định của Nhà nước và thực tế hoạt động SXKD của Tổng công ty.
- Tăng cường thu hút và duy trì nguồn nhân lực chất lượng cao; Đào tạo chuyên sâu, tập trung vào các lĩnh vực chuyên môn chính, cốt lõi từ nguồn kinh phí Tập đoàn hỗ trợ; Tăng cường đào tạo ứng dụng công nghệ tiên tiến vào quản lý dự án để nâng cao chất lượng; Duy trì và tăng cường đào tạo nội bộ tại công ty mẹ và các đơn vị thành viên.

Trên đây là báo cáo hoạt động của HĐQT PETROCONS tổng kết hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026, kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT; BKS; Ban TGD (e-copy);
- Lưu VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nghiêm Quang Huy

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Tôi tên là Phạm Văn Khánh, sinh ngày 03/02/1960, trình độ chuyên môn: Kỹ sư ngành địa chất công trình, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Tiến sỹ Kinh tế.

Tôi được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (Tổng công ty/PETROCONS) ngày 28/5/2025 bầu làm Thành viên độc lập HĐQT (HĐQT) nhiệm kỳ 2025-2030.

Thực hiện nhiệm vụ Thành viên độc lập HĐQT PETROCONS, tôi xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá hoạt động của HĐQT PETROCONS và các công việc tôi đã thực hiện từ ngày 01/01/2025 đến 31/12/2025, cụ thể như sau:

1. Đánh giá hoạt động của HĐQT PETROCONS

- HĐQT PETROCONS hoạt động/làm việc theo: i) Điều lệ PETROCONS đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua; ii) Quy chế nội bộ về quản trị PETROCONS đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua; iii) Quy chế hoạt động của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua; iv) các quy định nội bộ PETROCONS và các quy định của Pháp luật hiện hành.
- Nguyên tắc làm việc của HĐQT: i) HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; ii) Các thành viên HĐQT tự chịu trách nhiệm về phần việc được giao của mình, đồng thời chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về mọi Nghị quyết/Quyết định của HĐQT trong hoạt động quản lý Tổng công ty; iii) HĐQT phân công nhiệm vụ cho các Thành viên HĐQT phụ trách lĩnh vực chuyên môn và giám sát hoạt động của PETROCONS.
- HĐQT thực hiện phê duyệt các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ của Tổng Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, các Quy chế/Quy định nội bộ PETROCONS. Các Tờ trình/văn bản của Tổng giám đốc trình HĐQT phê duyệt được thực hiện xin ý kiến từng Thành viên Hội đồng quản trị tại Phiếu lấy ý kiến hoặc trao đổi/thảo luận tại cuộc họp HĐQT.

- Cuộc họp HĐQT được tổ chức định kỳ theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị, HĐQT tổ chức các cuộc họp bất thường theo tính chất công việc cần xử lý/phê duyệt. Ngoài ra, HĐQT đã cùng Tổng giám đốc tổ chức các cuộc họp giao ban hàng tháng với các Ban/Phòng chuyên môn, các đơn vị thành viên, cuộc họp kiểm điểm tình hình thực hiện tại các dự án, kiểm điểm công tác tái cơ cấu, thu hồi công nợ, các cuộc họp với các đối tác/hợp tác. Bên cạnh đó, HĐQT cử các thành viên HĐQT tham gia các cuộc họp cùng Ban Tổng giám đốc để giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- HĐQT không thành lập các tiểu ban trực thuộc, hiện tại, Tổng công ty có 01 Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Tổng công ty.
- HĐQT chịu sự giám sát của Ban Kiểm soát PETROCONS, các Nghị quyết/Quyết định/Văn bản của HĐQT đều được gửi Ban Kiểm soát.
- Đến thời điểm 31/12/2025, HĐQT PETROCONS có 05 thành viên, trong đó 01 thành viên độc lập HĐQT, đầy đủ số lượng và cơ cấu theo quy định tại Điều lệ của Tổng công ty.
- Trong bối cảnh năm các doanh nghiệp xây dựng đối diện với một số thách thức như: i) Giá nguyên vật liệu chủ chốt duy trì ở mức cao, đặc biệt là thép, xi măng và thiết bị cơ khí, gây sức ép lớn lên chi phí đầu vào của các doanh nghiệp xây lắp; ii) Tiến độ giải ngân vốn đầu tư công tuy có cải thiện so với năm 2024 nhưng vẫn chưa đạt kỳ vọng, dẫn tới nhiều dự án hạ tầng trọng điểm chậm được khởi công hoặc điều chỉnh kế hoạch triển khai; iii) Sự cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các nhà thầu trong và ngoài nước, đặc biệt trong lĩnh vực EPC, đã làm gia tăng áp lực về năng lực tài chính, tiến độ và chất lượng công trình, hoạt động sản xuất – kinh doanh của PETROCONS chịu ảnh hưởng đáng kể. Một số dự án Tổng công ty dự kiến tiếp thị đấu thầu bị giãn tiến độ, công tác quyết toán gặp nhiều vướng mắc; các khoản công nợ tồn đọng chậm được xử lý, gây ảnh hưởng đến dòng tiền và khả năng thanh toán. Bên cạnh đó, việc tái cấu trúc các đơn vị thành viên, xử lý tài chính các dự án dở dang và áp lực hoàn trả các khoản vay ủy thác cũng ảnh hưởng đến kế hoạch nguồn lực của Tổng công ty. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị và nỗ lực của Ban điều hành, PETROCONS vẫn duy trì được sự ổn định tương đối trong hoạt động, tập trung tháo gỡ các vướng mắc tồn đọng, nâng cao năng lực quản trị và chuẩn bị nền tảng cho giai đoạn phát triển tiếp theo...

2. Báo cáo các công việc tôi đã thực hiện trong năm 2025

- Về chế độ làm việc:
 - + Tôi làm việc theo chế độ không thường xuyên tại trụ sở PETROCONS hoặc đi công tác theo sự phân công nhiệm vụ của HĐQT.
 - + Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và trả đầy đủ ý kiến tại các Phiếu lấy ý kiến.

- Về chế độ thù lao: Đến thời điểm hiện tại, PETROCONS thanh toán đầy đủ thù lao của Thành viên độc lập HĐQT theo đúng chế độ thù lao hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Trong năm vừa qua tôi đã cố gắng thực hiện tốt các nhiệm vụ của mình, thực hiện đầy đủ vai trò và nhiệm vụ của Thành viên độc lập HĐQT theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Tổng công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định pháp luật khác có liên quan trong việc quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của PETROCONS.
- Theo phân công nhiệm vụ của HĐQT thì ngoài việc thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chung của Thành viên HĐQT, tôi còn được giao phụ trách trực tiếp các lĩnh vực sau:
 - + Giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành Tổng công ty trên cơ sở các báo cáo định kỳ/đột xuất của Tổng giám đốc trình HĐQT;
 - + Báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT;
 - + Theo dõi, giám sát lĩnh vực công tác đơn giá, định mức, kinh tế;

Trên đây là báo cáo của Thành viên Độc lập HĐQT Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026. Kính báo cáo Đại hội!

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT PETROCONS (báo cáo).

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT

Phạm Văn Khánh

Số: /BC-XLDK

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

BÁO CÁO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

PHẦN I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA TỔNG CÔNG TY NĂM 2025

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2025 bối cảnh kinh tế toàn cầu đầy biến động và phân hóa sâu sắc do những bất ổn từ các cuộc xung đột quốc tế, nhưng nhìn chung, đây vẫn là một năm có nhiều cơ hội đan xen với khó khăn đối với kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động SXKD của PETROCONS nói riêng.

- Về những khó khăn: Thực tế việc thiếu năng lực về nguồn vốn, những tồn tại trong năng lực cạnh tranh dẫn đến công tác tiếp thị đầu thầu, tìm kiếm nguồn việc của PETROCONS còn nhiều hạn chế mang tính chủ quan. Bên cạnh đó, những vướng mắc khách quan về thủ tục hành chính, giải phóng mặt bằng ở Chủ đầu tư cũng là yếu tố làm giãn tiến độ triển khai đầu thầu hoặc chậm tiến độ thi công tại một số dự án gây áp lực lên việc thực hiện kế hoạch sản lượng- doanh thu của PETROCONS. Ngoài ra, giá cả nguyên vật liệu đầu vào biến động thất thường, gây khó khăn cho công tác quản lý chi phí và dự toán biên lợi nhuận tại các công trình/dự án.
- Về những thuận lợi: Điểm tựa lớn nhất trong năm qua chính là sự quyết liệt của Chính phủ trong việc tháo gỡ khó khăn cho công tác đầu tư các dự án hạ tầng, qua đó các Chủ đầu tư đã tích cực triển khai các dự án: NMNĐ Long Phú 1, nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất, cải tạo sửa chữa nâng cấp các NMNĐ... tạo nguồn việc làm để PETROCONS tham gia. Bên cạnh đó, sự hỗ trợ tích cực của Ban QLDA NMNĐ Thái Bình 2/ Petrovietnam nhằm giải quyết các vướng mắc trong công tác quyết toán hợp đồng EPC NMNĐ Thái Bình 2 đã giúp PETROCONS hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu đề ra.

Nhìn chung, năm 2025 dù phải đối mặt với nhiều biến động khách quan từ thị trường, nhưng với kinh nghiệm và sự nỗ lực của tập thể lãnh đạo, cán bộ công nhân viên, PETROCONS đã linh hoạt xây dựng và thực hiện các giải pháp ứng phó, đưa các

dự án về đích, tạo tiền đề quan trọng cho kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 hoàn thành vượt mức kế hoạch đối với nhiều chỉ tiêu kinh tế chủ yếu.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ CHỦ YẾU

Trên cơ sở kế hoạch SXKD năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 58/NQ-ĐHĐCĐ-XLDK ngày 29/05/2025, toàn tổ hợp PETROCONS đã nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ SXKD với kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế đạt được như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Năm 2025		Tỷ lệ hoàn thành KH năm 2025 (%)	Tỷ lệ 2025/2024 (%)
				Kế hoạch ĐHĐCĐ chấp thuận	Thực hiện		
1	Giá trị SXKD	Tỷ đồng	982,88	1.345,00	1.555,50	116%	158%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>261,84</i>	<i>332,00</i>	<i>160,02</i>	<i>48%</i>	<i>61%</i>
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.317,87	1.707,00	2.274,02	133%	173%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>609,04</i>	<i>796,00</i>	<i>1.040,63</i>	<i>131%</i>	<i>171%</i>
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4,81	4,56	7,51	165%	156%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>4,12</i>	<i>3,72</i>	<i>10,53</i>	<i>283%</i>	<i>255%</i>
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2,61	4,56	0,77	17%	29%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>4,12</i>	<i>3,72</i>	<i>10,53</i>	<i>283%</i>	<i>255%</i>
5	Số phải nộp NSNN	Tỷ đồng	49,14	58,00	50,95	88%	104%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>3,81</i>	<i>9,00</i>	<i>17,82</i>	<i>198%</i>	<i>468%</i>
6	Thu nhập bình quân (*)	Tr.đ/ tháng	11,42	14,50	16,67	115%	146%
	<i>Công ty mẹ</i>		<i>13,25</i>	<i>19,60</i>	<i>22,54</i>	<i>115%</i>	<i>170%</i>

(*) Chỉ tiêu kế hoạch và thực hiện thu nhập bình quân năm 2025 đã bao gồm cả Ban điều hành và người lao động điều chỉnh theo Nghị định số 44/2025/NĐ-CP.

- Giá trị SXKD toàn tổ hợp thực hiện 1.555,50 tỷ đồng, đạt 116% kế hoạch năm 2025 và bằng 158% so với năm 2024; Riêng Công ty mẹ thực hiện 160,02 tỷ đồng, đạt 48% kế hoạch năm 2025 và bằng 61% so với năm 2024. Chỉ tiêu Giá trị SXKD của Công ty mẹ không hoàn thành kế hoạch nguyên nhân chủ yếu do thiếu hụt phần sản lượng dự kiến từ dự án Khu nhà ở CBCNV Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 (kế hoạch 108 tỷ đồng) và dự án NMSX Oxy giả (kế hoạch 70 tỷ đồng) do đến nay 02 dự án này lùi thời hạn đầu thầu.
- Doanh thu toàn tổ hợp thực hiện 2.274,02 tỷ đồng, đạt 133% kế hoạch năm 2025 và bằng 173% so với năm 2024; Riêng Công ty mẹ thực hiện 1.040,63 tỷ đồng, đạt 131% kế hoạch năm 2025 và bằng 171% so với năm 2024.

- Lợi nhuận trước thuế toàn tổ hợp lãi 7,51 tỷ đồng đạt 165% so với kế hoạch năm 2025, bằng 156% so với năm 2024; Lợi nhuận sau thuế toàn tổ hợp lãi 0,77 tỷ đồng. Công ty mẹ lãi 10,53 tỷ đồng đạt 283% kế hoạch năm 2025 và bằng 255% so với năm 2024.
- Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ PETROCONS tại thời điểm 31/12/2025 là 296,70 tỷ đồng tăng 3,7% so với đầu kỳ. Lỗ lũy kế Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2025 là 3.780,76 tỷ đồng.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CÔNG TÁC KHÁC

1. Công tác triển khai thi công các công trình/dự án

Trong năm 2025, Công ty mẹ PETROCONS đã thực hiện khởi công các công trình/dự án: Gói thầu Mua sắm vật tư và thuê dịch vụ lắp đặt hệ thống giám sát thông số áp suất các vòi thổi bụi tổ máy S1, S2- NMNĐ Thái Bình 2; Gói thầu mua vật tư dự phòng chiến lược cho thiết bị gia nhiệt nước cấp HP6- NMNĐ Thái Bình 2; Cung cấp, lắp đặt Bơm nước cấp 1A của nhà máy Nhiệt điện Cao Ngạn; Gói thầu T37, T23 Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1. Thực hiện các hợp đồng mua sắm vật tư C&I (hệ thống DCS) cho NMNĐ Sông Hậu 1 và NMNĐ Thái Bình 2; mua sắm bi nghiền đá vôi phục vụ kế hoạch sản xuất năm 2025 của NMNĐ Thái Bình 2.

PETROCONS cũng đã hoàn thành, bàn giao các gói thầu: Mua sắm vật tư và thuê dịch vụ lắp đặt hệ thống giám sát thông số áp suất các vòi thổi bụi tổ máy S1, S2-NMNĐ Thái Bình 2; Cung cấp, lắp đặt Bơm nước cấp 1A của NMNĐ Cao Ngạn (Thái Nguyên); Cung cấp, lắp đặt biển tần cho quạt khói tổ máy S2 NMNĐ Vĩnh Tân 2; Nâng cấp hệ thống DCS tổ máy S7- NMNĐ Uông Bí; Thi công xây dựng bãi thải xỉ, tháp thu nước, tuyến ống nước hồi NMNĐ Quảng Trạch 1.

Tại dự án NMNĐ Thái Bình 2, đã ký Biên bản quyết toán hợp đồng EPC dự án NMNĐ Thái Bình 2 ngày 24/6/2025 và ghi nhận toàn bộ doanh thu phần còn lại của dự án. Trên cơ sở Biên bản Quyết toán Hợp đồng EPC đã ký giữa Ban QLDA và Tổng thầu PETROCONS và Biên bản Điều chỉnh giá trị quyết toán Hợp đồng Tổng thầu EPC dự án NMNĐ Thái Bình 2 ký ngày 24/10/2025, hiện PETROCONS đang tiếp tục phối hợp với các Nhà thầu phụ để hoàn thiện các thủ tục thanh/ quyết toán Hợp đồng thầu phụ.

Hoàn thiện hồ sơ quyết toán, thanh lý hợp đồng số 158 và hợp đồng số 49 tại dự án Khu Đào tạo Quốc tế- Học viện An ninh Nhân dân; Hoàn thành biên bản quyết toán dự án NMNĐ Vũng Áng 1.

Tuy nhiên, tại một số dự án còn nhiều vướng mắc với chủ đầu tư dẫn đến công tác quyết toán còn chưa hoàn thành như: gói thầu C11 và C15 tại dự án NMNĐ Sông Hậu 1; các gói thầu tại dự án Liên hợp LHD Nghi Sơn;...

2. Công tác tái cơ cấu

Trong năm 2025, PETROCONS vẫn đang tiếp tục thực hiện các nội dung sau:

- Triển khai các nội dung tái cơ cấu Công ty mẹ và các đơn vị thành viên theo Chỉ thị số 1770/CT-XLTK ngày 11/12/2024 đối với các nhiệm vụ/giải pháp đã được Hội đồng quản trị chấp thuận.

- Hoàn thành thủ tục ghi giảm vốn góp tại PVC-Kinh Bắc theo Bản án phúc thẩm số 412/2021/HSPT của TAND cấp cao tại Hà Nội, Nghị quyết số 115/NQ-XLDK ngày 24/9/2025 của HĐQT Tổng công ty.
- Rà soát, đánh giá thực trạng của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên. Trên cơ sở đó, PETROCONS đang thực hiện rà soát, xây dựng đề án tái cơ cấu 2026-2030.
- Triển khai các công việc liên quan đến công tác thoái vốn tại PVC-Bình Sơn: Sau khi Chính phủ ban hành Nghị quyết số 253/NQ-CP Ngày 26/8/2025 về việc công bố các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp (Luật số 69/2014/QH13) tiếp tục có hiệu lực, PETROCONS đã phối hợp với đơn vị tư vấn đã xây dựng và được HĐQT PETROCONS phê duyệt phương án chuyển nhượng thông qua các Quyết định số 125/QĐ-XLDK ngày 03/11/2025 về việc phê duyệt phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn của Tổng công ty tại PVC-Bình Sơn và Quyết định số 132/QĐ-XLDK ngày 01/12/2025 về việc Chấp thuận cho Tổng công ty thực hiện ủy quyền của PETROCONS Đông Đô về việc triển khai các thủ tục chuyển nhượng phần vốn tại PVC-Bình Sơn. Ngày 04/12/2025 Tổng công ty đã thành lập Ban tổ chức triển khai phương án chuyển nhượng vốn của Tổng công ty và PETROCONS Đông Đô tại PVC-Bình Sơn và ban hành Quy chế chuyển nhượng. Tuy nhiên đợt chào bán cổ phần của PETROCONS và PETROCONS-Đông Đô tại PVC-Bình Sơn trong tháng 12/2025 không thành công.

Trên cơ sở đánh giá của HĐQT PETROCONS, công tác thoái vốn tại PVC-Bình Sơn sẽ tiếp tục triển khai thực hiện khi có được sự quan tâm của nhà đầu tư với mức giá đề xuất nhận chuyển nhượng tiệm cận với giá trị doanh nghiệp (trên cơ sở phân tích đánh giá từ giá trị đã định giá và số liệu tài chính của PVC-Bình Sơn gần nhất) để đảm bảo công tác thẩm định giá và chuyển nhượng được thực hiện đúng quy định của pháp luật và quy chế của Tổng công ty.

3. Công tác hợp đồng kinh tế, tài chính, kế toán và kiểm toán

3.1. Công tác tiếp thị đấu thầu và ký kết hợp đồng kinh tế:

❖ Công tác ký kết các dự án/hợp đồng:

Năm 2025, Công ty mẹ Tổng công ty tích cực tham gia dự thầu nhiều gói thầu và đã ký 10 hợp đồng thi công, mua sắm, lắp đặt mới và 01 hợp đồng ủy thác nhập khẩu thiết bị với tổng giá trị hơn 548 tỷ đồng.

Tại các đơn vị thành viên đã ký mới nhiều hợp đồng/PL hợp đồng với tổng giá trị khoảng 3.500 tỷ đồng, trong đó: (i) PVC-MS ký 08 hợp đồng với tổng giá trị 3.326,60 tỷ đồng; (ii) PVC-TB ký 12 hợp đồng/thầu phụ với giá trị 39,20 tỷ đồng; (iii) PVC-Bình Sơn ký 08 hợp đồng với giá trị 44,2 tỷ đồng; (iv) DOBC ký 18 hợp đồng/PL hợp đồng với tổng giá trị 39,96 tỷ đồng; (v) PVC-IC ký 01 hợp đồng với giá trị 2,87 tỷ đồng; (vi) PVC-TH ký 01 hợp đồng với giá trị 15,99 tỷ đồng và (vii) PVC-Duyên Hải ký 01 hợp đồng với giá trị 32,38 tỷ đồng.

❖ Công tác tiếp thị đấu thầu:

PETROCONS và các đơn vị thành viên tích cực theo dõi và tiếp cận/ phát triển nguồn việc từ các công trình/dự án: Khu nhà ở CBCNV vận hành NMNĐ Thái Bình 2; các gói thầu thuộc Nhà máy nhiệt điện Long Phú 1; Dự án mở rộng và nâng cấp Nhà máy Lọc dầu Dung Quất,...

Bên cạnh kết quả trúng thầu và ký hợp đồng trong năm 2025, trong 4 tháng đầu năm 2026, Công ty mẹ PETROCONS đã ký mới 03 hợp đồng với tổng giá trị 404 tỷ đồng. Cụ thể: (i) Gói thầu Thi công San lấp mặt bằng dự án Nâng cấp mở rộng nhà máy lọc dầu Dung Quất ký với Công ty Cổ phần lọc hóa Dầu Bình Sơn với giá trị 369 tỷ đồng; (ii) Gói thầu Cung cấp bi nghiền than phục vụ vận hành NMNĐ Duyên Hải 1 với giá trị 20 tỷ đồng; (iii) Mua sắm vật tư C&I dự phòng bắt buộc năm 2025 đợt 2 - Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với giá trị 15 tỷ đồng. Hiện đang tiếp tục đàm phán hợp đồng với các gói thầu đã thông báo trúng thầu. Tại các đơn vị thành viên trong 4 tháng đầu năm 2026 đã ký nhiều hợp đồng với tổng giá trị khoảng 193 tỷ đồng.

Ngoài ra, PETROCONS cũng tiếp tục bám sát, làm việc với các đối tác trong và ngoài nước để thực hiện các dự án đang chuẩn bị đấu thầu, đồng thời tìm kiếm lựa chọn những đối tác có tiềm năng có thể hợp tác cho các dự án trong tương lai.

3.2. Công tác tài chính, kế toán, kiểm toán:

- Hoàn thành phê duyệt quyết toán chi phí quản lý năm 2024 của Cơ quan Tổng công ty và các Ban ĐHDA thuộc Công ty mẹ, về cơ bản chi phí quản lý bám sát dự toán đã được phê duyệt. Phê duyệt kế hoạch CPQL năm 2025 của Công ty mẹ Tổng công ty.
- Cân đối dòng tiền, thu xếp vốn các dự án và các khoản chi thường xuyên. Cân đối nguồn, thực hiện các thủ tục gia hạn/ phát hành bảo lãnh tại các tổ chức tín dụng cho dự án NMNĐ Thái Bình 2 và các công trình PETROCONS thực hiện thi công trong năm 2025.
- Dự nợ gốc ủy thác tại thời điểm 31/12/2025 là 575,67 tỷ đồng trong đó PETROCONS phải thu các đơn vị: 344,6 tỷ đồng (bao gồm: Khách sạn Lam Kinh: 200 tỷ đồng; PVC-SG: 128,3 tỷ đồng; PVNC: 16,3 tỷ đồng); khoản PETROCONS sử dụng: 230,99 tỷ đồng. Đến thời điểm 31/3/2026, lãi vay PETROCONS còn phải trả Petrovietnam là: 185,28 tỷ đồng, trong đó: Lãi trong hạn chưa thanh toán: 90,01 tỷ đồng; Tiền phạt chậm trả lãi, gốc: 95,28 tỷ đồng.
- Trong năm 2025, PETROCONS đã xây dựng phương án và kiến nghị Petrovietnam chấp thuận thu hồi nợ gốc vay ủy thác (phần Công ty mẹ PETROCONS sử dụng với giá trị 223,07 tỷ đồng) thông qua hình thức bù trừ công nợ là giá trị chi phí quản lý mua sắm thiết bị nhập khẩu tại dự án NMNĐ Thái Bình 2. Hiện PETROCONS vẫn đang tiếp tục phối hợp với Ban QLDA Thái Bình 2 và kiến nghị Petrovietnam trình cấp có thẩm quyền xem xét, chấp thuận và miễn giảm các khoản chi phí lãi vay trong hạn/quá hạn đối với khoản vay ủy thác nêu trên.
- Trong năm 2025 không có phát sinh liên quan đến các đơn vị về khoản bảo lãnh, trích lập dự phòng cho các khoản bảo lãnh. Đến hết năm 2025, PETROCONS còn các khoản bảo lãnh cho các đơn vị thành viên vay vốn 155,04 tỷ đồng (trong đó, PVC-HN: 73,67 tỷ đồng; PVC-ME: 64,27 tỷ đồng; PVC-SG: 17,10 tỷ đồng). Các

khoản bảo lãnh này đều đã quá hạn, PETROCONS đã trích lập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả đến thời điểm hiện tại là: 137,94 tỷ đồng.

- Tính đến 31/12/2025, công nợ phải thu của Công ty mẹ PETROCONS là 2.522,41 tỷ đồng, bao gồm: công nợ trả trước cho người bán là 559,35 tỷ đồng, phải thu khách hàng là 1.254,22 tỷ đồng, phải thu cho vay là 355,67 tỷ đồng, phải thu khác là 353,15 tỷ đồng. Đã trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi 876,94 tỷ đồng.

4. Công tác đầu tư

4.1. Đầu tư tài chính

Năm 2025, PETROCONS không thực hiện đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp. Trên cơ sở Nghị quyết số 115/NQ-XLDK ngày 24/9/2025 của HĐQT Tổng công ty, PETROCONS đã thực hiện ghi giảm giá trị đầu tư góp vốn tại PVC-Kinh Bắc 21 tỷ đồng. Đến thời điểm 31/12/2025, Công ty mẹ PETROCONS có vốn góp tại 25 đơn vị với giá trị đầu tư 2.305,55 tỷ đồng. Trong đó đầu tư tại 07 Công ty con là 1.384,91 tỷ đồng, các đơn vị liên kết (11 đơn vị) là 735,45 tỷ đồng và đầu tư tài chính khác (07 đơn vị) 185,20 tỷ đồng.

Lũy kế trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính đến thời điểm 31/12/2025 là 1.823,03 tỷ đồng bằng 79,07% tổng giá trị đầu tư tài chính của PETROCONS. Trong năm 2025, PETROCONS đã hạch toán hoàn nhập chi phí trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính với tổng giá trị 12,44 tỷ đồng. Bao gồm: (i) Trích lập bổ sung cho các đơn vị thua lỗ 31,37 tỷ đồng, (ii) Hoàn nhập trích lập 43,81 tỷ đồng (trong đó hoàn nhập toàn bộ giá trị đã trích lập 32,54 tỷ đồng cho khoản vốn góp tại PVC- Bình Sơn sau khi thẩm định giá trị thị trường của doanh nghiệp).

4.2. Đầu tư bất động sản, Xây dựng cơ bản, hạ tầng và mua sắm máy móc thiết bị

- Năm 2025, Công ty mẹ PETROCONS và các Công ty con không thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị.

5. Công tác thoái/ thu hồi vốn/ quản lý tài sản, các dự án của Công ty mẹ:

- *Thu hồi vốn đầu tư tại dự án Soài Rạp – Tiền Giang:* Ngày 17/4/2025, PETROCONS đã họp với UBND tỉnh Tiền Giang về việc bàn giao dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tiền Giang. Theo đó, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường đã có ý kiến kết luận: UBND tỉnh Tiền Giang sẽ tiến hành lựa chọn nhà đầu tư mới, sau khi lựa chọn được nhà đầu tư sẽ hoàn trả các giá trị còn lại của Petrovietnam (195.280.413.654 đồng) và PETROCONS (126.434.483.869 đồng).

Hiện PETROCONS vẫn đang tiếp tục bám sát UBND tỉnh Đồng Tháp và Sở NN&MT tỉnh Đồng Tháp để nắm bắt tình hình xử lý việc thành lý hợp đồng thuê lại đất giữa PETROCONS và PVPIPE tại Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp.

- *Khu đất 3.400m² đất tại Tam Đảo, Vĩnh Phúc:* PETROCONS đã hoàn thành nghĩa vụ thuế, nhận giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đứng tên chủ quyền và ghi nhận tăng tài sản đối với thửa đất theo Nghị quyết 115/NQ-XLDK ngày 24/9/2025 của HĐQT Tổng công ty.

Đối với công tác chuyển nhượng khu đất: HĐQT PETROCONS đã ban hành Nghị quyết số 114/NQ-XLDK về việc chấp thuận chủ trương định giá khu đất. Ngày 27/11/2025, đơn vị tư vấn thẩm định giá đã hoàn thành dự thảo chứng thư thẩm định giá. Ngày 06/01/2026 Công ty KVA (đơn vị thẩm định giá) đã ban hành chứng thư thẩm định giá với giá trị thẩm định xác định tại chứng thư là: 210.633.400.000 đồng.

Trên cơ sở Nghị quyết phê duyệt chủ trương chuyển nhượng và giá khởi điểm, PETROCONS đã phối hợp với đơn vị đấu giá (VNA) tổ chức thông báo công khai theo quy định, tuy nhiên phiên đấu giá lần 1 không thành công do không có nhà đấu tư đăng ký tham gia. Hiện PetroCons đang hoàn thiện các thủ tục nhằm phê duyệt điều chỉnh giá khởi điểm để đấu giá lần 2.

- *Dự án Xưởng cơ khí Miền Trung- Quảng Ngãi*: Hiện tại, Tổng công ty vẫn đang tiếp tục xúc tiến tìm kiếm các khách hàng phù hợp để hợp tác kinh doanh khai thác mặt bằng Xưởng cơ khí, tạo nguồn tiền nhằm thanh toán chi phí thuê đất hàng năm cho Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất.

- *Khu đất tại phố Chùa Hà- Hà Nội*: PETROCONS tiếp tục thực hiện các thủ tục để gia hạn hợp đồng thuê đất (bao gồm: đo vẽ bản đồ hiện trạng, xin chỉ giới đường đỏ, xin thông tin quy hoạch, rà soát hiện trạng sử dụng đất...). Tuy nhiên, đến nay công tác trên vẫn chưa hoàn tất do vướng mắc về việc thống nhất cách tính tiền thuê đất từ năm 2011-2019 cũng như ảnh hưởng từ công tác sáp nhập địa giới hành chính. Hiện PETROCONS tiếp tục bám sát các cơ quan chức năng để thực hiện các thủ tục gia hạn hợp đồng thuê đất. Bên cạnh đó, PETROCONS đã có văn bản đề nghị giảm 30% thuế đất Chùa Hà năm 2025 theo Nghị định 230 và đã được Thuế Hà Nội ban hành Quyết định giảm 30% tiền thuê đất năm 2025, dự kiến số tiền thuê đất phải nộp sau khi giảm 30% là 303,37 triệu đồng (giảm khoảng 130 triệu đồng).

6. Công tác khác

- Trong năm 2025, PETROCONS đã tích cực phối hợp với các đơn vị tư vấn luật thực hiện các công tác pháp chế nhằm bảo đảm quyền lợi và lợi ích hợp pháp của PETROCONS tại các vụ kiện, công tác thi hành án có liên quan đến PETROCONS, như:

+ Theo yêu cầu kháng cáo của PVR, ngày 20/6/2025, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm (lần thứ hai) và ngày 07/01/2026, Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định 12240/QĐ-THADS về việc thi hành án theo yêu cầu đối với Công ty PVR Hà Nội về việc PVR Hà Nội buộc phải trả PETROCONS 49 tỷ đồng. Hiện Tổng công ty đã nộp đơn yêu cầu THA cho Thi hành án Hà Nội

+ Đối với việc thi hành án tại vụ kiện với Lisemco (phải trả PETROCONS 40,63 tỷ đồng), Thành Trang- Tagi (phải trả PETROCONS 23,12 tỷ đồng), PETROCONS đang tiếp tục làm việc với cơ quan chức năng để xác minh tài sản của đơn vị nhằm yêu cầu thực hiện thi hành án, thu hồi tài sản về cho PETROCONS.

+ Đối với vụ kiện của SDC: PETROCONS phối hợp với đơn vị tư vấn pháp lý tiếp tục thực hiện các bước của quá trình tố tụng. Ngoài ra, song song với quá trình tố

tung, Tổng công ty vẫn tiếp tục tiến hành đàm phán để giải quyết các tranh chấp thông qua thương lượng, hòa giải với Nhà thầu DL E&C.

+ PETROCONS tiếp tục bám sát và giải quyết vụ kiện Tổng công ty là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tại vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa PVCombank và PVC-MT. Đến thời điểm hiện tại đã thành công trong việc bảo vệ việc chấm dứt nghĩa vụ bảo lãnh của PETROCONS với khoản nợ của PVC-MT tại PVCombank (khoảng 147 tỷ đồng).

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty PETROCONS. Thẩm tra tài liệu, hỗ trợ các đơn vị thành viên tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Trong đó chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên 6/7 Công ty con (PVC-Mekong không tổ chức Đại hội). Đối với đơn vị liên kết, đầu tư tài chính: có 04 đơn vị đã tổ chức thành công đại hội là PVC-TH, PVC-MT; XMHL; PVC-Duyên Hải.

- Hoàn thành đánh giá chính thức mức độ hoàn thành chức trách, nhiệm vụ Người đại diện của PETROCONS tại doanh nghiệp khác năm 2024; Kiện toàn Người đại diện phần vốn tại các đơn vị thành viên, đảm bảo phù hợp với tình hình SXKD của các đơn vị.

- Công tác quản lý, sử dụng lao động tại Công ty mẹ Tổng công ty phù hợp với quy định của Nhà nước và Quy chế/Quy định của Tổng công ty. Tại Công ty mẹ Tổng công ty đã thực hiện công tác định biên, sắp xếp sử dụng lao động tại Cơ quan Tổng công ty năm 2025 và đánh giá kết quả thực hiện công việc của CBCNV tại các Ban/Phòng Tổng công ty. Đến cuối tháng 12/2025, số lao động toàn Tổng công ty (bao gồm Công ty mẹ và 07 Công ty chi phối): 1.303 người, trong đó Công ty mẹ là 165 người (Bao gồm lao động ký hợp đồng giao khoán để làm việc tại các dự án do Tổng công ty trực tiếp thực hiện).

- Trong công tác thực hiện tiền lương: PETROCONS đã triển khai thực hiện vận dụng Nghị định số 44/2025/NĐ-CP (Nghị định 44) và Thông tư số 003/2025/TT-BNV, ban hành Quy chế trả lương kèm theo Quyết định số 126/QĐ-XLKD ngày 04/11/2025 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Thu nhập bình quân (bao gồm Ban điều hành và người lao động) năm 2025 toàn tổ hợp là 16,67 triệu đồng/người/tháng, trong đó thu nhập bình quân của Công ty mẹ 22,54 triệu đồng/người/tháng.

- Trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, PETROCONS đã tổ chức triển khai các khóa đào tạo từ nguồn kinh phí được Petrovietnam hỗ trợ. Năm 2025 toàn tổ hợp Tổng công ty ước thực hiện 1,524 tỷ đồng với 1.613 lượt người được đào tạo. Tại Công ty mẹ Tổng công ty ước thực hiện 730 triệu đồng với số lượt tham gia đào tạo là 197 học viên.

IV. CÁC TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Năm 2025, được đánh giá là một năm tương đối thành công của PETROCONS trong việc thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch đã đề ra với sự hỗ trợ của Tập đoàn Công nghiệp- Năng lượng Quốc gia Việt Nam cũng như những nỗ lực tìm kiếm thực hiện các giải pháp thúc đẩy SXKD của tập thể lãnh đạo, CBCNV toàn Tổng công ty. Bên cạnh

các kết quả đã đạt được nêu trên, PETROCONS vẫn còn phải đối diện với nhiều khó khăn đến từ cả nguyên nhân chủ quan lẫn khách quan, như:

- Công tác thanh quyết toán các gói thầu C11, C15 thuộc dự án NMNĐ Sông Hậu I còn chậm, do kéo dài thời gian trong việc thống nhất giá trị quyết toán với Tổng thầu/ Chủ đầu tư.
- Việc chậm trễ quyết toán đối với các dự án chuyển tiếp kéo dài nhiều năm của cả Công ty mẹ lẫn các đơn vị thành viên gây tiềm ẩn nhiều rủi ro trong việc thu hồi vốn, phát sinh các tranh chấp, lãng phí nguồn lực.
- Tại các đơn vị thành viên, công tác tìm kiếm nguồn việc, ký kết hợp đồng mới còn hạn chế dẫn đến thiếu hụt sản lượng so với kế hoạch. Công tác hoàn thành hồ sơ nghiệm thu, thanh/ quyết toán còn tương đối chậm.
- Công tác xử lý nợ, thu hồi các khoản công nợ đến hạn/ quá hạn của PETROCONS và các đơn vị còn tồn tại nhiều khoản công nợ khó đòi, đặc biệt là các khoản nợ chéo giữa các đơn vị tại các dự án. Hầu hết các đơn vị thành viên của PETROCONS hiện nay đều đang gặp khó khăn trong hoạt động SXKD và tài chính, tài sản của các đơn vị hoặc không có hoặc đã cầm cố/thế chấp do đó đơn vị không thể thu xếp được nguồn để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho PETROCONS.
- Công tác thoái vốn đầu tư tại một số đơn vị còn chậm. Trong quá trình thực hiện, do đặc thù phần lớn các đơn vị nằm trong kế hoạch thoái vốn của PETROCONS đều thua lỗ/có giá trị lỗ lũy kế lớn nên việc tìm kiếm các đối tác nhận chuyển nhượng gặp rất nhiều khó khăn.

Bài học kinh nghiệm cần đưa ra để PETROCONS và các đơn vị thành viên nhìn nhận và triển khai các phương hướng, giải pháp thúc đẩy hiệu quả hoạt động SXKD trong các năm kế tiếp là:

- Cần phải kiện toàn cơ cấu tổ chức của PETROCONS, rà soát, sắp xếp lại bộ máy quản lý, định biên lao động một cách hợp lý. Hoàn thiện phương án quản lý, tổ chức theo hướng gọn nhẹ, chuyên sâu nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh, tìm kiếm thông tin, tăng cường công tác tiếp thị mở rộng thị trường, tăng cường hợp tác với các đối tác để nâng cao năng lực đầu thầu.
- Quyết liệt trong công tác chỉ đạo điều hành thi công, lãnh đạo luôn bám sát công trường. Từ thực tiễn kịp thời đưa ra các giải pháp, hướng chỉ đạo linh hoạt. Quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn thu hồi được.
- Kiểm soát tốt chi phí, giám giá thành sản phẩm, giám sát thực hành tiết kiệm chi phí quản lý. Hoàn thiện hệ thống định mức kinh tế, kỹ thuật, nâng cao chất lượng công tác xây dựng dự toán gói thầu/ hạng mục công việc từ khâu chuẩn bị hồ sơ.
- Chú trọng công tác đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu SXKD, phù hợp với tốc độ tăng trưởng của PETROCONS.

- Cơ cấu lại nguồn vốn nhằm nâng cao tối đa hiệu quả sử dụng vốn, thu hồi nguồn vốn đang đầu tư vào các đơn vị không thuộc lĩnh vực SXKD trọng tâm để tập trung vốn cho hoạt động SXKD chính.

PHẦN II

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

Căn cứ kết quả thực hiện năm 2025, công tác tiếp thị đấu thầu và tình hình triển khai các công trình, dự án thực tế hiện nay, PETROCONS đã xây dựng kế hoạch hoạt động SXKD năm 2026 kinh trình ĐHĐCĐ, cụ thể như sau:

I. KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2026

1. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2025			Kế hoạch năm 2026	Tỷ lệ % KH 2026/ TH 2025
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ HTKH		
1	Giá trị SXKD	1.345,00	1.555,50	116%	3.884,00	250%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>332,00</i>	<i>160,02</i>	<i>48%</i>	<i>890,00</i>	<i>556%</i>
2	Tổng doanh thu	1.707,00	2.274,02	133%	3.859,00	170%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>796,00</i>	<i>1.040,63</i>	<i>131%</i>	<i>864,00</i>	<i>83%</i>
3	Lợi nhuận trước thuế	4,56	7,51	165%	28,56	380%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>3,72</i>	<i>10,53</i>	<i>283%</i>	<i>7,99</i>	<i>76%</i>
4	Lợi nhuận sau thuế	4,56	0,77	17%	28,31	3685%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>3,72</i>	<i>10,53</i>	<i>283%</i>	<i>7,99</i>	<i>76%</i>
5	Nộp NSNN	58,00	50,95	88%	35,00	69%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>9,00</i>	<i>17,82</i>	<i>198%</i>	<i>11,00</i>	<i>62%</i>
6	Thu nhập bình quân (trđ/ người/ tháng)	14,50	16,67	115%	16,00	96%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>19,60</i>	<i>22,54</i>	<i>115%</i>	<i>19,58</i>	<i>87%</i>

Kế hoạch sản lượng, doanh thu năm 2026 của Hợp nhất và Công ty mẹ PETROCONS và được xây dựng trên cơ sở hoàn thành thi công, thu hồi vốn tại các dự án chuyển tiếp từ năm 2025 (các gói thầu tại dự án NMNĐ Sông Hậu 1, NMNĐ Quảng Trạch, gói thầu T23, T37 tại dự án NMNĐ Long Phú 1, Thi công Xử lý nền và san lấp trạm Mũi Tràm và Trạm An Minh - Đường ống Lô B - Ô Môn, dự án MDL,...) và các dự án đã ký hợp đồng đầu năm 2026 (NMLD Dung Quất, NMNĐ Duyên Hải 1) cũng các công trình PETROCONS dự kiến tiếp thị, tham gia dự thầu như: Khu nhà ở CBCNV NMNĐ Thái Bình 2, các gói thầu tại dự án NMNĐ Long Phú 1... Tuy nhiên, việc thực hiện kế hoạch đề ra như trên còn tiềm ẩn rủi ro trong trường hợp không trúng thầu các dự án kể trên.

2. Các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm

Để phấn đấu hoàn thành kế hoạch đề ra, PETROCONS đã đề ra các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm để thực hiện trong năm 2026, cụ thể:

1. Đối với công tác quản trị:

- Tổ chức triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu và nhiệm vụ kế hoạch năm 2026 đã đề ra; đảm bảo hoàn thành mục tiêu tăng trưởng về Doanh thu hợp nhất của PETROCONS.
- Thực hiện triệt để công tác tái cơ cấu PETROCONS đảm bảo từng bước hoạt động hiệu quả theo yêu cầu của cấp thẩm quyền; Cơ cấu bộ máy tổ chức, nhân sự gọn nhẹ, đủ năng lực, đáp ứng công tác điều hành và SXKD. Trên cơ sở đánh giá tình hình thực tế, xây dựng Kế hoạch tái cơ cấu PETROCONS giai đoạn 2026-2030 trình cấp thẩm quyền phê duyệt.
- Nâng cao năng lực bộ máy quản lý (tài chính, kỹ thuật, tiếp thị, đấu thầu), đồng thời hoàn thiện hồ sơ năng lực theo quy định; đẩy mạnh hoạt động tìm kiếm thông tin, tiếp thị, tham gia đấu thầu các dự án trong và ngoài ngành; chủ động làm việc với các Chủ đầu tư và đối tác, chuẩn bị đầy đủ nhân lực và vật lực để sẵn sàng tham gia các gói thầu phù hợp với năng lực của PETROCONS.
- Bám sát diễn biến tình hình chiến sự/căng thẳng tại khu vực Trung Đông, biến động thị trường, tăng cường công tác dự báo các rủi ro do tăng giá nguyên vật liệu đầu vào, chi phí sản xuất,...
- Tăng cường công tác kiểm soát, giám sát hoạt động SXKD tại các đơn vị thành viên; nâng cao vai trò và trách nhiệm của Người đại diện phần vốn của PETROCONS trong việc quản lý và sử dụng vốn hiệu quả tại các đơn vị thành viên.
- Tập trung củng cố, hoàn thiện công tác quản lý tài chính, hạch toán kế toán trong toàn Tổng công ty đảm bảo tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật, Tập đoàn và Tổng công ty. Tăng cường giám sát công tác quản lý kinh tế, hạch toán kinh doanh, quản lý hoạt động, quản lý chi phí đảm bảo tối đa lợi nhuận thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Đối với hoạt động SXKD, công tác đầu tư, tài chính, công nợ:

- Tập trung nhân lực, vốn, thiết bị và cơ sở vật chất tại công trình, dự án để đảm bảo tiến độ và chất lượng thi công cho các hợp đồng đã ký kết. Tổ chức thi công khoa học, quản lý, theo dõi chặt chẽ các đơn vị thi công để đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình trọng điểm của PETROCONS.
- Xây dựng cơ chế kiểm soát chi phí nghiêm ngặt và chặt chẽ, đặc biệt là biến động giá nguyên vật liệu, để đảm bảo biên lợi nhuận dương của từng dự án.
- Hoàn thành quyết toán các hợp đồng (EPC, hợp đồng thầu phụ, nhà cung cấp thiết bị, dịch vụ...) tại dự án NMNĐ Thái Bình 2; hoàn thành quyết toán các hợp đồng của Trung tâm Điện lực Quảng Trạch.
- Hoàn thành chuyển nhượng khu đất Tam Đảo, tiếp tục thực hiện công tác thu hồi tối

đa chi phí đã đầu tư tại Khu công nghiệp Dầu khí Soái Rạp để bổ sung nguồn vốn lưu động cho hoạt động SXKD; Hoàn thành công tác thoái vốn tại PVC-Bình Sơn.

- Tiếp tục bám sát, đôn đốc các cơ quan thi hành án và các bên liên quan để yêu cầu thực hiện quyết định tại các bản án với Lisemco, PVR, Công ty Thành Trang- Tagi nhằm đảm bảo quyền lợi và lợi ích hợp pháp, thu hồi tài sản cho PETROCONS.
- Tiếp tục thu xếp nguồn và đôn đốc các đơn vị thu xếp nguồn, bổ sung tài sản đảm bảo/ hoàn trả cho khoản vay ủy thác của PVN thông qua Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện đại (Oceanbank cũ). Chỉ đạo Người đại diện phần vốn của PETROCONS tại các đơn vị vay vốn ngân hàng được PETROCONS bảo lãnh làm việc với các tổ chức tín dụng để giải quyết đối với khoản bảo lãnh vay vốn của PETROCONS cho các đơn vị.
- Xây dựng phương án và hoàn thành xử lý các khoản vay nợ liên quan đến đầu tư khách sạn Lam Kinh và khách sạn Dầu khí Thái Bình trong năm 2026.
- Lập danh mục các khoản công nợ để xây dựng kế hoạch thu hồi công nợ trong năm 2026 và các năm tiếp theo để tiến hành hiệu quả công tác thu hồi công nợ, bổ sung nguồn vốn lưu động cho hoạt động SXKD trong các năm tiếp theo.

3. Các nhiệm vụ khác:

- Quan tâm, chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng để có lực lượng cán bộ, công nhân viên đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng, đáp ứng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của PETROCONS.

Trên đây là báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch nhiệm vụ năm 2026 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn./

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS TCT;
- Ban TGD TCT;
- Các Ban, Phòng chuyên môn TCT;
- Lưu VT, KHĐT&TCC.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Hoàn

Số: /XLDK-BKS

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2026

DỰ THẢO

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
(PETROCONS/Tổng công ty)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã được sửa đổi và thông qua vào ngày 05/10/2023;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Ban Kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2026 về tình hình thực hiện công tác kiểm tra, báo cáo giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của Ban Kiểm soát PETROCONS năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 như sau:

I. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA PETROCONS.

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025.

Trong năm 2025, toàn tổ hợp PETROCONS đã nỗ lực tìm kiếm, xây dựng các giải pháp và triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đã được Tập đoàn phê duyệt, PETROCONS đã đạt được kết quả với các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Năm 2025		Tỷ lệ hoàn thành KH năm 2025 (%)	Tỷ lệ 2025/2024 (%)
				Kế hoạch ĐHĐCĐ chấp thuận	Thực hiện		
1	Giá trị SXKD	Tỷ đồng	982,88	1.345,00	1.555,50	116%	158%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>261,84</i>	<i>332,00</i>	<i>160,02</i>	<i>48%</i>	<i>61%</i>
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.317,87	1.707,00	2.274,02	133%	173%

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Năm 2025		Tỷ lệ hoàn thành KH năm 2025 (%)	Tỷ lệ 2025/2024 (%)
				Kế hoạch ĐHDCĐ chấp thuận	Thực hiện		
	Công ty mẹ	Tỷ đồng	609,04	796,00	1.040,63	131%	171%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4,81	4,56	7,51	165%	156%
	Công ty mẹ	Tỷ đồng	4,12	3,72	10,53	283%	255%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2,61	4,56	0,77	17%	29%
	Công ty mẹ	Tỷ đồng	4,12	3,72	10,53	283%	255%
5	Số phải nộp NSNN	Tỷ đồng	49,14	58,00	50,95	88%	104%
	Công ty mẹ	Tỷ đồng	3,81	9,00	17,82	198%	468%
6	Thu nhập bình quân (*)	Tr.đ/ tháng	11,42	14,50	16,67	115%	146%
	Công ty mẹ		13,25	19,60	22,54	115%	170%

(*) Chỉ tiêu kế hoạch và thực hiện thu nhập bình quân năm 2025 đã bao gồm cả Ban điều hành và người lao động điều chỉnh theo Nghị định số 44/2025/NĐ-CP.

Các chỉ tiêu Giá trị SXKD, Doanh thu và Lợi nhuận trước thuế Hợp nhất trong năm 2025 đều hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao. Trong năm, Công ty PVC-Mekong tạm dừng hoạt động, trong khi các Công ty con còn lại nhìn chung đều có sự tăng trưởng so với năm 2024. Ngoại trừ Công ty PVC-TB tiếp tục thua lỗ, nguyên nhân chủ yếu do chưa hoàn tất việc xử lý dứt điểm công tác xử lý nợ với ngân hàng PVCombank thông qua phương án chuyển giao Khách sạn Dầu khí Thái Bình, dẫn đến đơn vị tiếp tục phải hạch toán các chi phí lãi vay, lãi phạt chậm trả cũng như chi phí khấu hao đối với tòa nhà tổ hợp khách sạn Dầu khí. Xét theo kế hoạch năm 2025, đối với chỉ tiêu giá trị SXKD và Doanh thu, ngoài Công ty PVC-IC không hoàn thành kế hoạch giá trị SXKD và PVC-Bình Sơn không đạt kế hoạch doanh thu, các Công ty còn lại đều hoàn thành và vượt mức kế hoạch. Đối với chỉ tiêu lợi nhuận, ngoại trừ PVC-TB thua lỗ, còn lại 5/6 đơn vị đều có lãi và vượt mức kế hoạch đề ra.

- Giá trị SXKD toàn tổ hợp thực hiện 1.555,50 tỷ đồng, đạt 116% kế hoạch năm 2025 và bằng 158% so với năm 2024; Riêng Công ty mẹ thực hiện 160,02 tỷ đồng, đạt 48% kế hoạch năm 2025 và bằng 61% so với năm 2024. Chỉ tiêu Giá trị SXKD của Công ty mẹ không hoàn thành kế hoạch nguyên nhân chủ yếu do thiếu hụt sản lượng dự kiến từ dự án Khu nhà ở CBCNV Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 (kế hoạch 108 tỷ đồng) và dự án NMSX Oxy già (kế hoạch 70 tỷ đồng) do đến nay 02 dự án này lùi thời hạn đầu thầu.

- Doanh thu toàn tổ hợp thực hiện 2.274,02 tỷ đồng, đạt 133% kế hoạch năm 2025 và bằng 173% so với năm 2024; Riêng Công ty mẹ thực hiện 1.040,63 tỷ đồng, đạt 131% kế hoạch năm 2025 và bằng 171% so với năm 2024.

- Lợi nhuận trước thuế toàn tổ hợp lãi 7,51 tỷ đồng đạt 165% so với kế hoạch năm 2025, bằng 156% so với năm 2024.; Lợi nhuận sau thuế toàn tổ hợp lãi 0,77 tỷ đồng. Công ty mẹ lãi 10,53 tỷ đồng đạt 283% kế hoạch năm 2025 và bằng 255% so với năm 2024.

- Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ PETROCONS tại thời điểm 31/12/2025 là 296,70 tỷ đồng. Lũy kế Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2025 là 3.780,76 tỷ đồng.

Trong 7 đơn vị chi phối hạch toán hợp nhất của Tổng công ty PETROCONS, có 5/7 đơn vị có lãi, 01 đơn vị lỗ và 01 đơn vị đang tạm ngưng hoạt động trong năm 2025. Tổng lợi nhuận sau thuế của 05 đơn vị là: 24,75 tỷ đồng, cụ thể: PVC-MS (14,77 tỷ đồng), DOBC (1,8 tỷ đồng), PVC-IC (0,50 tỷ đồng), PETROCONS Đông Đô (7,35 tỷ đồng) và PVC-Bình Sơn (0,33 tỷ đồng); 01 đơn vị có kết quả SXKD lỗ là PVC – Thái Bình với số tiền là 39,18 tỷ đồng, với số lỗ trên đã làm ảnh hưởng lớn đến chỉ tiêu lợi nhuận hợp nhất của toàn Tổng công ty.

2. Công tác thi công các công trình/dự án trọng điểm

Tình hình triển khai thi công tại một số công trình/dự án của PETROCONS cụ thể như sau:

Trong năm 2025, Công ty mẹ PETROCONS đã thực hiện khởi công các công trình/dự án: Gói thầu Mua sắm vật tư và thuê dịch vụ lắp đặt hệ thống giám sát thông số áp suất các vòi thổi bụi tổ máy S1, S2- NMNĐ Thái Bình 2; Gói thầu mua vật tư dự phòng chiến lược cho thiết bị gia nhiệt nước cấp HP6- NMNĐ Thái Bình 2; Cung cấp, lắp đặt Bơm nước cấp 1A của nhà máy Nhiệt điện Cao Ngạn; Gói thầu T37, T23 Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1. Thực hiện các hợp đồng mua sắm vật tư C&I (hệ thống DCS) cho NMNĐ Sông Hậu 1 và NMNĐ Thái Bình 2; mua sắm bi nghiền đá vôi phục vụ kế hoạch sản xuất năm 2025 của NMNĐ Thái Bình 2.

PETROCONS cũng đã hoàn thành, bàn giao các gói thầu: Mua sắm vật tư và thuê dịch vụ lắp đặt hệ thống giám sát thông số áp suất các vòi thổi bụi tổ máy S1, S2- NMNĐ Thái Bình 2; Cung cấp, lắp đặt Bơm nước cấp 1A của NMNĐ Cao Ngạn (Thái Nguyên); Cung cấp, lắp đặt biển tần cho quạt khói tổ máy S2 NMNĐ Vĩnh Tân 2; Nâng cấp hệ thống DCS tổ máy S7- NMNĐ Uông Bí; Thi công xây dựng bãi thải xỉ, tháp thu nước, tuyến ống nước hồi NMNĐ Quảng Trạch 1.

Tại dự án NMNĐ Thái Bình 2, đã ký Biên bản quyết toán hợp đồng EPC dự án NMNĐ Thái Bình 2 ngày 24/6/2025 và ghi nhận toàn bộ doanh thu phần còn lại của dự án. Trên cơ sở Biên bản Quyết toán Hợp đồng EPC đã ký giữa Ban QLDA và Tổng thầu PETROCONS và Biên bản Điều chỉnh giá trị quyết toán Hợp đồng Tổng thầu EPC dự án NMNĐ Thái Bình 2 ký ngày 24/10/2025, hiện PETROCONS đang tiếp tục phối hợp với các Nhà thầu phụ để hoàn thiện các thủ tục thanh/ quyết toán Hợp đồng thầu phụ.

Hoàn thiện hồ sơ quyết toán, thanh lý hợp đồng số 158 và hợp đồng số 49 tại dự án Khu Đào tạo Quốc tế- Học viện An ninh Nhân dân; Hoàn thành biên bản quyết toán dự án NMNĐ Vũng Áng 1.

Tuy nhiên, tại một số dự án còn nhiều vướng mắc như: Công tác thanh/ quyết toán các gói thầu C11 và C15 tại dự án NMNĐ Sông Hậu 1; Công tác quyết toán các

gói thầu tại dự án Liên hợp LHD Nghi Sơn; Ban ĐHDA Vũng Áng – Quảng Trạch ... PETROCONS đã có các văn bản kiến nghị Tập đoàn/Chủ đầu tư hỗ trợ giải quyết (nội dung kiến nghị gần nhất tại văn bản số 133/XLDKHDQT ngày 02/12/2025).

3. Công tác tái cơ cấu

Trong năm 2025, PETROCONS vẫn đang tiếp tục thực hiện các nội dung sau:

- Triển khai các nội dung tái cơ cấu Công ty mẹ và các đơn vị thành viên theo Chỉ thị số 1770/CT-XLDK ngày 11/12/2024 đối với các nhiệm vụ/giải pháp đã được Hội đồng quản trị chấp thuận.

- Rà soát, đánh giá thực trạng của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên. Trên cơ sở đó, PETROCONS đang thực hiện rà soát, xây dựng đề án tái cơ cấu 2026-2030.

- Hoàn thành thủ tục ghi giảm vốn góp tại PVC-Kinh Bắc theo Bản án phúc thẩm số 412/2021/HSPT của TAND cấp cao tại Hà Nội, Nghị quyết số 115/NQ-XLDK ngày 24/9/2025 của HĐQT Tổng công ty.

- Triển khai các công việc liên quan đến công tác thoái vốn tại PVC-Bình Sơn: Sau khi Chính phủ ban hành Nghị quyết số 253/NQ-CP Ngày 26/8/2025 về việc công bố các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp (Luật số 69/2014/QH13) tiếp tục có hiệu lực, PETROCONS đã phối hợp với đơn vị tư vấn đã xây dựng và được HĐQT PETROCONS phê duyệt phương án chuyển nhượng thông qua các Quyết định số 125/QĐ-XLDK ngày 03/11/2025 về việc phê duyệt phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn của Tổng công ty tại PVC-Bình Sơn và Quyết định số 132/QĐ-XLDK ngày 01/12/2025 về việc Chấp thuận cho Tổng công ty thực hiện ủy quyền của PETROCONS Đông Đô về việc triển khai các thủ tục chuyển nhượng phần vốn tại PVC-Bình Sơn. Ngày 04/12/2025 Tổng công ty đã thành lập Ban tổ chức triển khai phương án chuyển nhượng vốn của Tổng công ty và PETROCONS Đông Đô tại PVC-Bình Sơn và ban hành Quy chế chuyển nhượng. Tuy nhiên đợt chào bán cổ phần của PETROCONS và PETROCONS-Đông Đô tại PVC-Bình Sơn trong tháng 12/2025 không thành công.

Trên cơ sở đánh giá của HĐQT PETROCONS, công tác thoái vốn tại PVC-Bình Sơn sẽ tiếp tục triển khai thực hiện khi có được sự quan tâm của nhà đầu tư với mức giá đề xuất nhận chuyển nhượng tiệm cận với giá trị doanh nghiệp (trên cơ sở phân tích đánh giá từ giá trị đã định giá và số liệu tài chính của PVC-Bình Sơn gần nhất) để đảm bảo công tác thẩm định giá và chuyển nhượng được thực hiện đúng quy định của pháp luật và quy chế của Tổng công ty.

4. Công tác hợp đồng kinh tế, tiếp thị đấu thầu, công tác đầu tư, công tác thoái/thu hồi vốn/quản lý tài sản, các dự án của Công ty mẹ.

➤ Công tác quản lý, ký kết các dự án/hợp đồng:

Năm 2025, Công ty mẹ Tổng công ty tích cực tham gia dự thầu nhiều gói thầu và đã ký thêm 10 hợp đồng thi công, mua sắm, lắp đặt mới và 01 hợp đồng ủy thác nhập khẩu thiết bị với tổng giá trị hơn 548 tỷ đồng.

Tại các đơn vị thành viên đã ký mới nhiều hợp đồng/PL hợp đồng với tổng giá trị khoảng 3.500 tỷ đồng, trong đó: (i) PVC-MS ký 08 hợp đồng với tổng giá trị

3.326,60 tỷ đồng; (ii) PVC-TB ký 12 hợp đồng/thầu phụ với giá trị 39,20 tỷ đồng; (iii) PVC-Bình Sơn ký 08 hợp đồng với giá trị 44,2 tỷ đồng; (iv) DOBC ký 18 hợp đồng/PL hợp đồng với tổng giá trị 39,96 tỷ đồng; (v) PVC-IC ký 01 hợp đồng với giá trị 2,87 tỷ đồng; (vi) PVC-TH ký 01 hợp đồng với giá trị 15,99 tỷ đồng và (vii) PVC-Duyên Hải ký 01 hợp đồng với giá trị 32,38 tỷ đồng.

➤ **Công tác tiếp thị đấu thầu:**

PETROCONS và các đơn vị thành viên tích cực theo dõi và tiếp cận/ phát triển nguồn việc từ các công trình/dự án: Khu nhà ở CBCNV vận hành NMNĐ Thái Bình 2; các gói thầu thuộc Nhà máy nhiệt điện Long Phú 1; Dự án mở rộng và nâng cấp Nhà máy Lọc dầu Dung Quất,...

Bên cạnh kết quả trúng thầu và ký hợp đồng trong năm 2025, trong 4 tháng đầu năm 2026, Công ty mẹ PETROCONS đã ký mới 03 hợp đồng với tổng giá trị 404 tỷ đồng. Cụ thể: (i) Gói thầu Thi công San lấp mặt bằng dự án Nâng cấp mở rộng nhà máy lọc dầu Dung Quất ký với Công ty Cổ phần lọc hóa Dầu Bình Sơn với giá trị 369 tỷ đồng; (ii) Gói thầu Cung cấp bi nghiền than phục vụ vận hành NMNĐ Duyên Hải 1 với giá trị 20 tỷ đồng; (iii) Mua sắm vật tư C&I dự phòng bắt buộc năm 2025 đợt 2 - Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với giá trị 15 tỷ đồng. Hiện đang tiếp tục đàm phán hợp đồng với các gói thầu đã thông báo trúng thầu. Tại các đơn vị thành viên trong 4 tháng đầu năm 2026 đã ký nhiều hợp đồng với tổng giá trị khoảng 193 tỷ đồng.

Ngoài ra, PETROCONS cũng tiếp tục bám sát, làm việc với các đối tác trong và ngoài nước để thực hiện các dự án đang chuẩn bị đấu thầu, đồng thời tìm kiếm lựa chọn những đối tác có tiềm năng có thể hợp tác cho các dự án trong tương lai.

➤ **Công tác đầu tư:**

- Năm 2025, Công ty mẹ PETROCONS không thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị, cũng như không đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp. Tại thời điểm hiện tại, PETROCONS có 25 đơn vị thành viên có vốn góp của Tổng công ty với tổng giá trị đầu tư thực tế là: 2.305,55 tỷ đồng. Trong đó có 07 Công ty con với giá trị đầu tư góp vốn là 1.384,91 tỷ đồng; 11 Công ty liên kết với giá trị đầu tư góp vốn là 735,45 tỷ đồng và 07 Công ty đầu tư tài chính với giá trị đầu tư góp vốn là 185,20 tỷ đồng. Giá trị trích lập/ hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính theo kết quả kinh doanh của các đơn vị thành viên trong năm 2025 được hạch toán hoàn nhập 12,44 tỷ đồng, trong đó hoàn nhập toàn bộ chi phí đã trích lập cho khoản vốn góp tại PVC- Bình Sơn (sau khi thẩm định giá trị thị trường của doanh nghiệp) 32,54 tỷ đồng. Lũy kế trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ước đến thời điểm 31/12/2025 là 1.823,03 tỷ đồng bằng 79% tổng giá trị đầu tư tài chính của PETROCONS.

➤ **Công tác thoái/thu hồi vốn/quản lý tài sản, các dự án của Công ty mẹ:**

- Công tác chuyển giao dự án Soài Rạp – Tiền Giang: Ngày 17/4/2025, PETROCONS đã họp với UBND tỉnh Tiền Giang về việc bàn giao dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tiền Giang. Theo đó, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường đã có ý kiến kết luận: UBND tỉnh Tiền Giang sẽ tiến hành lựa chọn nhà đầu tư mới, sau khi lựa chọn được nhà đầu tư sẽ hoàn trả các giá trị còn lại của Petrovietnam (195.280.413.654 đồng) và PETROCONS (126.434.483.869 đồng).

- Hiện PETROCONS vẫn đang tiếp tục bám sát UBND tỉnh Đồng Tháp và Sở NN&MT tỉnh Đồng Tháp để nắm bắt tình hình xử lý việc thành lý hợp đồng thuê lại đất giữa PETROCONS và PVPIPE tại Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp.

- Dự án Xưởng cơ khí Miền Trung- Quảng Ngãi: Hiện tại, Tổng công ty vẫn đang tiếp tục xúc tiến tìm kiếm các khách hàng phù hợp để hợp tác kinh doanh khai thác mặt bằng Xưởng cơ khí, tạo nguồn tiền nhằm thanh toán chi phí thuê đất hàng năm cho Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất.

- *Khu đất tại Chùa Hà – Hà Nội*: PETROCONS tiếp tục thực hiện các thủ tục để gia hạn hợp đồng thuê đất (bao gồm: đo vẽ bản đồ hiện trạng, xin chỉ giới đường đỏ, xin thông tin quy hoạch, rà soát hiện trạng sử dụng đất...). Tuy nhiên, đến nay công tác trên vẫn chưa hoàn tất do vướng mắc về việc thống nhất cách tính tiền thuê đất từ năm 2011-2019 cũng như ảnh hưởng từ công tác sáp nhập địa giới hành chính. Hiện PETROCONS tiếp tục bám sát các cơ quan chức năng để thực hiện các thủ tục gia hạn hợp đồng thuê đất. Bên cạnh đó, PETROCONS đã có văn bản đề nghị giảm 30% thuê đất Chùa Hà năm 2025 theo Nghị định 230 và đã được Thuế Hà Nội ban hành Quyết định giảm 30% tiền thuê đất năm 2025, dự kiến số tiền thuê đất phải nộp sau khi giảm 30% là 303,37 triệu đồng (giảm khoảng 130 triệu đồng).

- *Đối với khu đất 3.400m² tại thị trấn Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc được Công ty Mai Phương hoàn trả PETROCONS theo Quyết định của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội*: PETROCONS đã hoàn thành nghĩa vụ thuế, nhận giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đứng tên chủ quyền và ghi nhận tăng tài sản đối với thửa đất theo Nghị quyết 115/NQ-XLDK ngày 24/9/2025 của HĐQT Tổng công ty.

Đối với công tác chuyển nhượng khu đất: HĐQT PETROCONS đã ban hành Nghị quyết số 114/NQ-XLDK về việc chấp thuận chủ trương định giá khu đất. Ngày 27/11/2025, đơn vị tư vấn thẩm định giá đã hoàn thành dự thảo chứng thư thẩm định giá. Ngày 06/01/2026 Công ty KVA (đơn vị thẩm định giá) đã ban hành chứng thư thẩm định giá với giá trị thẩm định xác định tại chứng thư là: 210.633.400.000 đồng.

Trên cơ sở Nghị quyết phê duyệt chủ trương chuyển nhượng và giá khởi điểm, PETROCONS đã phối hợp với đơn vị đấu giá (VNA) tổ chức thông báo công khai theo quy định, tuy nhiên phiên đấu giá lần 1 không thành công do không có nhà đầu tư đăng ký tham gia. Hiện PetroCons đang hoàn thiện các thủ tục nhằm phê duyệt điều chỉnh giá khởi điểm để đấu giá lần 2.

➤ **Công tác khác**

- Trong năm 2025, PETROCONS đã tích cực phối hợp với các đơn vị tư vấn luật thực hiện các công tác pháp chế nhằm bảo đảm quyền lợi và lợi ích hợp pháp của PETROCONS tại các vụ kiện, công tác thi hành án có liên quan đến PETROCONS, như:

+ Theo yêu cầu kháng cáo của PVR, ngày 20/6/2025, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm (lần thứ hai) và ngày 07/01/2026, Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định 12240/QĐ-THADS về việc thi hành án theo yêu cầu đối với Công ty PVR Hà Nội về việc PVR Hà Nội buộc phải trả PETROCONS 49 tỷ đồng. Hiện Tổng công ty đã nộp đơn yêu cầu THA cho Thi hành án Hà Nội.

+ Đối với việc thi hành án tại vụ kiện với Lisemco (phải trả PETROCONS 40,63 tỷ đồng), Thành Trang- Tagi (phải trả PETROCONS 23,12 tỷ đồng), PETROCONS đang tiếp tục làm việc với cơ quan chức năng để xác minh tài sản của đơn vị nhằm yêu cầu thực hiện thi hành án, thu hồi tài sản về cho PETROCONS.

+ Đối với vụ kiện của SDC: PETROCONS phối hợp với đơn vị tư vấn pháp lý tiếp tục thực hiện các bước của quá trình tố tụng. Ngoài ra, song song với quá trình tố tụng, Tổng công ty vẫn tiếp tục tiến hành đàm phán để giải quyết các tranh chấp thông qua thương lượng, hòa giải với Nhà thầu DL E&C.

+ PETROCONS tiếp tục bám sát và giải quyết vụ kiện Tổng công ty là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tại vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa PVCombank và PVC-MT. Đến thời điểm hiện tại đã thành công trong việc bảo vệ việc chấm dứt nghĩa vụ bảo lãnh của PETROCONS với khoản nợ của PVC-MT tại PVCombank (khoảng 147 tỷ đồng).

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty PETROCONS. Thẩm tra tài liệu, hỗ trợ các đơn vị thành viên tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Trong đó chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên 6/7 Công ty con (PVC-Mekong không tổ chức Đại hội). Đối với đơn vị liên kết, đầu tư tài chính: có 04 đơn vị đã tổ chức thành công đại hội là PVC-TH, PVC-MT; XMHL; PVC-Duyên Hải.

- Hoàn thành đánh giá chính thức mức độ hoàn thành chức trách, nhiệm vụ Người đại diện của PETROCONS tại doanh nghiệp khác năm 2024; Kiện toàn Người đại diện phần vốn tại các đơn vị thành viên, đảm bảo phù hợp với tình hình SXKD của các đơn vị.

- Công tác quản lý, sử dụng lao động tại Công ty mẹ Tổng công ty phù hợp với quy định của Nhà nước và Quy chế/Quy định của Tổng công ty. Tại Công ty mẹ Tổng công ty đã thực hiện công tác định biên, sắp xếp sử dụng lao động tại Cơ quan Tổng công ty năm 2025 và đánh giá kết quả thực hiện công việc của CBCNV tại các Ban/Phòng Tổng công ty. Đến cuối tháng 12/2025, số lao động toàn Tổng công ty (bao gồm Công ty mẹ và 07 Công ty chi phối): 1.303 người, trong đó Công ty mẹ là 165 người (Bao gồm lao động ký hợp đồng giao khoán để làm việc tại các dự án do Tổng công ty trực tiếp thực hiện).

- Trong công tác thực hiện tiền lương: PETROCONS đã triển khai thực hiện vận dụng Nghị định số 44/2025/NĐ-CP (Nghị định 44) và Thông tư số 003/2025/TT-BNV, ban hành Quy chế trả lương kèm theo Quyết định số 126/QĐ-XLKD ngày 04/11/2025 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Thu nhập bình quân (bao gồm Ban điều hành và người lao động) năm 2025 toàn tổ hợp là 16,67 triệu đồng/người/tháng, trong đó thu nhập bình quân của Công ty mẹ 22,54 triệu đồng/người/tháng.

- Trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, PETROCONS đã tổ chức triển khai các khóa đào tạo từ nguồn kinh phí được Petrovietnam hỗ trợ. Năm 2025 toàn tổ hợp Tổng công ty ước thực hiện 1,524 tỷ đồng với 1.613 lượt người được đào tạo. Tại Công ty mẹ Tổng công ty ước thực hiện 730 triệu đồng với số lượt tham gia đào tạo là 197 học viên

5. Tình hình tài chính của PETROCONS.

Một số chỉ tiêu về bảng cân đối kế toán của Tổng công ty tại ngày 31/12/2025.

TÀI SẢN (tỷ đồng)				NGUỒN VỐN (tỷ đồng)			
Diễn giải	Cuối kỳ	Đầu kỳ	So sánh (%)	Diễn giải	Cuối kỳ	Đầu kỳ	So sánh (%)
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	2.828,17	3.638,93	77,72%	C- NỢ PHẢI TRẢ	3.951,61	4.040,49	97,80%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	185,73	354,57	52,38%	I. Nợ ngắn hạn	3.790,58	3.874,35	97,84%
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	189,75	154,51	122,81%	II. Nợ dài hạn	161,03	166,14	96,92%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn.	1.622,57	1.632,92	99,37%	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	296,70	286,17	103,68%
IV. Hàng tồn kho	771,65	1.383,60	55,77%				
V. Tài sản ngắn hạn khác	58,47	113,33	51,59%				
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	1.420,15	687,74	206,50%				
TỔNG CỘNG	4.248,31	4.326,67	98,19%		4.248,31	4.326,67	98,19%

Các chỉ số tài chính tại ngày 31/12/2025 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025	Năm 2024
1	Bố trí cơ cấu tài sản			
	Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	33,43%	15,90%
	Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	66,57%	84,10%
2	Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	93,02%	93,39%
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	6,98%	6,61%
3	Khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán nhanh (TSNH-HTK)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,54	0,58
	Khả năng thanh toán hiện hành (TSNH/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,75	0,94
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	0,002	0,00
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	0,01	0,01
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)	%	0,04	0,01

- Các hệ số thanh toán của PETROCONS cho thấy doanh nghiệp đang gặp khó khăn nhất định về khả năng thanh khoản. Cụ thể, hệ số thanh toán nhanh và hệ số thanh toán hiện hành đều ở mức thấp, phản ánh việc tài sản ngắn hạn (sau khi loại trừ hàng tồn kho) không đủ để đảm bảo thanh toán các khoản nợ ngắn hạn đến hạn.

- Tại thời điểm ngày 31/12/2025, hệ số nợ phải trả trên tổng nguồn vốn của PETROCONS ở mức 0,93 cho thấy doanh nghiệp có mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính rất cao, với nợ phải trả chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn vốn. Điều này tiềm ẩn rủi ro về áp lực thanh toán và nghĩa vụ tài chính trong thời gian tới.

- Hệ số khả năng thanh toán nhanh năm 2025 đạt 0,54 lần, cho thấy khả năng thanh toán ngay các khoản nợ ngắn hạn bằng các tài sản có tính thanh khoản cao của doanh nghiệp còn hạn chế, tiềm ẩn nguy cơ mất cân đối dòng tiền trong ngắn hạn.

- Đối với các chỉ tiêu sinh lời, tỷ suất ROA và ROE năm 2025 không có biến động đáng kể so với năm 2024. Các chỉ tiêu này duy trì giá trị dương, phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của PETROCONS trong năm 2025 có lãi; tuy nhiên, mức sinh lời vẫn ở mức thấp, cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản và vốn chủ sở hữu chưa cao.

- Qua kết quả phân tích, Ban Kiểm soát nhận thấy tình hình tài chính của PETROCONS tiềm ẩn rủi ro cao, đặc biệt về cơ cấu nguồn vốn và khả năng thanh toán. Tỷ lệ nợ phải trả ở mức cao cùng với các hệ số thanh toán thấp cho thấy doanh nghiệp đang chịu áp lực lớn về nghĩa vụ tài chính và cân đối dòng tiền. Mặc dù doanh nghiệp có lãi trong năm, hiệu quả sinh lời còn thấp. Ban Kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị và Ban Điều hành khẩn trương triển khai các giải pháp tái cơ cấu tài chính, kiểm soát công nợ và nâng cao hiệu quả hoạt động nhằm đảm bảo an toàn tài chính và duy trì khả năng hoạt động liên tục trong thời gian tới.

- Đối với khoản công nợ ủy thác Tập đoàn qua Oceanbank, trong năm 2025, PETROCONS vẫn tiếp tục tìm kiếm giải pháp cũng như đôn đốc các đơn vị thành viên sử dụng các khoản vay ủy thác như: PVNC, Khách sạn Lam Kinh, PVC-SG rà soát các nguồn tiền, tài sản cân đối nguồn vốn để trả nợ vay ủy thác cho Tập đoàn. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có kết quả. Dư nợ gốc ủy thác tại thời điểm 31/12/2025 là 575,6 tỷ đồng trong đó PETROCONS phải thu các đơn vị: 344,6 tỷ đồng (bao gồm: KS Lam Kinh: 200 tỷ đồng; PVC-SG: 128,3 tỷ đồng; PVNC: 16,3 tỷ đồng); khoản PETROCONS sử dụng: 230,99 tỷ đồng. Lãi vay PETROCONS còn phải trả Petrovietnam dự tính đến thời điểm 31/12/2025 là: 182,76 tỷ đồng, trong đó: Lãi trong hạn PETROCONS chưa thanh toán là 90,08 tỷ đồng, tiền phạt chậm trả lãi, gốc là 92,7 tỷ đồng.

- Trong năm 2025 không có phát sinh liên quan đến các đơn vị về khoản bảo lãnh, trích lập dự phòng cho các khoản bảo lãnh. Đến hết năm 2025, PETROCONS còn các khoản bảo lãnh cho các đơn vị thành viên vay vốn 155,04 tỷ đồng (trong đó, PVC-HN: 73,67 tỷ đồng; PVC-ME: 64,27 tỷ đồng; PVC-SG: 17,10 tỷ đồng). Các khoản bảo lãnh này đều đã quá hạn, PETROCONS đã trích lập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả đến thời điểm hiện tại là: 137,94 tỷ đồng.

- PETROCONS hiện đang đứng tên bảo lãnh thanh toán cho PVC-TB với giá trị 111,8 tỷ đồng để cam kết và bảo đảm đối với các nghĩa vụ thanh toán của PVC-TB với PVEP theo quy định tại hợp đồng chuyển nhượng dự án Đầu tư xây dựng khách sạn Dầu khí Thái Bình giữa PVEP và PVC-TB.

- Tổng các khoản phải thu ngắn hạn Công ty Mẹ PETROCONS tại 31/12/2025 là 1.622,57 tỷ đồng, lũy kế trích lập dự phòng 876,94 tỷ đồng. Số trích lập dự phòng thời điểm cuối năm 2025 đã giảm 1,3 tỷ so với đầu năm. Trong năm 2025, Tổng công ty đã xử lý thu hồi đến thời điểm báo cáo được tổng số tiền 5.588 tỷ đồng, cụ thể: TID (0,288 tỷ đồng); PVCN (2,716 tỷ đồng); PVC-ME (0,1 tỷ đồng); PVC-Đồng Đô (0,731 tỷ đồng); Vinaconex 39 (1,753 tỷ đồng). Chi tiết một số khoản công nợ phải thu tại thời điểm 31/12/2025 như sau:

+ Phải thu ngắn hạn của khách hàng: 1.254,22 tỷ đồng đã trích lập dự phòng 179,65 tỷ đồng, trong đó công nợ với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 là 781,61 tỷ đồng;

+ Trả trước cho người bán: 559 tỷ đồng đã trích lập dự phòng 306 tỷ đồng;

+ Phải thu cho vay ngắn hạn: 356 tỷ đồng đã trích lập dự phòng 269 tỷ đồng trong đó chủ yếu là khoản phải thu các đơn vị về tiền cho vay ủy thác;

+ Phải thu khác: 329,5 tỷ đồng đã trích lập dự phòng 122 tỷ đồng.

II. BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ CỦA TỪNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT.

2.1. Cơ cấu tổ chức của Ban Kiểm soát.

Ban Kiểm soát Tổng công ty gồm 03 thành viên, trong đó:

+ Ông Hứa Xuân Nam – Trưởng Ban Kiểm soát.

+ Ông Nguyễn Ngọc Cương – Thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhiệm (kể từ ngày 30/6/2021 theo Nghị quyết số 148/NQ-ĐHĐCĐ-XLTK ngày 30/6/2021).

+ Ông Phùng Văn Sỹ - Thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhiệm (miễn nhiệm kể từ ngày 29/05/2025 theo Nghị quyết số 58/NQ-ĐHĐCĐ-XLTK ngày 28/05/2025).

+ Bà La Minh Huệ - Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách (bổ nhiệm kể từ ngày 29/05/2025 theo Nghị quyết số 58/NQ-ĐHĐCĐ-XLTK ngày 28/05/2025).

2.2. Kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025.

- Ban Kiểm soát đã nghiêm túc thực hiện theo các nội dung trong Kế hoạch hoạt động năm 2025 đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua. Ban Kiểm soát đã bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch hoạt động và tình hình thực tế, thực hiện đúng các quyền hạn, trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Tổng công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ.

- Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT/TGĐ để nắm bắt tình hình hoạt động SXKD, tình hình đầu tư, thoái vốn và tái cơ cấu; tham gia đóng góp ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT/TGĐ trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình. Các Thành viên Ban Kiểm soát làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, theo

nguyên tắc độc lập và cân trọng, luôn vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển của Tổng công ty PETROCONS.

- Ban Kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp diễn ra vào ngày 20/03/2025 và ngày 25/09/2025 với nội dung báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ trong Quý và triển khai kế hoạch hoạt động Quý tiếp theo. Nội dung các cuộc họp đều được các thành viên (3/3) tham gia biểu quyết thống nhất thông qua. Ngoài ra, Ban Kiểm soát thường xuyên trao đổi, xử lý công việc thông qua các hình thức như email và điện thoại.

- Trong năm, Ban kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát tại 05 đơn vị: Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH), Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải), Công ty CP Xây lắp Dầu khí Đông Đô (PETROCONS-Đông Đô), Công ty CP Xây dựng Dân Dụng và Công nghiệp Dầu Khí (PVC-IC), Công ty CP Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC).

- Đối với các đơn vị thành viên khác, Ban Kiểm soát xem xét các báo cáo hoạt động SXKD và các báo cáo có liên quan của Người đại diện/Người đại diện phần vốn của PETROCONS tại các đơn vị để kịp thời đưa ra các kiến nghị đề xuất đối với HĐQT/TGĐ PETROCONS.

- Ban Kiểm soát đã xem xét, thẩm định BCTC của Công ty mẹ, BCTC hợp nhất của toàn Tổng công ty hàng quý/năm, thẩm định quỹ tiền lương của Công ty mẹ năm 2025.

2.3. Về hoạt động của từng thành viên Ban Kiểm soát.

Năm 2025, các Thành viên Ban Kiểm soát đã thực hiện và hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ theo từng lĩnh vực được phân công, tuân thủ đúng theo các quy định của Pháp luật, Điều lệ của Tổng công ty. Kết quả đánh giá hoàn thành chức trách nhiệm vụ năm 2025 cụ thể như sau:

2.3.1. Ông Hứa Xuân Nam -Trưởng Ban: Hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công phụ trách các công việc:

- Tham gia đầy đủ cuộc họp của Ban Kiểm soát và cho ý kiến đầy đủ về công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động, lĩnh vực của Ban Kiểm soát được phân công.

- Thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ liên quan đến các công việc, lĩnh vực: Phụ trách chung toàn bộ các hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của PETROCONS, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát PETROCONS, có trách nhiệm ký các báo cáo định kỳ, đột xuất, theo yêu cầu gửi ĐHĐCĐ, Cổ đông lớn - Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam và các công văn, văn bản gửi HĐQT, Ban TGĐ PETROCONS, Người đại diện của PETROCONS tại doanh nghiệp khác; Tham gia các cuộc họp của Tổng công ty PETROCONS và các đơn vị thành viên do Tổng công ty tổ chức; Chủ trì trong công tác lập kế hoạch hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông; lập kế hoạch kiểm tra theo định kỳ, đột xuất trên cơ sở kế hoạch hoạt động năm được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Tổ chức và chủ trì các cuộc họp của Ban Kiểm soát PETROCONS.

- Triển khai tốt công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động: Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các quy định, quy trình, quy chế của Tổng công ty, giám sát việc sửa đổi phù hợp với quy định của Nhà nước; việc thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp trách nhiệm và quyền lợi khác đối với Người lao động, Người quản lý doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật; các chỉ tiêu kế hoạch hoạt động SXKD hàng năm đã được Tập đoàn giao/chấp thuận; kiểm tra hoạt động của Ban Kiểm soát các đơn vị có vốn góp của Tổng công ty; kiểm tra giám sát việc quản lý đầu tư tại các dự án, đầu tư tài chính, thoái vốn, chuyển nhượng vốn tại các dự án, doanh nghiệp; giám sát tình hình thực hiện kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các Ban Điều hành Dự án của Tổng công ty; Đầu mối trực tiếp theo dõi, giám sát hoạt động các đơn vị thành viên: Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS); Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC); Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC- IC).

2.3.2. Ông Nguyễn Ngọc Cương - Thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhiệm: Hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công phụ trách các công việc.

- Tham gia đầy đủ cuộc họp của Ban Kiểm soát và cho ý kiến đầy đủ về công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động, lĩnh vực của Ban Kiểm soát được phân công.

- Thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ liên quan đến các công việc, lĩnh vực: lập Báo cáo hoạt động năm, kế hoạch hoạt động hàng năm tiếp theo của Ban Kiểm soát, trình Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty; Dự thảo lịch kiểm tra các đơn vị và biên bản kiểm tra các đơn vị theo kế hoạch kiểm tra của Ban Kiểm soát; Tham gia các cuộc kiểm tra của Ban Kiểm soát đối với các đơn vị Ban Kiểm soát đến kiểm tra; Có trách nhiệm đôn đốc các đơn vị mình theo dõi gửi báo cáo theo các văn bản Ban Kiểm soát ban hành tháng, quý, năm và xem xét các chỉ tiêu trong báo cáo tài chính, báo cáo kiểm soát của các Đơn vị thành viên, Ban Kiểm soát các đơn vị thành viên, các Ban Điều hành được phân công theo dõi, tổng hợp số liệu và lập dự thảo báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát hàng năm trình Đại hội đồng cổ đông.

- Triển khai tốt công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động: kiểm tra giám sát tình hình thực hiện quyết toán Dự án Nhà máy Nhiệt Điện Thái Bình 2; Kiểm tra giám sát tình hình thu hồi, xử lý công nợ của Công ty mẹ và các Ban Điều hành các Dự án của Tổng công ty; kiểm tra giám sát tình hình quản lý và xử lý tài sản, thiết bị của Tổng Công ty; kiểm tra, xem xét các số liệu báo cáo kế toán của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên; xem xét chuẩn bị các nội dung trong báo cáo tài chính kế toán, nội dung cần thẩm định, đề Ban Kiểm soát thực hiện công việc thẩm định báo cáo 6 tháng, báo cáo năm của Tổng công ty; Đầu mối trực tiếp theo dõi, giám sát hoạt động các đơn vị thành viên: Công ty CP Dầu khí Đông Đô (PETROCONS- Đông Đô); Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC- Thái Bình); Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải).

2.3.3. Bà La Minh Huệ - Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách: Hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công phụ trách các công việc.

- Tham gia đầy đủ cuộc họp của Ban Kiểm soát và cho ý kiến đầy đủ về công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động, lĩnh vực của Ban Kiểm soát được phân công.

- Thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ liên quan đến các công việc, lĩnh vực: Tham gia các cuộc kiểm tra của cơ quan cấp trên đến Ban Kiểm soát PETROCONS kiểm tra; Có trách nhiệm đôn đốc các đơn vị mình theo dõi gửi báo cáo theo các văn bản Ban Kiểm soát ban hành, xem xét các chỉ tiêu trong báo cáo tài chính, báo cáo kiểm soát của các đơn vị thành viên, Ban Kiểm soát các đơn vị thành viên, các Ban Điều hành được phân công theo dõi. Soạn thảo nội dung văn bản về các vấn đề liên quan đến phần việc được phân công khi Trưởng Ban Kiểm soát yêu cầu gửi đến các cơ quan, đơn vị, Ban Điều hành liên quan đến nội dung công việc được phân công theo dõi.

- Triển khai tốt công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động: Kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về quản lý và sử dụng vốn của doanh nghiệp, việc thực hiện ban hành quy chế quản lý tài chính, quy chế nội bộ, kiểm tra giám sát việc phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ; Kiểm tra, xem xét các số liệu báo cáo kế toán của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên; tổng hợp số liệu để dự thảo Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát theo quý, 6 tháng, 9 tháng, cả năm; Xem xét, chuẩn bị các nội dung trong báo cáo tài chính, nội dung cần thẩm định, làm các thủ tục để Ban Kiểm soát thực hiện công việc thẩm định báo cáo 6 tháng, báo cáo năm của Tổng công ty; kiểm tra giám sát việc quản lý đầu tư tại các dự án, đầu tư tài chính, thoái vốn, chuyển nhượng vốn tại các dự án, doanh nghiệp; kiểm tra, giám sát việc trích lập dự phòng, hoàn nhập dự phòng của Công ty mẹ; Đầu mối trực tiếp theo dõi, giám sát hoạt động các đơn vị thành viên: Công ty CP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn (PVC - Bình Sơn); Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC- TH); Công ty CP Phát triển Đô Thị Dầu khí (PVC- Mekong).

III. THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ CỦA TỪNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT.

- Đối với Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách là Người đại diện của cổ đông lớn là Petrovietnam: thực hiện theo Quy chế tiền lương của PETROCONS phù hợp với quy định và thực tế kết quả SXKD của đơn vị.

- Đối với Thành viên Ban Kiểm soát hưởng thù lao không chuyên trách: đã được ĐHDCĐ thường niên năm 2025 thông qua. Các chi phí thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng tiền lương/ thù lao năm 2025	Ghi chú
1	Hứa Xuân Nam	Trưởng Ban	479.487.637	
2	Nguyễn Ngọc Cương	Thành viên kiêm nhiệm	50.000.000	
3	Phùng Văn Sỹ	Thành viên kiêm nhiệm	15.000.000	Miễn nhiệm từ ngày 29/5/2025

3	La Minh Huệ	Thành viên chuyên trách	251.132.429	Bổ nhiệm ngày 29/5/2025
	Tổng cộng		795.620.067	

** Chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2025 là: 85.592.593 đồng.*

Chi phí hoạt động năm 2025: Các chi phí hành chính và liên quan phục vụ hoạt động của Ban Kiểm soát được thực hiện theo các quy định của PETROCONS.

IV. TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ CÁC KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT.

Năm 2025, Ban Kiểm soát đã tiến hành 02 cuộc họp với sự có mặt đầy đủ của các Thành viên Ban Kiểm soát để thống nhất các kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát trong công tác giám sát, kiểm tra tại cơ quan Tổng công ty và các đơn vị thành viên. Ban Kiểm soát có 2 thành viên kiểm soát chuyên trách và 1 thành viên làm kiêm nhiệm, do vậy các thành viên Ban Kiểm soát thực hiện việc trao đổi, đóng góp các ý kiến về công tác hoạt động của Ban Kiểm soát bằng các hình thức gọi điện thoại, gửi email để thảo luận, thống nhất một số nội dung hoạt động của Ban Kiểm soát, các vấn đề phát sinh cũng như trao đổi công tác chuyên môn...

Trong năm Ban kiểm soát đã tham dự các cuộc họp của HĐQT/Ban TGD và có ý kiến, kiến nghị đối với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc về một số nội dung liên quan đến việc thực hiện hợp đồng MDL của Ấn Độ và công tác thoái vốn của Tổng công ty tại PVC – Bình Sơn (Công văn số 20/CV-BKS ngày 14/8/2026; Biên bản họp số 26/BB-XLDK ngày 10/3/2026).

- Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

STT	Số thành viên tham gia	Nội dung chính
1	3/3	- Triển khai kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát 6 tháng đầu năm 2025
2	3/3	- Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025 và triển khai thực hiện kế hoạch năm 2026.

V. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC GIAO DỊCH GIỮA TỔNG CÔNG TY, CÔNG TY CON, CÔNG TY KHÁC DO TỔNG CÔNG TY NẤM QUYỀN KIỂM SOÁT TRÊN 50% TRỞ LÊN VỚI VỐN ĐIỀU LỆ VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA TỔNG CÔNG TY VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA ĐỐI TƯỢNG ĐÓ; GIAO DỊCH GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI CÔNG TY TRONG ĐÓ THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA TỔNG CÔNG TY LÀ THÀNH VIÊN SÁNG LẬP HOẶC LÀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP TRONG THỜI GIAN 03 NĂM GẦN NHẤT TRƯỚC THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH.

- Trong năm 2025, Tổng công ty không có phát sinh giao dịch với Công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Tổng công ty và những người có liên quan của đối tượng đó.

- Trong năm 2025, Tổng công ty không có giao dịch với các Công ty mà Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Tổng công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

VI. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA TỔNG CÔNG TY.

Công tác điều hành SXKD của HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Tổng công ty trong năm 2025 nhìn chung đã tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Tổng công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các quy định pháp luật có liên quan.

6.1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2025, Ban Kiểm soát đã tham gia các cuộc họp định kỳ của HĐQT/Ban Tổng giám đốc và các cuộc họp giao ban, đột xuất hàng tháng, quý.

Hội đồng quản trị PETROCONS đã triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025. HĐQT PETROCONS đã ban hành các Chỉ thị, Nghị quyết chỉ đạo Ban Tổng giám đốc điều hành; các Ban chức năng tại Công ty mẹ và Người đại diện phần vốn tại các Công ty con, công ty liên kết, công ty đầu tư tài chính thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Tập đoàn, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, tiến hành tổ chức SXKD theo hướng phát huy tối đa nguồn lực của PETROCONS đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và đã ban hành một số văn bản, nghị quyết. HĐQT đã thực hiện vai trò chủ đạo, giám sát điều hành của Ban Tổng giám đốc trong công tác điều hành SXKD nhằm tháo gỡ các khó khăn, tồn tại, hạn chế, phòng ngừa các rủi ro tiềm ẩn, duy trì bộ máy điều hành hoạt động SXKD ổn định, tổ chức họp thường xuyên và đột xuất bằng hình thức tập trung hoặc thông qua lấy ý kiến bằng văn bản để ban hành các Nghị quyết, quyết định giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Điều lệ của Tổng công ty.

HĐQT đã duy trì hình thức thông qua phiếu lấy ý kiến để ban hành các Nghị quyết, quyết định giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền theo Quy chế hoạt động của HĐQT và Điều lệ Tổng công ty. Trong năm 2025, HĐQT họp 07 phiên họp thường kỳ đã lấy đầy đủ phiếu ý kiến các thành viên bằng văn bản, thông qua 33 Nghị quyết, 26 Quyết định và các văn bản chỉ đạo khác liên quan đến các hoạt động của PETROCONS. Các Nghị quyết/Quyết định ban hành năm 2025 được thể hiện chi tiết tại Báo cáo tình hình quản trị công ty số 09/BC-XLDK ngày 15/01/2026 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

HĐQT đã thực hiện vai trò chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Tổng giám đốc trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của PETROCONS.

HDQT thực hiện việc tái cấu trúc, sắp xếp lại hoạt động sản xuất kinh doanh của PETROCONS nhằm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của PETROCONS.

HDQT đã thực hiện nghiêm túc báo cáo công tác giám sát gửi đến cổ đông là Petrovietnam các báo cáo như báo cáo giám sát tài chính đặc biệt, báo cáo định kỳ kết quả SXKD.

6.2. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác của Tổng công ty.

Trong bối cảnh đầy khó khăn, thách thức, Ban Tổng giám đốc PETROCONS đã quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng phân cấp giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc. Ban Tổng giám đốc thực hiện đúng vai trò chức trách trong công tác điều hành hoạt động SXKD, tuân thủ đúng, đầy đủ các quy chế, quy định của pháp luật, Petrovietnam và Tổng công ty.

Ban Tổng giám đốc đã tăng cường thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí, kiểm soát chặt chẽ các chi phí, dòng tiền nhằm duy trì hoạt động SXKD; thực hiện các biện pháp củng cố nội lực và tiếp tục đẩy mạnh công tác tiếp thị, đấu thầu, tìm kiếm việc làm mới; tích cực triển khai tìm kiếm các nhà đầu tư quan tâm nhận chuyển nhượng vốn tại các đơn vị cũng như xúc tiến các công tác liên quan đến tái cơ cấu PETROCONS. Và đã đảm bảo việc trả lương cho CBCNV Cơ quan Tổng công ty và Ban ĐH dự án thuộc Tổng công ty được thực hiện trên nguyên tắc gắn tiền lương với vị trí công việc được định biên, chất lượng và hiệu quả công việc, đảm bảo đời sống của CBCNV làm việc tại Công ty mẹ Tổng công ty, thu nhập ổn định. Tuy nhiên, còn một số đơn vị do không có nguồn công việc đã tồn tại kéo dài nhiều năm, nên còn nợ đọng tiền lương, BHXH.

VII. BÁO CÁO GIÁM SÁT SỰ PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HDQT, Ban TGD và các cổ đông dựa trên nguyên tắc trung thực, khách quan, minh bạch vì sự ổn định, phát triển bền vững của Tổng công ty và đảm bảo quyền lợi của cổ đông theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty.

Ban Kiểm soát đã được cung cấp các tài liệu họp của HDQT, Ban TGD do HDQT, Ban TGD chủ trì và tham gia đầy đủ các cuộc họp của HDQT, tham gia góp ý kiến liên quan đến nhận diện và cảnh báo rủi ro trong công tác quản lý, điều hành hoạt động SXKD của Tổng công ty. Các kiến nghị của Ban Kiểm soát được HDQT và Ban TGD xem xét thực hiện đảm bảo lợi ích của Tổng công ty, tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy định quản lý nội bộ của Tổng công ty. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đã hợp tác tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ: như việc cung cấp các thông tin tài liệu, cử cán bộ phối hợp với Ban Kiểm soát khi có yêu cầu và tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát tham gia các cuộc họp của HDQT và Ban TGD Tổng công ty.

Ban Kiểm soát đã thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc về kế hoạch kiểm tra, kiểm soát trong năm. Ban Kiểm soát đã phối hợp với các Ban chức năng của Tổng công ty trong việc kiểm tra, kiểm soát các hoạt động của các đơn vị thành viên và thông báo cáo kết quả cho HĐQT/TGD.

Định kỳ hàng quý, Ban Kiểm soát lập báo cáo kiểm tra giám sát quý, năm gửi cho cổ đông lớn là Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam đồng thời gửi tới HĐQT và Ban TGD PETROCONS.

Hoạt động của Ban Kiểm soát đã nhận được sự hỗ trợ, tạo điều kiện của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các đối tượng kiểm soát phù hợp với yêu cầu kiểm soát, giúp kết quả kiểm soát được đưa ra khách quan, phản ánh đúng bản chất hoạt động của Tổng công ty.

Đối với cổ đông khác: Ban Kiểm soát thực hiện chế độ báo cáo ĐHĐCĐ, công bố thông tin theo đúng quy định hiện hành, thông tin báo cáo tới ĐHĐCĐ một cách trung thực, căn trọng, chính xác. Trong năm 2025, không phát sinh bất cứ yêu cầu nào từ các cổ đông về hoạt động kiểm soát bất thường cũng như về hoạt động SXKD của Tổng công ty.

Đối với cổ đông lớn nhất là Tập đoàn, Ban Kiểm soát thực hiện đầy đủ các báo cáo định kỳ hàng quý/năm và báo cáo đột xuất khi Tập đoàn yêu cầu. Ban Kiểm soát đã gửi đúng theo nội dung và thời hạn quy định.

VIII. CÔNG TÁC THẨM ĐỊNH BÁO CÁO

8.1. Thẩm định báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025.

Ban Kiểm soát thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành. Về cơ bản, các báo cáo tài chính của Tổng công ty đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động SXKD. Việc ghi chép, hạch toán, trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành.

8.2. Thẩm định Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành của HĐQT.

HĐQT đã lập báo cáo hoạt động trong năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026. Trong đó, báo cáo đã đánh giá cụ thể các mặt hoạt động của Tổng công ty trong năm 2025 từ công tác thực hiện định hướng chiến lược, tái cơ cấu doanh nghiệp, quản lý chi phí, quản trị doanh nghiệp, công tác đầu tư... HĐQT luôn giám sát, chỉ đạo và định hướng Tổng công ty thực hiện vấn đề quan trọng, cấp thiết có liên quan đến các định hướng về đầu tư, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, cơ cấu tổ chức và sắp xếp, bổ nhiệm cán bộ quản lý; sửa đổi, ban hành quy chế, quy định nội bộ của Tổng công ty.

Báo cáo hoạt động của HĐQT về công tác quản lý, điều hành Tổng công ty năm 2025 phù hợp với thực tiễn; quyền và nghĩa vụ của HĐQT quy định tại Điều lệ của Tổng công ty và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

8.3. Thẩm định Báo cáo kết quả kinh doanh của Ban Tổng giám đốc.

Ban Kiểm soát đã thực hiện thẩm định báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 của Ban Tổng giám đốc. Trong đó Ban Tổng giám đốc đã báo cáo chi tiết về từng

hoạt động của hoạt động của Tổng công ty, công tác tái cơ cấu, công tác thi công các công trình/dự án trọng điểm, đặc biệt tình hình quyết toán tại Dự án NMNĐ Thái Bình 2... Báo cáo kết quả kinh doanh và công tác quản lý, điều hành năm 2025 của Ban Tổng giám đốc đã phản ánh phù hợp với thực tế hoạt động của Tổng công ty, các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận trong báo cáo được phản ánh và ghi nhận trong Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

8.4. Một số kiến nghị đối với HĐQT/ Ban TGD PETROCONS về công tác Kiểm toán:

- Ban Kiểm soát Tổng công ty đề nghị HĐQT và Ban Tổng giám đốc Tổng công ty PETROCONS có các giải pháp để chỉ đạo quyết liệt xử lý các vướng mắc tồn tại đã nêu trong báo cáo Kiểm toán năm 2025, về việc cơ sở từ chối đưa ra ý kiến của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC nhằm đảm bảo cho hoạt động ổn định và phát triển của Tổng công ty.

+ Về tình hình tài chính của Báo cáo Tài chính Riêng năm 2025 đã được kiểm toán tại ngày 31/12/2025 Lỗ lũy kế của Tổng công ty là 3.780,76 tỷ VND; nợ phải trả ngắn hạn là 3.790,58 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn là 962,41 tỷ VND; các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2025 là 758,43 tỷ VND. Các yếu tố này cùng với nội dung tại thuyết minh số 1 dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Và Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC cũng đưa ra các ý kiến từ chối về số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1,... *(trích dẫn trong mục 1 phần Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến của BC Kiểm toán độc lập Công ty Mẹ).*

+ Về tài chính của Báo cáo Tài chính Hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán, tại ngày 31/12/2025, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty đang phản ánh: Lỗ lũy kế của Tổng công ty là 4.035,98 tỷ VND, nợ phải trả ngắn hạn là 5.438,38 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn là 1.486,37 tỷ VND, các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2025 là 1.631,68 tỷ VND. Tình hình tài chính của Tổng công ty tại ngày 01/01/2025 cũng trong tình trạng tương tự. Các yếu tố này cùng với nội dung tại thuyết minh số 1 dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ,... *((trích dẫn trong mục 1 phần Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến của BC Kiểm toán độc lập Hợp nhất)).*

+ Ban Kiểm soát Tổng công ty đề nghị HĐQT và Ban Tổng giám đốc Tổng công ty PETROCONS có các giải pháp để chỉ đạo quyết liệt xử lý các vướng mắc tồn tại đã nêu trong báo cáo Kiểm toán năm 2025 nhằm đảm bảo cho hoạt động ổn định và phát triển của Tổng công ty.

+ Về công tác Kiểm kê Tài sản: Hàng năm Tổng công ty đã thành lập Hội đồng kiểm kê tài sản Ban Kiểm soát đề nghị HĐQT/ Ban Tổng giám đốc chỉ đạo các Phòng, Ban chuyên môn các Ban điều hành dự án thực hiện việc kiểm kê đúng các qui định của Pháp luật theo luật Kế toán; Luật số 88/2015/QH13 Ban hành ngày 20/11/2015 và các nghị định của Chính phủ đã Ban hành.

+ Về công tác thu hồi công nợ và quyết toán tại Ban ĐHDA Vũng Áng- Quảng Trạch, Ethanol, Polyester: cần phải có biện pháp quyết liệt về thu hồi các khoản nợ tạm ứng của các nhà thầu phụ và các công trình dự án khác.

+ Đối với công tác kế toán cần có các giải pháp và lường trước các tiềm ẩn rủi ro thua lỗ ảnh hưởng trọng yếu đến BCTC đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC nêu tại thuyết minh số 2 mục 2.4 trong Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng năm 2025.

+ Đối với công tác giải thể phá sản của một số đơn vị không còn khả năng phục hồi đề nghị HĐQT/Ban TGD thuê các đơn vị tư vấn để triển khai thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật.

+ Đối với các vụ khởi kiện của các nhà thầu như tại Dự án NMNĐ Thái Bình 2 cần có giải pháp kịp thời để giảm thiểu rủi ro và thua lỗ.

+ Chỉ đạo người đại diện phần vốn tại các đơn vị con, đơn vị liên kết đầu tư tài chính báo cáo chính xác số liệu khi quyết toán các Hợp đồng kinh tế (lỗ/lãi) đảm bảo phản ánh trung thực về thực trạng tài chính của đơn vị, xử lý các vấn đề tồn tại đã được đơn vị kiểm toán hằng năm nêu tại mục ý kiến kiểm toán ngoại trừ (nếu có), đồng thời có các giải pháp thu hồi xử lý công nợ không để không xảy ra tranh chấp khởi kiện làm ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của đơn vị.

IX. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2026

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện (*)
I	Nhiệm vụ thường xuyên	
1.	Kiểm tra/giám sát tình hình thực hiện và tuân thủ Điều lệ đơn vị, Luật doanh nghiệp, pháp luật nhà nước; tình hình thực hiện và tuân thủ các Chỉ đạo của Petrovietnam có liên quan đến hoạt động đơn vị của Người đại diện Petrovietnam tại đơn vị;	Thường xuyên
2.	Kiểm tra/giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025; tình hình tài chính, cân đối vốn và quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn; bảo toàn và phát triển vốn; tình hình thực hiện kế hoạch SXKD hàng quý; kiểm tra/giám sát tình hình triển khai, tiến độ thực hiện và hiệu quả các dự án đầu tư;	Thường xuyên

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện (*)
3.	Phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước, các đoàn kiểm tra, kiểm toán nội bộ của Tập đoàn, của đơn vị trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị.	Thường xuyên
4.	Phối hợp với Người đại diện phần vốn của Petrovietnam trong việc quản lý phần vốn của Petrovietnam tại đơn vị và phần vốn đơn vị đầu tư vào doanh nghiệp khác;	Thường xuyên
5.	Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông; giám sát doanh nghiệp về công tác công bố thông tin về người có liên quan và giao dịch với người có liên quan;	Thường xuyên
6.	Giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh; Kiểm tra/giám sát việc thực hiện tái cấu trúc và đổi mới doanh nghiệp theo Quyết định/Chi thị/Nghị quyết được phê duyệt;	Thường xuyên
7.	Kiểm nghị Hội đồng quản trị biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của đơn vị;	Thường xuyên
8.	Thực hiện các công việc khác của Người đại diện của Petrovietnam làm công tác kiểm soát theo yêu cầu của Petrovietnam, của ĐHĐCĐ và các quy định hiện hành; đề xuất ĐHĐCĐ lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;	Thường xuyên
II	Nhiệm vụ định kỳ	
1.	Thực hiện/phối hợp với Thành viên BKS lập báo cáo hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và tổ chức thực hiện.	Quý IV/2025
2.	Thực hiện/phối hợp với Thành viên BKS trình Đại hội đồng cổ đông thường niên và Tập đoàn các báo cáo: Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2025, thẩm định báo cáo về hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm và báo cáo đánh giá công tác quản lý năm 2025 của Hội đồng quản trị đơn vị.	Quý I

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện (*)
3.	Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.	Hàng quý
4.	Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của đơn vị khi xét thấy cần thiết.	Khi cần
5.	Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của đơn vị; có các kiến nghị, đề xuất nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.	Hàng quý
6.	Thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng/năm 2026.	Sau BCTC soát xét bán niên/cả năm
7.	Thẩm định quỹ tiền lương thực hiện năm 2026 của Người lao động và Người quản lý đơn vị.	Quý II/2026
8.	Kiểm tra/giám sát tình hình thực hiện và xử lý các khuyến nghị của các đoàn kiểm tra của các cơ quan nhà nước, chức năng có thẩm quyền tại đơn vị.	Hàng quý
9.	Lập báo cáo giám sát hàng quý theo Quy định của Tập đoàn và các báo cáo khác theo yêu cầu.	Hàng quý/theo yêu cầu
10.	Lập Kế hoạch hoạt động năm 2026 trình HDTV Petrovietnam thông qua	Trước 15/11 hàng năm
11.	Giám sát hoạt động kiểm kê tài sản cuối năm tại đơn vị	31/12/2026
III	Công tác kiểm tra/giám sát chuyên đề, Dự án, Công ty con, Công ty liên kết (*).	
3.1	Giám sát kết quả kiểm tra tại Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH) theo Biên bản làm việc năm 2025	Quý II
3.2	Giám sát kết quả kiểm tra tại Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải) theo Biên bản làm việc năm 2025	Quý II

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện (*)
3.3	Giám sát kết quả kiểm tra tại Công ty CP Xây lắp Dầu khí Đông Đô (PETROCONS-Đông Đô) theo Biên bản làm việc năm 2025	Quý II
3.4	Giám sát kết quả kiểm tra tại Công ty CP Xây dựng Dân Dụng và Công nghiệp Dầu Khí (PVC-IC) theo Biên bản làm việc năm 2025	Quý II
3.5	Giám sát kết quả kiểm tra tại Công ty CP Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC) theo Biên bản làm việc năm 2025	Quý II
3.6	Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	Quý III
3.7	Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-TB)	Quý IV

Trên đây là tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát PETROCONS trong năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026. Ban Kiểm soát PETROCONS kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam xem xét/thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT PETROCONS;
- Ban TGD PETROCONS;
- Lưu VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Hứa Xuân Nam

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Số: /TTr-XLTK

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025 Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
 Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (Tổng công ty/PETROCONS) đã được sửa đổi và thông qua ngày 05/10/2023;

Thực hiện theo Nghị quyết số 58/NQ-ĐHĐCĐ-XLTK ngày 29/05/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 về việc thông qua lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025, Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC bao gồm:

1- Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán:

- Báo cáo tài chính Công ty mẹ đã được kiểm toán năm 2025.
- Báo cáo tài chính Hợp nhất đã được kiểm toán năm 2025.

2- Phương án phân phối lợi nhuận Công ty Mẹ:

Dvt: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I	Tổng LNST chưa phân phối theo BCTC tại 31/12/2025	(3.780.756.777.533)	
1	Năm trước để lại	(3.791.283.252.151)	
2	Năm 2025	10.526.474.618	
II	Lợi nhuận sau thuế được phân phối	0	
1	Chia cổ tức	0	
	- Bằng cổ phiếu		
	- Bằng tiền mặt		
2	Trích Quỹ đầu tư phát triển	0	
3	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi NLD	0	

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
4	Trích Quỹ thưởng Ban điều hành, Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên	0	
III	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để lại	(3.780.756.777.533)	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, BKS, HĐQT, TCKT.

(Đính kèm BCTC Công ty mẹ và hợp nhất kiểm toán năm 2025 của Tổng công ty PETROCONS)

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nghiêm Quang Huy

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(đã được kiểm toán)

Đ. S. Q. A.

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06 - 48
Bảng cân đối kế toán riêng	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 48

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, thành viên của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 3500102365 ngày 20 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 23 ngày 13 tháng 11 năm 2025 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Tầng 14, tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nghiêm Quang Huy	Chủ tịch	(Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 05 năm 2025)
Ông Phạm Văn Khánh	Thành viên độc lập	(Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 05 năm 2025)
Ông Trần Hải Bằng	Thành viên	
Ông Chu Thanh Hải	Thành viên	
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Quốc Hoàn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Sơn Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty tại ngày lập báo cáo này là Ông Trần Quốc Hoàn (Tổng Giám đốc).

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Hứa Xuân Nam	Trưởng ban	(Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 05 năm 2025)
Ông Nguyễn Ngọc Cương	Thành viên	
Bà La Minh Huệ	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 29 tháng 05 năm 2025)
Ông Phùng Văn Sỹ	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 29 tháng 05 năm 2025)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Tổng Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Quốc Hoàn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam được lập ngày 31 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 48, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề sau đây đến Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tổng Công ty (đính kèm):

1. Tại ngày 31/12/2025, Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty đang phản ánh: Lỗ lũy kế (mã số 421) của Tổng Công ty là 3.780,76 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 3.791,28 tỷ VND); nợ phải trả ngắn hạn (mã số 310) là 3.790,58 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn (mã số 100) 962,41 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 nợ phải trả ngắn hạn là 3.874,35 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn 235,42 tỷ VND); các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2025 là 758,43 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 748,45 tỷ VND). Các yếu tố này cùng với các nội dung tại thuyết minh số 1 dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Trong phạm vi của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, chúng tôi không có đủ thông tin để có thể đánh giá được mức độ thích hợp, hiệu quả của các kế hoạch hoạt động này.
2. Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty có số dư khoản phải thu cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh vay để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh của Khách sạn Lam Kinh với số tiền là 200 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 200 tỷ VND) và số dư dự phòng đã trích lập cho khoản phải thu này là 124,4 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 124,4 tỷ VND) (Thuyết minh số 7). Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu này tại ngày 31/12/2025 và ngày 01/01/2025. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

3. Tại ngày 31/12/2025, số dư chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (Thuyết minh số 10) và dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1 (Thuyết minh số 15) có giá gốc lần lượt là 234,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND). Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để: (1) xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và; (2) nghiệm thu, quyết toán chi phí của Tổng Công ty thực hiện tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang nêu trên tại ngày 31/12/2025 và ngày 01/01/2025. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
4. Tại Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng trình bày số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các dự án (Tổng Công ty là Chủ đầu tư) đã tạm dừng thực hiện từ các năm trước. Tại ngày 31/12/2025, Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí và Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang tổng số tiền là 5,72 tỷ VND. Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
5. Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty có một số khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác với tổng giá trị ghi sổ và giá trị dự phòng lần lượt là 911,58 tỷ VND và 861,84 tỷ VND, các khoản đầu tư này được trích lập dự phòng giảm giá dựa trên số liệu Báo cáo tài chính tự lập hoặc số liệu Báo cáo tài chính gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được (Thuyết minh số 04). Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các tài liệu thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập tại ngày 31/12/2025. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 34 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty có một số khoản công nợ tiềm tàng và chưa có kết quả cuối cùng về các nghĩa vụ liên quan của Tổng Công ty.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không liên quan đến việc từ chối đưa ra ý kiến của chúng tôi.



Phạm Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2023-002-1
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026



Nguyễn Duy Quảng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3363-2025-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	(đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.828.165.643.136	3.638.934.763.990
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	185.725.106.002	354.571.200.087
111	1. Tiền		97.425.106.002	198.571.200.087
112	2. Các khoản tương đương tiền		88.300.000.000	156.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	189.752.688.190	154.509.326.478
121	1. Chứng khoán kinh doanh		14.600.000.000	14.600.000.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(13.885.000.000)	(13.885.000.000)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		189.037.688.190	153.794.326.478
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.622.574.306.650	1.632.922.337.631
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.254.222.367.326	1.309.321.214.277
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	559.356.145.583	558.689.562.551
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	355.676.953.493	355.676.953.493
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	329.532.380.817	286.750.465.332
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(876.939.596.695)	(878.240.846.048)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		726.056.126	724.988.026
140	IV. Hàng tồn kho	10	771.647.894.657	1.383.604.585.419
141	1. Hàng tồn kho		771.647.894.657	1.395.015.419.627
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(11.410.834.208)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		58.465.647.637	113.327.314.375
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	337.369.949	217.796.265
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		36.776.863.875	91.752.277.880
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	21.351.413.813	21.357.240.230

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	(đã điều chỉnh) VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.420.147.720.795	687.737.485.893
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		22.893.210.988	22.893.210.988
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	22.893.210.988	22.893.210.988
220	II. Tài sản cố định		9.840.937.675	10.497.124.460
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	9.595.937.665	10.152.124.454
222	- Nguyên giá		50.296.874.592	50.296.874.592
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(40.700.936.927)	(40.144.750.138)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	245.000.010	345.000.006
228	- Nguyên giá		5.505.180.340	5.505.180.340
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.260.180.330)	(5.160.180.334)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	24.089.000.000	-
231	- Nguyên giá		24.089.000.000	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	15	167.308.721.200	158.163.600.046
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		35.451.655.392	24.471.433.315
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		131.857.065.808	133.692.166.731
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	1.191.490.011.281	490.360.967.556
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.384.909.968.398	1.384.909.968.398
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		735.449.467.055	735.449.467.055
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		170.595.000.000	191.595.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(1.809.149.544.172)	(1.821.593.467.897)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		709.685.120.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.525.839.651	5.822.582.843
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	4.525.839.651	5.822.582.843
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.248.313.363.931	4.326.672.249.883

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	(đã điều chỉnh) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.951.612.858.730	4.040.498.219.300
310	I. Nợ ngắn hạn		3.790.579.194.052	3.874.354.502.480
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	2.403.857.774.213	2.584.563.934.007
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	222.013.426.232	178.580.304.121
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	4.465.686.270	2.441.499.047
314	4. Phải trả người lao động		16.553.852.188	15.062.073.834
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	82.920.795.495	94.861.379.122
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20	26.699.779.405	1.447.841.545
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	422.934.087.512	419.672.124.755
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	22	618.415.003.810	585.006.557.122
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(7.281.211.073)	(7.281.211.073)
330	II. Nợ dài hạn		161.033.664.678	166.143.716.820
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	19	115.497.608.588	115.497.608.588
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	20	45.522.199.903	50.632.252.045
337	3. Phải trả dài hạn khác	21	13.856.187	13.856.187
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		296.700.505.201	286.174.030.583
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	296.700.505.201	286.174.030.583
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(29.710.000)	(29.710.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		76.986.992.734	76.986.992.734
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		500.000.000	500.000.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(3.780.756.777.533)	(3.791.283.252.151)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(3.791.283.252.151)	(3.795.404.143.311)
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		10.526.474.618	4.120.891.160
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.248.313.363.931	4.326.672.249.883

Vũ Thị Châm
Người lập biểu

Vũ Minh Công
Kế toán trưởng



Trần Quốc Hoàn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	1.003.018.521.687	530.359.037.999
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.003.018.521.687	530.359.037.999
11	3. Giá vốn hàng bán	26	978.823.709.215	541.859.855.843
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		24.194.812.472	(11.500.817.844)
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	27	29.237.703.425	37.971.144.758
22	6. Chi phí tài chính	28	(1.428.963.692)	57.178.961.923
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		4.305.077.369	8.446.758.758
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	49.780.912.313	5.153.920.247
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.080.567.276	(35.862.555.256)
31	9. Thu nhập khác	30	8.376.349.381	40.714.076.908
32	10. Chi phí khác	31	2.930.442.039	730.630.492
40	11. Lợi nhuận khác		5.445.907.342	39.983.446.416
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.526.474.618	4.120.891.160
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>10.526.474.618</u>	<u>4.120.891.160</u>

Vũ Thị Châm
Người lập biểu

Vũ Minh Công
Kế toán trưởng



Trần Quốc Hoàn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Năm 2025
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		10.526.474.618	4.120.891.160
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		656.186.785	1.093.546.962
03	- Các khoản dự phòng		(36.536.090.922)	(38.667.089.268)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		15.862.732	(4.275.931.351)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(7.054.550.347)	(9.233.574.666)
06	- Chi phí lãi vay		4.305.077.369	8.446.758.758
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(28.087.039.765)	(38.515.398.405)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		62.344.503.143	142.798.544.116
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		623.767.386.529	57.183.213.866
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(126.339.768.154)	(61.682.700.381)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.177.169.508	2.037.342.883
14	- Tiền lãi vay đã trả		(194.116.473)	(4.130.381.918)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.070.300.000	1.215.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.903.000.000)	(1.240.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		532.835.434.788	97.665.620.161
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(289.000.000)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	2.523.171.380
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(764.928.481.712)	(148.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		20.000.000.000	200.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		10.143.368.883	5.554.480.701
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(735.074.112.829)	60.077.652.081
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		71.524.989.291	56.675.477.205
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(38.116.542.603)	(114.604.984.769)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		33.408.446.688	(57.929.507.564)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(168.830.231.353)	99.813.764.678
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		354.571.200.087	250.481.504.058
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(15.862.732)	4.275.931.351
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	185.725.106.002	354.571.200.087

Vũ Thị Châm
Người lập biểu

Vũ Minh Công
Kế toán trưởng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
Trần Quốc Hoàn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Năm 2025

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, thành viên của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 3500102365 ngày 20 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 23 ngày 13 tháng 11 năm 2025 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Tầng 14, tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là: 4.000.000.000.000 VND, tương ứng 400.000.000 cổ phần, mệnh giá 01 cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 140 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 154 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Xây lắp

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty là: thi công xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Trong năm, Tổng Công ty tiếp tục thực hiện dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với tỷ lệ lỗ gộp dự kiến là 0,67% theo quyết định của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam về việc tạm chấp thuận phương án thực hiện Hợp đồng EPC Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Dự án đang trong giai đoạn cuối chuẩn bị quyết toán, trong năm Tổng Công ty đang gấp rút nghiệm thu các hạng mục lớn còn lại dẫn đến doanh thu, giá vốn xây lắp ghi nhận trong năm tăng mạnh so với năm trước. Bên cạnh đó, chi phí tài chính giảm mạnh do việc hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư (chủ yếu là khoản hoàn nhập dự phòng tại Công ty CP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn số tiền 32,54 tỷ VND). Ngoài ra, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng mạnh do trong năm không có nhiều khoản hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi từ việc đánh giá lại khả năng thu hồi của các khoản công nợ như năm trước. Đây là những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến biến động mạnh của các chỉ tiêu phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh.

Áp dụng giả định về Hoạt động liên tục:

Tại ngày 31/12/2025, Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty đang phản ánh: Lỗ lũy kế (mã số 421) của Tổng Công ty là 3.780,76 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 3.791,28 tỷ VND); nợ phải trả ngắn hạn (mã số 310) là 3.790,58 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn (mã số 100) 962,41 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 nợ phải trả ngắn hạn là 3.874,35 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn 235,42 tỷ VND); các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2025 là 758,43 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 748,45 tỷ VND). Các yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	Hưng Yên	Quản lý dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2
Ban điều hành dự án Vũng Áng - Quảng Trạch	Hà Tĩnh	Quản lý dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng - Quảng Trạch
Ban điều hành các dự án PVC phía Nam	Tp Hồ Chí Minh	Quản lý dự án
Ban điều hành các dự án Nhà máy xơ sợi tổng hợp Polyester	Hải Phòng	Quản lý dự án
Ban điều hành các dự án Nhà máy Etanol Phú Thọ	Phú Thọ	Quản lý dự án
Chi nhánh phía Bắc	Hà Nội	Xây lắp

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Tổng Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 04.

Khả năng so sánh của thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Các thông tin trên báo cáo tài chính riêng đã được Tổng Công ty trình bày nhất quán và có thể so sánh giữa các năm tài chính.

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và của Văn phòng Tổng Công ty.

Trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các báo cáo tài chính riêng này nên đọc các báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2025 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tổng Công ty và các công ty con.

2.4 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Dự phòng phải trả;
- Mức phân bổ các loại chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào báo cáo tài chính riêng/báo cáo tài chính hợp nhất (nếu đơn vị nhận đầu tư là Công ty mẹ) của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình. Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 07 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm;
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm;
- Chi phí tiền thuê văn phòng trả trước được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê trong hợp đồng.

2.14 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.19 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tổng Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng.

2.20 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.21 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.22 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;

- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Thuế suất thuế TNDN

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.24 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả Công ty mẹ, Công ty con và Công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Thông tin chi tiết về giao dịch với bên liên quan được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tổng Công ty do Tổng Công ty công bố đồng thời báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2.25 Thông tin bộ phận

Do Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp, diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam, nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	438.382.223	409.150.412
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	96.986.723.779	198.162.049.675
Các khoản tương đương tiền (i)	88.300.000.000	156.000.000.000
	185.725.106.002	354.571.200.087

(i) Tại ngày 31/12/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng có giá trị 88.300.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông với lãi suất từ 1,6% - 1,9%/năm.

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	189.037.688.190	-	153.794.326.478	-
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	189.037.688.190	-	153.794.326.478	-
Đầu tư dài hạn	709.685.120.000	-	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	709.685.120.000	-	-	-
	898.722.808.190	-	153.794.326.478	-

(i) Tại ngày 31/12/2025, các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng có giá trị 189.037.688.190 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông với lãi suất từ 2,9%/năm đến 4,4%/năm đang được thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng này (Xem thuyết minh 22).

(ii) Tại ngày 31/12/2025, các khoản tiền gửi có kỳ hạn 36 tháng có giá trị 28.180.000 USD được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông với lãi suất 0%/năm.

b) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu	14.600.000.000	(13.885.000.000)	14.600.000.000	(13.885.000.000)
Công ty CP Thiết bị	14.600.000.000	(13.885.000.000)	14.600.000.000	(13.885.000.000)
Nội ngoại thất Dầu khí				
	14.600.000.000	(13.885.000.000)	14.600.000.000	(13.885.000.000)

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Mã CK	Giá gốc	Dư phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dư phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty con							
- Công ty CP Dầu tự và Thương mại Dầu khí Thái Bình		1.384.909.968.398	(952.843.865.314)	72,22%	1.384.909.968.398	(968.363.346.731)	72,22%
- Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	PXS	325.000.000.000	(288.894.319.403)	50,97%	325.000.000.000	(260.599.596.984)	50,97%
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn		286.227.385.833	(239.527.139.667)	52,56%	286.227.385.833	(247.059.155.704)	52,56%
- Công ty CP Dầu khí Đồng Đô	PFL	170.000.000.000	-	34,87%	170.000.000.000	(32.542.332.346)	34,87%
- Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí	PXC	195.150.582.565	(115.104.383.458)	53,44%	195.150.582.565	(117.668.521.014)	53,44%
- Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	PXI	153.532.000.000	(153.532.000.000)	51,00%	153.532.000.000	(153.532.000.000)	51,00%
- Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	PXT	153.000.000.000	(83.146.170.407)	51,00%	153.000.000.000	(83.402.972.479)	51,00%
		102.000.000.000	(72.639.842.379)	51,00%	102.000.000.000	(73.558.768.204)	51,00%
Đầu tư vào công ty liên kết							
- Công ty CP Dầu tự Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	PSG	735.449.467.055	(706.316.495.237)	24,72%	735.449.467.055	(703.240.937.545)	24,72%
- Công ty CP Dầu tự Xây lắp Dầu khí Duyên Hải		83.271.467.055	(83.271.467.055)	42,46%	83.271.467.055	(83.271.467.055)	42,46%
- Công ty CP Dầu tự Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	PVH	58.050.000.000	(29.475.256.810)	36,00%	58.050.000.000	(26.632.401.788)	36,00%
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	PXM	75.600.000.000	(75.600.000.000)	48,27%	75.600.000.000	(75.600.000.000)	48,27%
- Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (i)	PVA	72.400.000.000	(72.400.000.000)	22,64%	72.400.000.000	(72.400.000.000)	22,64%
- Công ty CP Khách sạn Lam Kinh (i)		54.395.000.000	(54.395.000.000)	43,16%	54.395.000.000	(54.395.000.000)	43,16%
- Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (i)		57.000.000.000	(57.000.000.000)	40,00%	57.000.000.000	(57.000.000.000)	40,00%
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội (i)		200.000.000.000	(200.000.000.000)	35,83%	200.000.000.000	(200.000.000.000)	35,83%
- Công ty CP Trang trí Nội thất Dầu khí (i)	PID	107.500.000.000	(107.500.000.000)	49,98%	107.500.000.000	(107.500.000.000)	49,98%
- Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC (i)		19.993.000.000	(19.993.000.000)	44,00%	19.993.000.000	(19.993.000.000)	44,00%
- Công ty CP Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (i)		3.740.000.000	(3.740.000.000)	35,00%	3.740.000.000	(3.740.000.000)	35,00%
		3.500.000.000	(2.941.771.372)		3.500.000.000	(2.709.068.702)	
Các khoản đầu tư khác							
- Công ty CP Xi măng Hạ Long		170.595.000.000	(149.989.183.621)	7,58%	191.595.000.000	(149.989.183.621)	7,58%
- Công ty CP Dầu tự và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (i)		147.300.000.000	(147.300.000.000)	1,67% (*)	147.300.000.000	(147.300.000.000)	1,67% (*)
- Công ty CP Dầu tự Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam		2.500.000.000	(1.200.936.821)	2,50%	23.500.000.000	(1.200.936.821)	2,50%
- Công ty CP Tập đoàn Dầu tự Trường Sơn (i)		12.500.000.000	(1.488.246.800)	3,99%	12.500.000.000	(1.488.246.800)	3,99%
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2 (i)		3.000.000.000	-	5,00%	3.000.000.000	-	5,00%
- Công ty CP Vật liệu Xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4 (i)		2.795.000.000	-	10,00%	2.795.000.000	-	10,00%
		2.500.000.000	-		2.500.000.000	-	
		2.290.954.435.453	(1.809.149.544.172)		2.311.954.435.453	(1.821.593.467.897)	

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con:

Tổng Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí với giá trị là 153,5 tỷ VND căn cứ vào Báo cáo tài chính quý II năm 2024 tự lập của công ty này.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư khác:

Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư tài chính trên dựa theo các căn cứ sau:

Đơn vị	Căn cứ trích lập dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND
Các khoản đầu tư đã thu thập được báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán		148.000.000.000	(148.000.000.000)
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	BCTC năm 2025 đã kiểm toán	75.600.000.000	(75.600.000.000)
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	BCTC năm 2025 đã kiểm toán	72.400.000.000	(72.400.000.000)
Các khoản đầu tư chưa thu thập được báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán		758.044.467.055	(708.305.678.858)
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	BCTC tại ngày 31/12/2024 đã kiểm toán	58.050.000.000	(29.475.256.810)
- Công ty CP Xi măng Hạ Long	BCTC tại ngày 31/12/2024 đã kiểm toán	147.300.000.000	(147.300.000.000)
- Các đơn vị còn lại (i)	BCTC gần nhất thu thập được (i)	552.694.467.055	(531.530.422.048)

(i) Tổng Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của các công ty này.

(*) Giá trị khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc ("PVC Kinh Bắc") tại 01/01/2025 là 23,5 tỷ VND bao gồm 2 phần:

- Số tiền 2,5 tỷ VND vốn góp phát sinh trước năm 2010 chiếm tỷ lệ 5% trên số vốn điều lệ của PVC Kinh Bắc lúc này là 50 tỷ VND; và
- Số tiền 21 tỷ VND phát sinh năm 2010 hình thành từ vụ việc bù trừ công nợ với số tiền Tổng Công ty đã ứng cho PVC Kinh Bắc phục vụ hợp đồng xây lắp, lúc này vốn điều lệ của PVC Kinh Bắc là 150 tỷ VND. Số tiền này, PVC Kinh Bắc được xác định đã dùng để mua 3.400 m² đất tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 20, thôn 1, thị trấn Tam Đảo, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã Tam Đảo, tỉnh Phú Thọ) ("lô đất tại Tam Đảo"), sau đó chuyển nhượng lại cho Công ty TNHH Đầu tư Mai Phương ("Mai Phương").

Theo bản án số 412/2021/HSPT ngày 29/09/2021 đã kết luận:

- Vụ việc ứng tiền thi công cho công ty PVC Kinh Bắc là sai quy định, trả lại lô đất tại Tam Đảo cho Tổng Công ty;
- Tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty tại Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc sẽ được các bên có liên quan tự giải quyết, nếu có yêu cầu sẽ xử lý ở vụ kiện dân sự khác.

Ngày 01/06/2022, Cục trưởng Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội đã ra Quyết định thi hành án số 905/QĐ-CTHSDS bản án nêu trên.

Ngày 27/09/2024, Tổng Công ty đã nhận bàn giao Quyền sử dụng 3.400 m² đất tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 20, thôn 1, thị trấn Tam Đảo, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc từ Công ty TNHH Đầu tư Mai Phương.

Ngày 27/08/2025, Tổng Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

Ngày 24/09/2025, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 115/NQ-XLKD về việc chấp thuận chủ trương điều chỉnh vốn góp của Tổng Công ty tại Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc và ghi tăng tài sản đối với thửa đất tại xã Tam Đảo, tỉnh Phú Thọ. Do đó, tại ngày 31/12/2025, giá trị khoản vốn góp của Tổng Công ty tại PVC - Kinh Bắc còn lại 2.500.000.000 VND, tương ứng tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích là 1,67%.

Ngày 31/01/2026, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 15/NQ-XLKD Phê duyệt chủ trương chuyển nhượng và giá khởi điểm để lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá quyền sử dụng 3.400 m² đất của Tổng công ty tại thửa đất số 6, tờ bản đồ số 20 tại thôn 1, thị trấn Tam Đảo, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã Tam Đảo, tỉnh Phú Thọ). Theo đó, Khu đất có diện tích 3.400 m² được đưa ra đấu giá công khai với mức khởi điểm 210.633.400.000 VND (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Đầu tư vào công ty con				
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	Thái Bình	72,22%	72,22%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	50,97%	50,97%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	Quảng Ngãi	46,51%	52,56%	Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng
Công ty CP Dầu khí Đồng Đô (ii)	Hà Nội	34,87%	34,87%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí	Cà Mau	53,44%	53,44%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	51,00%	51,00%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	51,00%	51,00%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản

- (ii) Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty nhỏ hơn 50% tại Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Đô nhưng Tổng Công ty vẫn có quyền kiểm soát công ty này thông qua quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, cũng như giao và đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, hỗ trợ về công việc, các hợp đồng xây lắp, thị trường, tài chính. Theo đó, Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Đô được xác định là công ty con của Tổng Công ty.

Tên công ty nhận đầu tư	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Hà Nội	40,00%	40,00%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Hà Nội	35,83%	35,83%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	24,72%	24,72%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	Hải Phòng	42,46%	42,46%	Đầu tư phát triển khu công nghiệp, kinh doanh xăng dầu, vật liệu xây dựng
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	Thanh Hóa	36,00%	36,00%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	Đà Nẵng	48,27%	48,27%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	Thanh Hóa	35,01%	43,16%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	Nghệ An	22,64%	22,64%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Trang trí Nội thất Dầu khí	Hà Nội	49,98%	49,98%	Thiết kế và thi công các công trình xây dựng
Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Hà Nội	44,00%	44,00%	Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, thiết kế kiến trúc công trình
Công ty CP Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (iii)	Hà Nội	97,22%	35,00%	Truyền thông và thương mại

(iii) Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (Petro - link) tại ngày 31/12/2025 là 97,22% tuy nhiên tỷ lệ sở hữu này chỉ là tạm thời do các thành viên còn lại chưa góp đủ vốn. Tỷ lệ sở hữu (vốn góp) của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 35%, Tổng Công ty cũng không nắm quyền kiểm soát tại công ty này. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định và trình bày khoản đầu tư vào Petro - link là đầu tư vào công ty liên kết.

Tên công ty nhận đầu tư	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty CP Xi măng Hạ Long	Quảng Ninh	7,58%	7,58%	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm xi măng
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	Bắc Ninh	1,67%	1,67%	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	Hà Nội	2,50%	2,50%	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn	Quảng Bình	3,99%	3,99%	Xây dựng dân dụng, đầu tư, kinh doanh bất động sản, du lịch nghỉ dưỡng...
Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2	Ninh Bình	5,00%	5,00%	Tư vấn thi công xây dựng
Công ty CP Vật liệu Xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4	Hà Nội	10,00%	10,00%	Tư vấn thi công xây dựng

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	781.609.059.847	-	876.699.599.102	-
Viện Dầu khí Việt Nam	30.336.867.228	(747.531.048)	36.963.772.960	(747.531.048)
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	91.469.710.445	(91.469.710.445)	91.469.710.445	(91.469.710.445)
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	37.060.810.724	(23.936.985.990)	41.635.737.524	(23.330.868.807)
Phải thu khách hàng khác	313.745.919.082	(63.493.837.848)	262.552.394.246	(63.315.711.317)
	1.254.222.367.326	(179.648.065.331)	1.309.321.214.277	(178.863.821.617)

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	113.386.879.741	(17.856.157.637)	113.386.879.741	(17.856.157.637)
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	108.864.918.776	(108.864.918.776)	108.864.918.776	(108.864.918.776)
Các đối tượng khác	337.104.347.066	(179.410.144.085)	336.437.764.034	(179.410.144.085)
	559.356.145.583	(306.131.220.498)	558.689.562.551	(306.131.220.498)

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGÂN HẠN

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh (i)	200.000.000.000	(124.356.150.003)	-	-	200.000.000.000	(124.356.150.003)
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (ii)	128.357.292.532	(128.357.292.532)	-	-	128.357.292.532	(128.357.292.532)
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (ii)	16.321.991.226	(5.461.481.782)	-	-	16.321.991.226	(5.461.481.782)
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	10.997.669.735	(10.997.669.735)	-	-	10.997.669.735	(10.997.669.735)
	<u>355.676.953.493</u>	<u>(269.172.594.052)</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>355.676.953.493</u>	<u>(269.172.594.052)</u>

(i) Số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 603/2011/11DTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 ký với OceanBank (nay là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại) để cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh ("Khách sạn Lam Kinh") vay vốn, mục đích để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh cho Khách sạn Lam Kinh.

(ii) Số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HDTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (nay là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại) và Tổng Công ty để thanh toán hồ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An về việc chuyển nhượng cổ phần;

Theo Công văn số 7697/2014/CV - Oceanbank ngày 09/12/2014 của Oceanbank (nay là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại), thời điểm thanh toán các khoản vay nêu trên sau khi được gia hạn là ngày 31/12/2017. Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đang làm việc với các bên liên quan để gia hạn thời gian thanh toán các khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại. Tổng Công ty cũng đang làm việc với các công ty nêu trên để thu hồi các khoản thanh toán hộ hoặc cho vay để có nguồn thanh toán các khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại, nhằm tăng cường khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

8 PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi	3.592.621.041	-	2.752.845.587	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	6.750.990.000	(6.750.990.000)	8.844.483.067	(8.844.483.067)
Phải thu về tạm ứng	7.186.900.362	(980.806.391)	9.318.700.625	(980.806.391)
Ký cược, ký quỹ	44.409.275.926	-	409.275.926	-
Phải thu về lãi cho vay, hỗ trợ vốn, lãi phạt chậm thanh toán, chậm trả	115.369.622.286	(27.733.568.215)	109.513.848.523	(27.733.568.215)
Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	42.770.314.825	(42.328.848.975)	42.770.314.825	(42.328.848.975)
Phí trọng tài quốc tế chưa có phán quyết (ii)	4.889.875.320	-	4.889.875.320	-
Phải thu khác	104.562.781.057	(44.193.503.233)	108.251.121.459	(44.185.503.233)
	329.532.380.817	(121.987.716.814)	286.750.465.332	(124.073.209.881)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	22.893.210.988	-	22.893.210.988	-
	22.893.210.988	-	22.893.210.988	-

(i) Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là khoản tiền ngân hàng đã khấu trừ tài khoản của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho các hợp đồng tín dụng mà Tổng Công ty đứng ra bảo lãnh (Xem thuyết minh số 34).

(ii) Khoản phí trọng tài này được nộp tại Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) nhằm phục vụ cho việc đệ trình Đơn kiện lại Công ty DL E&C Co., Ltd, liên quan đến vụ tranh chấp trọng tài số 05/24 VIAC giữa Tổng Công ty và Công ty DL E&C Co., Ltd (xem thuyết minh số 16). Ngày 31/05/2024, Tổng Công ty đã gửi Đơn kiện lại Công ty DL E&C Co., Ltd tới VIAC và nộp khoản phí trọng tài theo thông báo của VIAC, yêu cầu Hội đồng trọng tài giải quyết các khiếu nại của Tổng Công ty đối với những vi phạm của Công ty DL E&C Co., Ltd trong quá trình thực hiện Hợp đồng EPS. Khoản phí trọng tài này sẽ được Hội đồng trọng tài phân bổ khi lập Phán quyết trọng tài.

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

9. NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc		Giá gốc	
	VND	Giá trị có thể thu hồi VND	VND	Giá trị có thể thu hồi VND
a) Phải thu của khách hàng	218.944.109.303	39.296.043.972	213.958.742.267	35.094.920.650
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	91.469.710.445	-	91.469.710.445	-
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	22.873.655.778	22.872.086.778	23.091.722.361	23.091.722.361
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	30.380.282.717	6.443.296.727	25.401.643.107	2.070.774.300
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	19.243.197.464	-	19.243.197.464	-
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn	572.219.050	-	572.219.050	-
Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	18.000.000.000	-	18.000.000.000	-
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	97.326.195	-	97.326.195	-
Các đối tượng khác	36.307.717.654	9.980.660.467	36.082.923.645	9.932.423.989
b) Trả trước cho người bán	340.933.569.626	34.802.349.128	340.933.569.626	34.802.349.128
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	24.570.776.980	6.714.619.343	24.570.776.980	6.714.619.343
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	108.864.918.776	-	108.864.918.776	-
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	11.263.563.283	-	11.263.563.283	-
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	47.905.728.732	21.708.864.306	47.905.728.732	21.708.864.306
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	26.744.518.395	-	26.744.518.395	-
Công ty CP Vinaconex 39	34.069.058.988	1.057.959.818	34.069.058.988	1.057.959.818
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn	29.923.230.049	100.965.000	29.923.230.049	100.965.000
Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2	26.176.673.819	-	26.176.673.819	-
Các đối tượng khác	31.415.100.604	5.219.940.661	31.415.100.604	5.219.940.661

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc		Giá gốc	
	VND	Giá trị có thể thu hồi VND	VND	Giá trị có thể thu hồi VND
c) Phải thu về cho vay				
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	355.676.953.493	86.504.359.441	355.676.953.493	86.504.359.441
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	200.000.000.000	75.643.849.997	200.000.000.000	75.643.849.997
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	128.357.292.532	-	128.357.292.532	-
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	16.321.991.226	10.860.509.444	16.321.991.226	10.860.509.444
	10.997.669.735	-	10.997.669.735	-
d) Phải thu khác ngắn hạn				
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	128.203.054.522	6.215.337.708	130.288.547.589	6.215.337.708
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	6.138.310.290	-	6.138.310.290	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	28.795.218.993	-	28.795.218.993	-
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	163.889.314	-	163.889.314	-
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	8.125.138.911	-	8.125.138.911	-
Công ty CP Vinaconex 39	4.742.067.735	4.742.067.735	4.742.067.735	4.742.067.735
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	103.192.384	-	103.192.384	-
Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	42.328.848.975	-	42.328.848.975	-
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	5.575.990.000	-	5.575.990.000	-
Các đối tượng khác	7.170.266.109	-	7.170.266.109	-
	25.060.131.811	1.473.269.973	27.145.624.878	1.473.269.973
	1.043.757.686.944	166.818.090.249	1.040.857.812.975	162.616.966.927

10 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.825.344.133	-	1.825.344.133	-
Công cụ, dụng cụ	494.430.000	-	431.700.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	768.994.175.524	-	1.379.564.112.312	-
Hàng hoá	333.945.000	-	13.194.263.182	(11.410.834.208)
	771.647.894.657	-	1.395.015.419.627	(11.410.834.208)

Chi tiết Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, như sau:

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 (i)	507.653.589.970	1.110.252.563.799
Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (i)	234.057.721.353	245.057.868.468
Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 (ii)	12.889.703.081	12.889.703.081
Các công trình khác	14.393.161.120	11.363.976.964
	768.994.175.524	1.379.564.112.312

(i) Các công trình này Tổng Công ty là nhà thầu phụ của tổng thầu EPC. Như trình bày tại Thuyết minh số 35 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, do có thay đổi về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty đang đề nghị Chủ đầu tư, Tổng thầu và các cơ quan có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Báo cáo tài chính riêng chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể liên quan đến vấn đề này.

(ii) Dự án Nhà máy Nhiệt Điện Sông Hậu 1

- Địa điểm xây dựng: Ấp Phú Xuân, Thị trấn Mái Dầm, Huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (nay là xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ)
- Chủ đầu tư: Chủ đầu tư là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ký kết hợp đồng 2348/HĐ-DKVN ngày 10/04/2015 EPC với Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam - Công ty TNHH Một Thành viên;
- Tổng Công ty là nhà thầu phụ cho Tổng thầu theo Hợp đồng số C15/SH1-LLM-PVC gói thầu thi công các hạng mục xây dựng;
- Tổng giá trị hợp đồng: 2.555.445.781.034 VND (sau thuế);
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Thời gian bắt đầu năm 2016, thời gian kết thúc dự kiến 2018;
- Đến nay dự án đã hoàn thành và đang chờ quyết toán.

11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	337.369.949	217.796.265
	337.369.949	217.796.265
b) Dài hạn		
Chi phí thuê văn phòng (i)	4.167.358.945	5.472.381.608
Chi phí trả trước dài hạn khác	358.480.706	350.201.235
	4.525.839.651	5.822.582.843

(i) Chi phí trả trước về tiền thuê văn phòng chờ phân bổ theo các Hợp đồng thuê văn phòng toà nhà San Nam số 001/2009/SN-PVC ngày 08/01/2009 giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH San Nam.

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	16.833.001.007	4.544.455.037	18.608.996.556	10.310.421.992	50.296.874.592
Số dư cuối năm	16.833.001.007	4.544.455.037	18.608.996.556	10.310.421.992	50.296.874.592
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	6.753.336.146	4.544.455.037	18.608.996.556	10.237.962.399	40.144.750.138
Khấu hao trong năm	490.435.140	-	-	65.751.649	556.186.789
Số dư cuối năm	7.243.771.286	4.544.455.037	18.608.996.556	10.303.714.048	40.700.936.927
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	10.079.664.861	-	-	72.459.593	10.152.124.454
Tại ngày cuối năm	9.589.229.721	-	-	6.707.944	9.595.937.665

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 36.663.397.840 VND (tại ngày 01/01/2025 là 36.365.997.840 VND)

13 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	5.505.180.340	5.505.180.340
Số dư cuối năm	<u>5.505.180.340</u>	<u>5.505.180.340</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	5.160.180.334	5.160.180.334
Khấu hao trong năm	99.999.996	99.999.996
Số dư cuối năm	<u>5.260.180.330</u>	<u>5.260.180.330</u>
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	345.000.006	345.000.006
Tại ngày cuối năm	<u>245.000.010</u>	<u>245.000.010</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 5.005.180.340 VND (tại ngày 01/01/2025 là 5.005.180.340 VND).

14 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư phát sinh trong năm là Quyền sử dụng 3.400 m² đất tại xã Tam Đảo, tỉnh Phú Thọ có nguyên giá là 24.089.000.000 VND, được thu hồi theo bản án số 412/2021/HSPT ngày 29/09/2021 từ Công ty TNHH Đầu tư Mai Phương (xem thuyết minh 04 mục c). Bất động sản này đang được dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2025. Tuy nhiên, dựa trên giá thị trường của tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

15 TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
- Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1 (i)	25.781.820.546	12.890.910.273	25.781.820.546	12.890.910.273
- Dự án Nhà máy Xơ sợi	25.759.325.212	9.162.306.880	25.759.325.212	9.162.306.880
- Nhà điều hành trung tâm nhiệt điện Long Phú	12.180.083.636	12.180.083.636	12.180.083.636	800.000.000
- Các công trình khác	6.929.963.962	1.218.354.603	7.329.825.521	1.618.216.162
	<u>70.651.193.356</u>	<u>35.451.655.392</u>	<u>71.051.054.915</u>	<u>24.471.433.315</u>

(i) Theo Công văn số 1828/TTg - KTN ngày 15/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh một số dự án nhà máy nhiệt điện trong các Trung tâm Điện lực Quảng Trạch và Quỳnh

Lập, Tập đoàn Điện lực Việt Nam sẽ thay thế Tập đoàn Dầu khí Việt Nam làm chủ đầu tư Dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch 1. Đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với các bên liên quan để nghiệm thu, quyết toán các chi phí của Tổng Công ty tại dự án này.

b) Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang (ii)	127.973.080.823	127.973.080.823
- Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí (iii)	3.883.984.985	3.883.984.985
- Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang	-	1.835.100.923
	131.857.065.808	133.692.166.731

(ii) Đây là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang (viết tắt là "dự án") do Tổng Công ty tiếp nhận và làm chủ đầu tư từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) theo Quyết định số 7089/QĐ-DKVN ngày 12/08/2010 của Hội đồng Thành viên PVN.

Ngày 22/08/2016, Bộ Tài chính đã có văn bản số 11704/BTC-TCĐN gửi UBND tỉnh Tiền Giang và PVN để hướng dẫn cụ thể về việc chuyển giao dự án trên từ PVN về UBND tỉnh Tiền Giang.

Theo biên bản số 1421/BB-SKH&ĐT ngày 31/07/2017 của Tổ tiếp nhận Dự án giữa UBND tỉnh Tiền Giang, các bên thống nhất ghi nhận giá trị của dự án trong giai đoạn Tổng Công ty thực hiện là 143 tỷ VND.

Ngày 01/10/2018, Tổng Công ty đã ký biên bản thanh lý hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang, bàn giao lại khu đất và các tài sản gắn liền trên khu đất cho cơ quan này.

Ngày 28/02/2019, Văn phòng Chính phủ đã có văn bản số 1630/VPCP-CN chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công thương, Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp hướng dẫn UBND tỉnh Tiền Giang và chủ đầu tư dự án, thanh toán chi phí đã đầu tư cho chủ đầu tư do việc thu hồi đất dự án, đảm bảo đúng quy định của pháp luật, không để thất thoát tài sản nhà nước và đảm bảo quyền lợi của chủ đầu tư.

Qua nhiều lần chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ vẫn chưa có phương án chính thức giải quyết và hướng dẫn hoàn trả kinh phí Tổng Công ty đã đầu tư vào dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tiền Giang.

Ngày 29/03/2021, Tổng Công ty đã có văn bản số 426/XLDK-KHĐT&TCC về việc xin tiếp tục giao làm Chủ đầu tư Dự án KCN Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tỉnh Tiền Giang.

Ngày 06/08/2021, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục gửi Văn bản số 5183/BKHĐT-QLKKT kiến nghị Thủ tướng Chính phủ giao UBND Tỉnh Tiền Giang xử lý dứt điểm các vấn đề liên quan đến Dự án trong năm 2021 theo thẩm quyền và quy định của Pháp luật.

Ngày 15/02/2022, Văn phòng Chính phủ đã có Văn bản số 964/VPCP-CN thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ giao Bộ tài nguyên và Môi trường có ý kiến cụ thể về việc tuân thủ trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật trong việc thu hồi đất dự án của UBND tỉnh Tiền Giang, làm cơ sở xem xét việc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam có được bồi thường tài sản trên đất dự án hay không.

Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, quá trình chuyển giao dự án vẫn chưa hoàn thành. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng công ty sẽ thu hồi được đầy đủ các khoản chi phí Tổng Công ty đã bỏ ra để thực hiện dự án hoặc sẽ được giao lại dự án để triển khai.

(iii) Các dự án đã tạm dừng thi công nhiều năm trước, Ban Tổng Giám đốc chưa đánh giá được khả năng mang lại lợi ích kinh tế tương lai của các dự án này.

16 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty DL E&C Co., Ltd (i)	1.044.419.642.304	1.044.419.642.304	1.044.419.642.304	1.044.419.642.304
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	232.379.768.460	232.379.768.460	206.781.647.084	206.781.647.084
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	177.049.565.265	177.049.565.265	177.207.065.265	177.207.065.265
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	56.105.934.602	56.105.934.602	70.514.325.748	70.514.325.748
Tập đoàn Sojitz	-	-	111.744.046.642	111.744.046.642
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	153.320.580.538	153.320.580.538	166.965.691.507	166.965.691.507
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	57.444.675.794	57.444.675.794	57.624.311.377	57.624.311.377
Các đối tượng khác	683.137.607.250	683.137.607.250	749.307.204.080	749.307.204.080
	2.403.857.774.213	2.403.857.774.213	2.584.563.934.007	2.584.563.934.007

(i) Ngày 25/01/2024, Công ty DL E&C Co., Ltd đã gửi Đơn khởi kiện đến Trung tâm Trọng tài Quốc tế tại Việt Nam (VIAC), bắt đầu vụ tranh chấp liên quan đến Hợp đồng EPS số 30/HDKT/2012/PVC-SDC ngày 22/05/2012 giữa Tổng Công ty (nhà thầu chính) và Công ty DL E&C Co., Ltd (nhà thầu phụ).

Các nội dung mà nhà thầu phụ yêu cầu Hội đồng trọng tài xem xét và quyết định như sau: điều kiện cấp Operational Acceptance (chứng chỉ hoàn thành) cho các công việc theo hợp đồng được nhà thầu phụ thực hiện đã thỏa mãn; thời hạn bảo hành đối với các thiết bị và dịch vụ do nhà thầu phụ cung cấp đã kết thúc; Tổng Công ty thanh toán giá trị khoản công nợ quá hạn với tổng số tiền là 7,67 triệu USD và 287,3 triệu VND; thanh toán giá trị tiền đặt cọc để bảo đảm thực hiện Hợp đồng EPS là 13,4 triệu USD và 532,9 triệu VND; hoàn trả chi phí giữ lại cho nghĩa vụ bảo hành là 20,05 triệu USD và 799,3 triệu VND; chi phí do kéo dài thời gian thực hiện dự án là 11,85 triệu USD; khiếu nại liên quan khác là 6,23 triệu USD; ước tính khoản phạt chậm thanh toán là 17,81 triệu USD.

Ngày 31/05/2024, Tổng Công ty đã nộp Bản tự bảo vệ đối với Đơn khởi kiện của Công ty DL E&C Co., Ltd cho VIAC với các nội dung chính như sau: Tổng Công ty không thừa nhận tư cách khởi kiện của Công ty DL E&C Co., Ltd, phản đối thẩm quyền giải quyết vụ tranh chấp của Hội đồng trọng tài và bác bỏ toàn bộ các khiếu nại nêu trên của Công ty DL E&C Co., Ltd.

Cùng ngày, Tổng Công ty cũng nộp Đơn kiện lại tới VIAC để yêu cầu Công ty DL E&C Co., Ltd bồi thường thiệt hại đối với các vi phạm trong quá trình thực hiện Hợp đồng EPS với tổng giá trị phân bổ là 17.955,47 triệu VND và 36,64 triệu USD.

Ngày 13/06/2024, VIAC có văn bản số 1722/VIAC thông báo về việc Hội đồng trọng tài đã quyết định tổ chức phiên họp trao đổi về quản lý vụ kiện dự kiến vào đầu tháng 08/2024.

Ngày 14/09/2024, VIAC ký văn bản số 2747/VIAC ban hành Chỉ thị tổ tụng số 1 ("PO No.1") thay mặt cho Tòa án.

Ngày 12/12/2024, VIAC tổ chức phiên điều trần trực tuyến có sự tham gia của những người đại diện của 2 bên nguyên đơn và bị đơn.